

**Sự Thật
về
Hiện Tượng
Nói Tiếng Lạ
và
Đặt Tay Té Ngã**

**Pastor Huỳnh Christian Timothy
www.timhieutinlanh.net
2012**

Copyright © 2012 by Timothy Christian Huynh
www.timhieutinlanh.net
Vietnamese Christian Mission Ministry Church, Inc.
All Rights Reserved. Printed in the United States of America

ISBN-10: 193959300X
ISBN-13: 978-1-939593-00-9

Mục Lục

| | |
|------------------------------------------------------------------------|----|
| Lời Nói Đầu | 5 |
| Nguồn Gốc và Tín Lý Các Phong Trào Ân Tứ và Ngũ Tuần | 9 |
| Tiếng Mới và Ân Tứ Nói Ngoại Ngữ Không Phải Là Hiện Tượng Nói Tiếng Lạ | 20 |
| Trả Lời Một Số Lý Luận Bảo Vệ Việc Nói Tiếng Lạ | 25 |
| Hỏi & Đáp: Nói Tiếng Lạ | 40 |
| Hỏi & Đáp: Tiếng Mới và Tiếng Lạ | 44 |
| Hỏi & Đáp: Hiện Tượng “Đặt Tay Té Ngã” | 48 |
| Hỏi & Đáp: Ước Mơ, Giấc Mơ, và Khải Tượng | 51 |
| Ý Nghĩa Các Phép Báp-tem Trong Thánh Kinh | 55 |
| Sự Sống Đời Đời và Sự Chết Đời Đời | 64 |
| Sống Đạo Là Gì? | 69 |

Lời Nói Đầu

Cuốn sách nhỏ này là một tổng hợp bài biên khảo và các bài giải đáp thắc mắc của tôi về các Phong Trào Ân Tứ và Ngũ Tuần.

Trong giai đoạn từ 2001 đến 2006, tôi chung đụng và cùng làm việc với rất nhiều người Ân Tứ và Ngũ Tuần. Vào lúc đầu, khi chứng kiến các hiện tượng “đặt tay té ngã,” “nói tiếng lạ,” “say Thánh Linh...” tôi cảm thấy rất là lạ lùng vì không thấy những điều này được nói đến trong Thánh Kinh. Tuy nhiên, sự nóng cháy của những người Ân Tứ và Ngũ Tuần trong sự cầu nguyện, thờ phượng, chứng Đạo, và truyền giảng khiến cho tôi không dám nghĩ rằng, những hiện tượng đó không đến từ Chúa.

Tôi dành một thời gian dài, cầu nguyện, xin Chúa bày tỏ cho mình. Thậm chí, tôi xin với Chúa rằng: *“Con biết ân tứ của Đức Thánh Linh được ban cho tùy theo thánh ý của Ngài, nhưng con cầu xin điều này, nếu sự “nói tiếng lạ” của những người Ân Tứ và Ngũ Tuần là ân tứ của Đức Thánh Linh, thì xin Chúa ban cho con được một lần có thể “nói tiếng lạ” để ấn chứng rằng, nó đến từ Chúa, rồi Chúa cất nó ra khỏi con, nếu ý của Chúa là không ban cho con ân tứ đó, chỉ để con được yên tâm mà hầu việc Chúa chung với những người Ân Tứ và Ngũ Tuần...”*

Tôi không bao giờ nhận được sự “nói tiếng lạ” từ nơi Chúa, mà trong tâm thần tôi chỉ có một sự nhắc nhở rõ ràng: *“Chớ tin cậy mọi thần, nhưng hãy thử cho biết các thần có phải đến bởi Đức Chúa Trời chăng?”* (I Giăng 4:1). Tôi tự hỏi, làm sao để thử các thần? Câu trả lời đến trong tâm trí tôi: *“Cả Thánh Kinh đều là bởi Thiên Chúa hà hơi, có ích cho sự dạy dỗ, bẻ trách, sửa trị, dạy người trong sự công bình, hầu cho người thuộc về Đức Chúa Trời được trọn vẹn và sẵn sàng để làm mọi việc lành”* (II Ti-mô-thê 3:16-17).

Sau khi xét thấy rõ các hiện tượng: “đặt tay té ngã,” “nói tiếng lạ,” “say Thánh Linh...” hoàn toàn không được nói đến trong Thánh Kinh, ngược lại, có hình thức như dân ngoại giáo lên đồng, lên bóng, đọc thần chú hoặc bị quỷ nhập, đồng thời, qua một thời gian chung đụng, cùng làm việc với những người tự xưng là đầy dẫy Thánh Linh, tôi nhận ra họ đang sống trong tội lỗi cách thầm kín (đủ các thói: kiêu ngạo, tham lam, dối trá, thất tín, ganh tỵ, nói xấu, vu khống... và tà dâm), thì tôi chấm dứt sự giao tiếp với họ và tránh xa tất cả các tổ chức giáo hội nào công nhận việc “nói tiếng lạ.”

Đến tháng 6 năm 2006, trong khi đang quản nhiệm Hội Thánh của Chúa tại Tucson, Arizona, và phụ trách tổ chức ngày kiêng ăn cầu nguyện cho Việt Nam, thì tôi thực sự bị tà linh nói tiếng lạ tấn công. Trong dịp đó, có một mục sư Việt Nam sơ giao với tôi, dẫn theo bảy tín đồ từ California đến tham dự nhóm cầu nguyện, trong đó có một người Mỹ. Họ là những người “nói tiếng lạ.” Vì họ xin phép được tham dự cầu nguyện cho Việt Nam và hứa là sẽ vâng theo các quy định của ban tổ chức, nên tôi đồng ý cho họ đến tham dự.

Họ lái xe từ California đến Tucson, Arizona vào lúc nửa đêm, nên tôi thu xếp cho họ ngủ qua đêm trong nhà của tôi. Căn nhà chúng tôi thuê lúc đó có ba phòng ngủ và một phòng khách rộng, nên có đủ chỗ cho mọi người.

Sáng hôm sau là thứ bảy, ngày đầu tiên kiêng ăn cầu nguyện, mọi người cùng đến nơi nhóm họp thờ phượng. Nhóm tám người “nói tiếng lạ” đó cũng đến nhóm với chúng tôi nhưng có một điểm kỳ lạ nơi họ mà tôi không bao giờ quên được. Đó là: không một người nào trong số họ mang theo Thánh Kinh, kể cả người mục sư. Họ phải hỏi mượn Thánh Kinh từ nơi tôi. Chúng tôi tổ chức nhóm liên tục suốt hai ngày, với những buổi nghỉ giải lao. Dưới đây là một vài hiện tượng đã xảy ra với nhóm tám người nói tiếng lạ:

- Có một lúc, tôi đang hướng dẫn Hội Thánh tôn vinh Chúa thì một phụ nữ trong nhóm họ đứng lên, bắt giọng hát một bài thánh ca khác mà cả nhóm họ hát theo. Tôi và cả hội chúng yên lặng, chờ cho họ hát xong thì chúng tôi tiếp tục chương trình thờ phượng của mình. Tôi dự định, nếu họ còn tiếp tục quấy rối như vậy thì tôi sẽ mời họ ra khỏi phòng nhóm. Nhưng sau đó, họ đã ngồi yên, đắm chìm trong sự lâm râm cầu nguyện tiếng lạ của họ.

- Khi đến giờ cầu nguyện thì họ cùng nhau lớn tiếng cầu nguyện tiếng lạ, người thì ngồi xếp bằng trên sàn nhà, lắc lư thân hình, người thì quỳ mọp trên sàn, người thì lặn lội trên mặt sàn, người thì nằm ngửa trên sàn, gác cả hai chân lên vách tường. Trong số họ, có nhiều người là phụ nữ nhưng đã thể hiện nhiều tư thế thật là hớ hênh, khó coi... Những âm thanh do họ phát ra làm cho toàn thể hội chúng đều bị nhức đầu và khiếp sợ, hầu hết phải bỏ ra khỏi phòng nhóm, chỉ còn lại những người trong ban tổ chức và vài chấp sự trong Hội Thánh. Chính cá nhân tôi cũng bị nhức đầu rất là lạ lùng. Chúng tôi đã nhân danh của Đức Chúa Jesus Christ để truyền cho các tà linh đang hiện diện phải lui ra khỏi phòng nhóm thì cơn nhức đầu mới lui đi và nhóm tám người nói tiếng lạ đó mới dịu lại.
- Sau đó, nhóm tám người kéo ra ngoài, đứng cầu nguyện tiếng lạ trong bãi đậu xe, và kể cho nhau nghe các “khải tượng” mà họ đang thấy. Họ không chịu vào phòng nhóm, trừ khi tôi cho phép mục sư của họ đứng lên điều khiển buổi nhóm. Họ đòi đặt tay trên tôi để tôi được báp-tem bằng Thánh Linh. Họ nói tà linh đang hiện diện trong phòng nhóm nên họ không vào trong đó. Họ nói, họ thấy Khải tượng có rất nhiều con rắn lớn trong phòng nhóm, đồng thời, có nhiều chim bồ câu trắng bay đến nhưng không vào trong phòng nhóm được vì có quá nhiều rắn. Họ giải thích với tôi, rắn là tà linh còn bồ câu là Đức Thánh Linh. Họ yêu cầu tôi để cho mục sư của họ đứng lên điều khiển buổi nhóm để trục xuất hết các tà linh thì Đức Thánh Linh mới vào phòng nhóm, và Hội Thánh mới được đầy dẫy Thánh Linh và một cuộc phục hưng lớn sẽ xảy ra.

Dĩ nhiên, tôi khước từ tất cả các đề nghị của họ, và sự kiện đó khiến cho tôi nhớ lại Chúa đã báo trước cho tôi rằng Sa-tan sẽ vào trong phòng nhóm trong kỳ kiêng ăn cầu nguyện cho Việt Nam này. Trước đó khoảng một tuần, liên tục ba đêm, tôi nằm mơ nghe tiếng Chúa phán với tôi là Sa-tan sẽ vào trong phòng nhóm trong ngày kiêng ăn cầu nguyện cho Việt Nam. Tôi nghĩ, có lẽ Sa-tan sẽ hiện diện trong thân thể thuộc linh của nó để cản trở sự cầu nguyện của chúng tôi. Mục đích chính trong sự cầu nguyện của chúng tôi vào năm đó, là xin Chúa cất đi quyền lực của Sa-tan trên đất nước và dân tộc Việt Nam, đã được biểu hiện qua hình ảnh con rồng và truyền thuyết “con rồng cháu tiên” của dân tộc Việt Nam.

Trước đó khoảng một tháng, nhà tôi đang cầu nguyện xin Chúa thương xót, giải cứu dân tộc Việt Nam ra khỏi sự thờ lạy hình tượng, thì bà nghe Chúa phán: *“Dân tộc con phạm thượng, kêu “Trời” vô có. Dân tộc con đã nhận rồng làm Cha. Các con đã mời nó vào thì phải đuổi nó ra, thì các linh sợ hãi sẽ không còn cai trị trên họ. Hình tượng bị vô hiệu hóa thì Tin Lành sẽ được tiếp nhận dễ dàng. Hai mươi lăm năm trước Ta đã cho con thấy hình ảnh hai con rồng. Chính nó là chúa quỷ. Chính nó đã dẫn dụ dân tộc con thờ phượng nó. Hãy kiêng ăn cầu nguyện, vì có những thứ quỷ cần phải kiêng ăn cầu nguyện mới đuổi được chúng.”*

Vợ chồng chúng tôi hết lòng cầu nguyện xin sự bảo vệ của Chúa và có nghĩ đến việc, Sa-tan có thể tấn công hai con chúng tôi để phá vỡ ngày kiêng ăn cầu nguyện của chúng tôi. Chúng tôi dâng trình sự an toàn của hai con mình lên Chúa và hứa nguyện rằng, dầu cho có bất cứ chuyện gì xảy đến cho hai con chúng tôi: bệnh tật, tai nạn, và ngay cả sự chết, thì chúng tôi vẫn cậy ơn và sức của Chúa để hoàn tất hai ngày kiêng ăn, cầu nguyện cho Việt Nam, rồi mới giải quyết những vấn đề liên quan đến con mình.

Thế nhưng, Sa-tan không thể dùng sức để tấn công chúng tôi, vì Đấng ở trong chúng tôi mạnh hơn nó, mà chỉ có thể dùng kế, và nó đã sai các sứ giả của nó đến, tìm cách phá rối chương trình nhóm họp của chúng tôi.

Cảm tạ Chúa, hai ngày kiêng ăn và cầu nguyện cho dân tộc Việt Nam vào tháng 6 năm 2006 đã hoàn tất một cách tốt đẹp, dầu có sự tấn công của Sa-tan. Chiều chủ nhật, sau khi kết thúc sự nhóm họp, ban tổ chức mời tất cả mọi người tham dự, ra nhà hàng ăn uống và thông công với nhau. Trong bữa ăn và vào lúc chia tay, nhóm tám người nói tiếng lạ đã trở nên hết sức hiền hòa, thân ái với chúng tôi, và còn khen rằng, chúng tôi là những người đầy ơn Chúa.

Tối hôm đó, khi về đến nhà, vợ chồng chúng tôi có cái cảm giác rất là khác thường. Hình như có

những cái bóng đen thoát hiện, thoát ẩn, lẫn khuất trong nhà chúng tôi và có một mùi hôi lạ lùng, thoang thoảng. Nhưng sau hai ngày kiêng ăn cầu nguyện, thân thể chúng tôi đã mệt mỏi và vì mới được ăn no, nên chúng tôi vội tắm rửa rồi đi ngủ, không bận tâm lắm về cảm giác và mùi hôi khác thường.

Đến khoảng ba giờ sáng thì tôi giật mình thức giấc vì tiếng kêu khóc của nhà tôi. Dưới đây là lời làm chứng của nhà tôi:

Lời làm chứng của Huỳnh Christian Priscilla (Mỹ Linh):

“Tôi đang ngủ thì nằm mơ thấy những người phụ nữ trong nhóm tám người nói tiếng lạ, từ trong bóng tối âm u tiến ra. Họ hỏi tôi người phụ nữ trong Hội Thánh Tucson mà trong buổi nhóm đã chống đối sự nói tiếng lạ của họ, ở đâu? Tôi cảm thấy dường như những người này có ý muốn kiếm người tín đồ đó để làm khó, cho nên, tôi mới nói, người đó không có ở đây, các chị có điều gì thì hãy nói với chồng tôi, là người quản nhiệm Hội Thánh. Nghe tôi nói vậy thì họ bèn bỏ đi. Liền sau đó, một người đàn ông xuất hiện ngay đầu giường của tôi, thân thể cao lớn lạ thường, mặt thì đỏ bầm. Tôi nhận ra khuôn mặt đó chính là của người mục sư cầm đầu bảy người nói tiếng lạ từ California.

Ông ta tiến đến chỗ tôi nằm. Tôi cảm nhận là ông ta muốn làm hại tôi, nên tôi sợ hãi. Ông ta ngồi xuống trên giường và đưa hai tay ra bóp lấy cổ tôi. Dù ông ta không nói gì, nhưng tôi có cảm nhận là ông ta đang muốn tôi phải phát ra những tiếng lạ như những người Ân Tứ và Ngũ Tuần. Tôi ú ớ, chống đối và kêu cầu Chúa: Chúa ơi! xin cứu con. Con không muốn nói thứ tiếng lạ đến từ quỷ. Lúc đó, chồng tôi nghe tôi ú ớ nên lay tôi thức dậy. Tôi kể cho chồng tôi nghe giấc mơ và chồng tôi nói: Mình hãy cầu nguyện, xin Chúa bày tỏ. Nếu đây là tà linh muốn ép em nói tiếng lạ thì xin Chúa ấn chứng, bằng cách cho phép sự kiện này tái diễn.

Chúng tôi cầu nguyện và nằm ngủ lại. Tôi vừa nằm xuống thì lập tức một quyền lực xâm hãm tôi, buộc tôi phải buột miệng phát ra những âm thanh lạ. Quyền lực này cố mở miệng tôi ra, ép tôi phát ra những âm thanh lạ, trong khi tôi cố hết sức để chống lại và kêu cầu danh Chúa. Tôi bật ngồi dậy và khẩn thiết kêu cầu danh Chúa. Lúc đó, chồng tôi cũng ngồi bật dậy và ôm lấy tôi, cầu nguyện cho tôi.

Khi tôi nghe nhà tôi vừa khóc vừa kêu cầu Chúa: “Chúa ơi, con không muốn nói thứ tiếng lạ của quỷ, xin cất ra khỏi con sự thúc giục nói tiếng lạ này!” Thì tôi lập tức ngồi dậy, ôm nhà tôi vào lòng và cất tiếng cầu nguyện xin Chúa giải cứu. Vừa khi tôi chạm tay vào người của nhà tôi thì lập tức có một điều gì giống như một luồng điện từ thân thể nhà tôi chuyển sang tôi, lan tràn khắp người tôi và đầy cả bụng tôi, làm cho tôi bị ớn lạnh. Rồi, có một sức mạnh đi từ dưới bụng của tôi, dâng tràn lên cổ họng tôi, làm cho cứng cả quai hàm của tôi, khiến cho lời cầu nguyện của tôi không còn được phát ra cách rõ ràng nữa. Tôi biết quyền lực của tà linh đang tìm cách khống chế mình. Tôi không cảm thấy sợ hãi mà chỉ cố cầu nguyện ra tiếng, xin Chúa giải cứu chúng tôi ra khỏi quyền lực của tà linh.

Bỗng nhiên, tôi cảm nhận rất rõ ràng một sự thúc giục trong tôi là tôi phải mở miệng ra để nói tiếng lạ. Lúc đó, tôi vẫn lập cả lập cập kêu cầu Chúa, vì quai hàm tôi bị tê cứng khó phát âm. Nhưng tôi cảm nhận rất rõ ràng là, nếu tôi để cho miệng tôi phát ra một tràng âm thanh lạ thì tôi sẽ phát thanh một cách thông suốt. Tôi lập tức ý thức là tà linh nói tiếng lạ đang xúi giục tôi nói tiếng lạ nên tôi chuyển lời cầu nguyện sang: “Lạy Chúa, xin đừng để chúng con nói thứ tiếng lạ không đến từ Chúa.” Và, trong danh của Đức Chúa Jesus Christ, tôi ra lệnh cho tà linh nói tiếng lạ phải ra khỏi chúng tôi, ra khỏi căn nhà của chúng tôi.

Lập tức, mọi áp lực tan biến, vợ chồng chúng tôi trở lại bình thường. Chúng tôi cảm tạ Chúa và nằm ngủ lại, bình an cho tới sáng.

Sáng hôm sau, vì cái mùi hôi thoang thoảng lạ lùng vẫn còn trong nhà, cho nên, chúng tôi gom tất cả các mền, và khăn trải giường đã đưa cho tám người nói tiếng lạ sử dụng, đem đi bỏ. Sau đó, thì mùi hôi biến mất, cảm giác có những bóng đen lảng vảng trong nhà cũng biến mất. Chúng tôi không bao giờ quên được mùi hôi đó. Nó giống như mùi tử khí trong nhà xác, tanh tanh và làm cho ớn lạnh, nổi

da gà. Từ đó, chúng tôi càng vững tin: hiện tượng nói tiếng lạ và đặt tay té ngã là đến từ Sa-tan.

Trong danh của Đức Chúa Jesus Christ và bởi ơn ban cho từ Ngài, chúng tôi đã giúp cho nhiều người nhận thức được sự thật về hiện tượng nói tiếng lạ và đặt tay té ngã. Chúng tôi đã cầu nguyện hoặc hướng dẫn cho nhiều người cầu nguyện để trục xuất tà linh nói tiếng lạ ra khỏi thân thể của họ. Ngày nay, họ đã trở nên những người lớn mạnh trong Chúa và là những chứng nhân về sự Sa-tan giả mạo ân tứ nói ngoại ngữ của Đức Thánh Linh trong các Phong Trào Ân Tứ và Ngũ Tuần.

Quý bạn đọc có thể xem thêm các video clips sau đây trên Youtube:

- <https://www.youtube.com/watch?v=uNUP9kYB-a8>
- https://www.youtube.com/watch?v=qq_esv6mQbc
- <https://www.youtube.com/watch?v=DFMitcv6Cys>
- <https://www.youtube.com/watch?v=iKzJKMvHkd0>

Tôi cầu xin Đức Chúa Trời sẽ dùng cuốn sách nhỏ này, và những lời chứng trong các video clips nói trên đem lẽ thật của Lời Chúa đến cho những người đang bị tà linh nói tiếng lạ kiềm chế, để họ được lẽ thật của Lời Chúa giải phóng họ ra khỏi sự lừa gạt của Sa-tan, và có được một đời sống sung mãn trong Đức Chúa Jesus Christ. A-men!

Huỳnh Christian Timothy
21/12/2012

Nguồn Gốc và Tín Lý Các Phong Trào Ân Tứ và Ngũ Tuần

Dẫn Nhập

Kể từ thập niên 1960 cho đến nay, một phong trào phát sinh từ trong các Giáo Hội Tin Lành và Công Giáo được gọi là "Phong Trào Ân Tứ," đã trở nên lớn mạnh và xâm nhập sâu rộng vào trong Hội Thánh của Chúa ở khắp nơi. Phong Trào Ân Tứ (Charismatic Movement – 1906) thoát thai từ Phong Trào Ngũ Tuần (Pentecostal Movement – 1901). Theo thống kê vào năm 2003, số người thuộc hai phong trào này lên đến khoảng 700 triệu, nghĩa là chiếm khoảng 33% tổng số những người xưng nhận có đức tin trong Đấng Christ (Christians – bao gồm Chính Thống Giáo, Công Giáo, Anh Giáo, và Tin Lành Giáo) trên toàn thế giới. Các Phong Trào Ân Tứ và Ngũ Tuần mang lại nhiều tranh luận cũng như phân rẽ trong Hội Thánh. Nhiều giáo phái lớn trong các Giáo Hội Tin Lành và Công Giáo đã thành lập những ban nghiên cứu. Ngay cả, người ngoại đạo cũng thành lập các ban nghiên cứu về hiệu ứng tâm lý trong sự kiện chữa bệnh và nói tiếng lạ của các Phong Trào Ân Tứ và Ngũ Tuần.

Nếu nhìn một cách khách quan thì có thể nói Ân Tứ với Ngũ Tuần chỉ là một. Ngũ Tuần như là gốc và thân chính của một cây với vài nhánh lớn, Ân Tứ như là những nhánh nhỏ phát sinh từ những nhánh lớn của Ngũ Tuần. Những hoa, lá, cành nhiều khi che lấp cả thân cây, vì thế, ngày nay thế giới biết nhiều đến Ân Tứ hơn là Ngũ Tuần.

Đấu hiệu đặc trưng của Phong Trào Ân Tứ là sự "đặt tay té ngã" và "nói tiếng lạ." Người Ân Tứ tin rằng, khi một người nhận được báp-tem bằng Thánh Linh thì phải biết "nói tiếng lạ" và khi một người được đầy dẫy Thánh Linh thì bị té ngã mà họ gọi là "bị giết trong Thánh Linh" (slain in the Spirit). Hiện tượng "té ngã" khi được đầy dẫy Thánh Linh là điều không hề được ghi lại trong Thánh Kinh. Tiếng lạ mà những người Ân Tứ và Ngũ Tuần nói không phải là ngôn ngữ có người hiểu được, như Thánh Kinh đã ghi lại trong Công Vụ Các Sứ Đồ chương hai, mà là một thứ âm thanh không có cấu trúc của ngôn ngữ và cũng không có ai hiểu.

Từ ngữ "nói các thứ tiếng khác" trong Công Vụ Các Sứ Đồ 2:4 được dịch sang tiếng Anh là "speak in other tongues." Trong nguyên tác tiếng Hy-lạp (Greek) của Thánh Kinh là:

- *λαλειν*, [G2980](#), phiên âm quốc tế /*laleō*/, phiên âm tiếng Việt [*la-lé-ô*], có nghĩa là: phát âm, nói.
- *ετεραις*, [G2087](#), phiên âm quốc tế /*heteros*/, phiên âm tiếng Việt [*hé-to-ro-s*], có nghĩa là: khác.
- *γλωσσαις*, [G1100](#), phiên âm quốc tế /*glōssa*/, phiên âm tiếng Việt [*g-ló-xà*], có nghĩa là: các ngôn ngữ.

Thánh Kinh không bao giờ nói đến một thứ "tiếng lạ." Thánh Kinh Việt Ngữ Bản Dịch Truyền Thống đã dịch không chuẩn khi dịch *γλωσσαις* (các ngôn ngữ) thành "tiếng lạ."

Lược sử các Phong Trào Ân Tứ và Ngũ Tuần

Các Phong Trào Ân Tứ và Ngũ Tuần dấy lên trong lịch sử của Hội Thánh kể từ ngày đầu tiên của thế kỷ 20 và kéo dài cho đến nay đã tạo ra nhiều ảnh hưởng sâu đậm cả bên trong lẫn bên ngoài Hội Thánh. Sự tìm hiểu về các phong trào này thường khiến cho người ta đối diện với hai vấn đề:

1. Lẫn lộn giữa Phong Trào Ân Tứ và Phong Trào Ngũ Tuần.
2. Lẫn lộn giữa Phong Trào Ân Tứ, Phong Trào Ngũ Tuần, và các giáo phái Tin Lành truyền thống.

Để giảm thiểu những khó khăn dẫn đến sự rối trí trong khi theo dõi bài này, độc giả cần ghi nhớ các điểm quan trọng sau đây:

- Danh từ **Phong Trào Ngũ Tuần** được dùng để gọi sự kiện "nói tiếng lạ" xuất hiện trong một

cộng đồng Cơ-đốc nhân thuộc Giáo Hội Tin Lành, làm phát sinh ra một giáo phái mới trong Giáo Hội Tin Lành gọi là Giáo Phái Ngũ Tuần. Giáo Phái Ngũ Tuần theo thời gian phân nhánh ra thành nhiều tiểu giáo phái. Có thể ví Phong Trào Ngũ Tuần như một trong những cây con nảy ra từ gốc của cây mẹ (Giáo Hội Tin Lành), sau đó, từ gốc của cây con đó lại nảy ra nhiều cây con khác nữa.

- Danh từ **Phong Trào Ân Tứ** được dùng để gọi sự kiện “đặt tay té ngã” và “nói tiếng lạ” xuất hiện trong tất cả các giáo hội và giáo phái của Cơ-đốc Giáo. Phong trào này thoạt đầu không tách rời khỏi các giáo phái như Phong Trào Ngũ Tuần, nhưng khi đã phát triển mạnh mẽ thì tự hình thành các giáo phái. Phong Trào Ân Tứ ví như những trái cây phát sinh ra trên khắp các nhánh của một thân cây (Cơ-đốc Giáo, bao gồm các giáo hội Chính Thống Giáo, Anh Giáo, Công Giáo, Tin Lành...) khi chín mùi thì rụng xuống và mọc lên thành những cây mới.
- Danh từ **Phong Trào Dấu Lạ** được dùng để gọi sự kiện những dấu kỳ, phép lạ xuất hiện trong tất cả các giáo hội và giáo phái của Cơ-đốc Giáo mà không nhất thiết phải có hiện tượng “té ngã” và “nói tiếng lạ” kèm theo. Trên một phương diện, Phong Trào Dấu Lạ cũng chính là một Phong Trào Ân Tứ nhưng không chủ trương đề cao việc “đặt tay té ngã” và “nói tiếng lạ” cho bằng việc đề cao dấu kỳ, phép lạ xuất hiện trong khi giảng đạo.
- Danh từ "trường phái" nói đến những khuynh hướng khác nhau trong cùng một phong trào. Thí dụ: Phong Trào Ngũ Tuần có mẫu số chung là "nói tiếng lạ" và tin rằng hiện tượng "nói tiếng lạ" là dấu hiệu của một người được báp-tem bằng Thánh Linh. Tuy nhiên, có ba khuynh hướng khác nhau về ý nghĩa của hiện tượng "nói tiếng lạ," khiến cho phân chia thành ba trường phái khác nhau. Có thể nói, phong trào là gốc cây chính, trường phái là các cây khác nảy ra từ gốc cây chính.
- Danh từ "làn sóng" do Phong Trào Dấu Lạ đặt ra để tự phân biệt với các Phong Trào Ân Tứ và Ngũ Tuần. Theo họ, từ đầu thế kỷ 20 đến nay, Đức Thánh Linh đã ba lần phục hưng Hội Thánh mà họ gọi là "những làn sóng phục hưng" (the revival waves). Họ xem Phong Trào Ngũ Tuần là làn sóng thứ nhất, Phong Trào Ân Tứ là làn sóng thứ hai, và họ là làn sóng thứ ba.

Nhìn theo quan điểm của những người Ân Tứ và Ngũ Tuần Tin Lành thì Phong Trào Ân Tứ và Ngũ Tuần được phân biệt như sau:

1. Làn sóng thứ nhất: Phong Trào Ngũ Tuần (The Pentecostal Movement) khởi động bởi Charles Fox Parham tại Topeka, Kansas, USA vào năm 1901 và phát triển bởi William Joseph Seymour tại Los Angeles, California, USA vào năm 1906.

2. Làn sóng thứ nhì: Phong Trào Ân Tứ (The Charismatic Movement) còn được gọi là Phong Trào Ân Tứ Phục Hưng (Charismatic Renewal Movement) khởi động bởi Dennis Bennett tại Van Nuys, California, USA vào năm 1960.

3. Làn sóng thứ ba: Phong Trào Dấu Lạ (The Signs and Wonders Movement) khởi động bởi John Wimber từ Trường Thần Học Fuller (Fuller Theological Seminary) tại Pasadena, California, USA vào năm 1981.

Nhìn khách quan về lịch sử của Cơ-đốc Giáo thì Phong Trào Ân Tứ và Ngũ Tuần phải được chia ra làm bốn làn sóng, bao gồm Phong Trào Công Giáo Ân Tứ Phục Hưng (The Catholic Charismatic Renewal Movement) khởi động giữa các sinh viên và nhân sự của Trường Đại Học Duquesne tại Pittsburgh, Pennsylvania, USA vào năm 1967.

Phong Trào Ngũ Tuần (The Pentecostal Movement)

Còn được gọi là Phong Trào Ngũ Tuần Cổ Điển (The Classical Pentecostal Movement). Ngũ Tuần (Pentecostalism) phát xuất từ Giáo Hội Tin Lành như một phong trào nhấn mạnh đến kinh nghiệm cá nhân của một người với Đức Chúa Trời thông qua cái gọi là "báp-tem bằng Thánh Linh" (the baptism of the Holy Spirit). Có ba trường phái Ngũ Tuần chính:

Trường phái thứ nhất chiếm đa số, có tín lý tương tự như các giáo phái trong Giáo Hội Tin Lành, như tín lý về Thiên Chúa Ba Ngôi, tín lý về sự cứu rỗi, tín lý về thẩm quyền của Thánh Kinh. Điều khác biệt là họ tin rằng "nói tiếng lạ" là dấu hiệu **phải có** của một người đã được báp-tem bằng Thánh Linh. Hai trường phái còn lại (một làm lễ báp-tem chỉ trong danh của Đức Chúa Jesus Christ, một làm lễ báp-tem trong danh của Ba Ngôi Thiên Chúa) dùng Công Vụ Các Sứ Đồ 2:38 làm nền tảng cho tín lý: Một người cần phải ăn năn tội, nhận báp-tem trong danh Đức Chúa Jesus Christ, rồi nhận lãnh Đức Thánh Linh. Nhận lãnh Đức Thánh Linh là điều cần thiết cho sự cứu rỗi và (theo hai trường phái này) có nghĩa là phải biết "nói tiếng lạ." Như vậy, theo họ, nếu một người tin Chúa mà không biết "nói tiếng lạ" là chưa được báp-tem bằng Thánh Linh và có nghĩa là chưa được cứu rỗi. Hai trường phái này chia ra thành các giáo phái: "Jesus Name," "First," "United," và "Oneness." Từ trong bốn giáo phái chính này lại phát sinh ra nhiều tiểu giáo phái khác nữa.

Phong trào Ngũ Tuần phát sinh với George Fox (1624-1691, England), một tín đồ thuộc Giáo Phái Giám Lý (Methodist) và thành viên của phong trào Thánh Khiết (Holliness Movement), là một phong trào cũng bắt nguồn từ Giám Lý. Vào năm 19 tuổi, George Fox ly khai giáo hội vì không chịu nổi sự hâm hấp của nó. Chàng thanh niên trẻ khao khát một đời sống thuộc linh phong phú và nóng cháy. Tuy nhiên, thay vì dựa trên nền tảng muôn đời là Lời Chúa để sống đạo, chàng đã dựa trên cảm giác và kinh nghiệm. Chàng nghe một giọng nói phán với chàng, như sau: *"Không phải Lời Thánh Kinh bên ngoài, không phải sự giảng dạy của giáo hội, không phải Đấng Christ bên ngoài có thể hướng dẫn con, nhưng là ánh sáng bên trong, là Đấng Christ nội tại."* (Not the outward Word of Scripture, not the teaching of the church, not the outward Christ can lead you, but only the inner light, the inward Christ.)

Fox trở thành người sáng lập nhóm Con Cái của Sự Sáng (Children of Light) còn gọi là Xã Đoàn Thân Hữu (Society of Friends). Về sau, các đối thủ của ông gọi nhóm của ông là Quakers. (Quake = rung động, quakers = những người hay vật bị rung động. Có lẽ các đối thủ của Fox muốn chế nhạo sự kiện run rẩy trong khi xuất thần của những người thuộc nhóm ông. Tại Việt Nam, Quaker được gọi là Giáo Phái Anh Em). Danh xưng Quaker không bao giờ được Fox và những người theo ông chấp nhận nhưng vẫn được những người ngoài nhóm của ông sử dụng và vẫn tồn tại cho đến ngày nay. Dù trong thuở ban đầu phái Quaker bị bách hại tàn bạo tại Anh nhưng đã phát triển đi khắp nơi, mạnh mẽ nhất là tại Hoa Kỳ và Đông Phi Châu. Điểm quan trọng cần chú ý trong quan điểm cực đoan của phái Quaker ngay từ nguyên thủy, là: Họ xem ánh sáng nội tại (tâm thức, sự hiểu biết đến từ bên trong) và tiếng phán từ trên cao quan trọng hơn là Lời của Chúa trong Thánh Kinh. (Đối với Phong Trào Ân Tứ sau này thì dấu kỳ và phép lạ quan trọng hơn là Thánh Kinh). Điều đó là cánh cửa mở rộng cho đủ mọi thứ tà giáo xâm nhập. Ngay từ buổi sơ khai của phái Quaker đã có hiện tượng "nói tiếng lạ" xuất hiện trong nhiều nhóm.

Vào những năm 1800, phái Irvingian được thành lập bởi Edward Irving (1792-1834), vốn là một pastor thuộc Giáo Hội Trưởng Lão (Presbyterian), với danh xưng là Giáo Hội Công Giáo Sứ Đồ (Catholic Apostolic Church) xứ Scotland. Phái này thực hành, giảng dạy sự "nói tiếng lạ" cùng những hình thức xuất thần và các hiện tượng chữa bệnh, khả tượng, nói tiên tri... nên thu hút rất đông tín đồ từ các giáo hội truyền thống vốn đã quá khô cạn sự sống thuộc linh vì sự tắc trách của những người chăn bầy. Phái Irvingian phát triển nhanh chóng sang Anh, Hà-lan, Hoa Kỳ, và đặc biệt là Đức, với trung tâm chính tại Augsburg, và nơi có đông tín đồ nhất là Stuttgart.

Giữa những phong trào xuất thần có phái Mormon, còn được biết dưới danh xưng Latter Day Saints, do Joseph Smith (1805-1844) thành lập. Người Mormon cũng được biết đến qua những hiện tượng về khả tượng, mạc khải, "nói tiếng lạ," và chữa bệnh. Smith xưng rằng, ông nhận được khả tượng đến từ thiên sứ Moroni. Theo Smith, thiên sứ Moroni đã cho ông thấy những tấm bảng bằng vàng trên có viết chữ tại Mount Cumorah và ông đã nhận lãnh những bảng này vào năm 1827. Đối với những người Mormon, những chữ viết trên các tấm bảng vàng này có cùng một thẩm quyền như Thánh Kinh. Smith còn tuyên bố ông đã được phong chức tế lễ theo dòng A-rôn bởi Giăng Báp-tít. Về sau, ông tuyên bố rằng: các Sứ Đồ Phi-e-rơ, Gia-cơ, và Giăng đã phong chức tế lễ cho ông theo dòng Mên-chi-xê-đéc. Smith bị giết vào năm 1844.

Ngay cả vùng cực Bắc của Liên Xô cũ cũng có hiện tượng "nói tiếng lạ" trong một làng nhỏ tên là Kara

Kala của dân tộc Armenian, vốn theo Chính Thống Giáo Nga. Vì bị giáo hội khủng bố, cho nên, vào năm 1900, những người Armenian "nói tiếng lạ" này lánh nạn sang Hoa Kỳ và định cư tại Los Angeles. Vài năm sau, nhóm này kết hợp với một nhóm "nói tiếng lạ" khác tại Azusa Street, Los Angeles.

Tại Hoa Kỳ, mặc dù hiện tượng "nói tiếng lạ" (không phải là một ngôn ngữ) đã xảy ra từ trước, nhưng đến năm 1901 mới thành phong trào dấy lên khi ân tứ "nói ngoại ngữ" phát sinh từ Trường Thánh Kinh Bethel ở Thủ Đô Topeka của Tiểu Bang Kansas, do Charles Fox Parham (1873-1929) dẫn đầu. Parham xuất thân từ Giáo Phái Giám Lý (Methodist), là một người sốt sắng trong sự kêu gọi người theo Chúa phải sống thánh khiết. Ông phản đối lối tổ chức giáo quyền hàng dọc của Giám Lý, ly khai giáo hội này, tự lập ra một mục vụ riêng, độc lập với các giáo phái và thành lập Trường Thánh Kinh Bethel.

Vào đêm tất niên năm 1900, Parham đang giảng cho các sinh viên tại Trường Thánh Kinh Bethel, một nữ sinh viên tên là Agnes Ozman, đã dạn dĩ đứng lên yêu cầu ông đặt tay trên cô và cầu nguyện xin Chúa đổ Thánh Linh xuống trên cô. Parham đáp ứng lời yêu cầu này và lập tức Ozman bắt đầu nói tiếng Trung Hoa. Vài ngày sau, chính Parham cũng nói được một ngoại ngữ mà ông chưa hề biết. Rồi sau đó là các sinh viên khác. Ngày 1 tháng 1 năm 1901, ngày đầu tiên của thế kỷ 20, Parham thành lập Phong Trào Đức Tin Sứ Đồ (Apostolic Faith) và bắt đầu đi khắp nơi rao giảng về sự thánh khiết, sự chữa lành thiên thượng, sự chữa lành bởi đức tin, sự đặt tay cầu nguyện, sự thánh hóa bởi đức tin, và tuyên bố "speak in tongues" (nói ngoại ngữ) là dấu hiệu của sự được báp-tem bằng Thánh Linh và bằng lửa (?) [1]. Đến cuối năm 1901, hiện tượng "speak in tongues" trong Phong Trào Đức Tin Sứ Đồ được báo chí đưa tin, bàn thảo sôi nổi, xem như là dấu hiệu của Lễ Ngũ Tuần lần thứ hai. Điểm cần ghi nhớ: Đây là sự kiện các tín đồ bỗng nhiên nói thông thạo một ngoại ngữ, không phải là sự lặp ba lặp bập một tràng âm thanh vô nghĩa như những người "nói tiếng lạ" ngày nay.

Năm 1905, Parham mở một Trường Thánh Kinh tại Houston, Texas và một người da đen tên là William Joseph Seymour được đào tạo tại đó. Trong suốt thời gian ở tại Houston, Seymour không biết "speak in tongues." Tháng 2 năm 1906, Seymour được mời giảng tại Los Angeles về đề tài "Phép Báp-tem Bằng Thánh Linh." Buổi giảng đầu của ông gây nên nhiều xáo trộn, là vì ông tuyên bố "speak in tongues" là dấu hiệu của sự đã được báp-tem bằng Thánh Linh, trong khi ông lại không biết "speak in tongues." Đến tháng 4 năm đó, một người nghe ông giảng tên là Edward Lee bỗng nhiên phát ra những tràng âm thanh vô nghĩa và sau đó vài ngày đến lượt Seymour. Họ xem như đó là ân tứ "speak in tongues" mặc dầu đó chỉ là những tràng âm thanh vô nghĩa.

Tháng 5 năm 1906, Seymour trở thành lãnh tụ của Phong Trào "Azusa Street Revival," một phong trào không phân biệt giáo phái, chủng tộc, hoặc giới tính. Thuở ấy, mỗi ngày từ 10 giờ sáng cho đến khoảng hai, ba giờ sáng hôm sau, vô số người từ các nơi kéo về tụ hội ca hát, la hét lớn tiếng, nhảy múa, co giật như bị động kinh, té xuống ngất đi, kêu khóc, tru, rống như thú vật, và "nói tiếng lạ." Các giới lãnh đạo tôn giáo vùng Los Angeles và những nơi khác lập tức lên tiếng phủ nhận hiện tượng đang xảy ra tại Black Holiness Church, 312 Azusa Street, Los Angeles. Họ không công nhận đó là công việc của Đức Thánh Linh, khuyến cáo các tín hữu của họ, rằng phong trào này chạy theo cảm xúc, thông linh, và có Sa-tan tính.

Vào tháng 10 năm 1906, khi Parham đến thăm Seymour và giảng tại Azusa Street, cũng đã sững sốt khi nhìn thấy các hiện tượng xảy ra tại đó. Theo Parham, những hiện tượng đó đến từ xác thịt, hoặc Ma Quỷ. Parham không công nhận phong trào "Azusa Street Revival." Parham đã phát biểu về phong trào này như sau: "God is sick at His stomach!" (Tạm dịch: Đức Chúa Trời đang buồn nôn!) Sau đó, Parham và Seymour đã chia tay nhau và không bao giờ kết hợp trở lại.

Tại đây, chúng ta cần chú ý đến chi tiết quan trọng này: Trong khi Parham và các sinh viên của ông được ơn nói lưu loát các ngoại ngữ mà trước đó họ không hề biết, thì Seymour và những người theo ông chỉ phát ra những tràng âm thanh vô nghĩa, và có những biểu hiện cười, la, khóc, hú, vật vã thân hình không tự kiểm soát được như những người bị tà linh xâm nhập.

Phong trào "Azusa Street Revival" lắng xuống vào năm 1909 nhưng vẫn còn âm ỉ cho đến năm 1915. Từ phong trào này phát sinh ra nhiều giáo phái Ngũ Tuần khắp nơi trên thế giới. Người từ các nơi khác

đến Los Angeles thăm viếng, khi trở về quê hương của họ đã mang theo các tín lý mới của Ngũ Tuần, gieo rắc trong cộng đồng của họ.

Phong Trào Ân Tứ (The Charismatic Movement)

Còn được gọi là Phong Trào Tân Ngũ Tuần (The Neo-Pentecostal Movement). Từ Phong Trào Ngũ Tuần phát sinh ra Phong Trào Ân Tứ. Phong Trào Ân Tứ nhấn mạnh đến các ân tứ của Đức Thánh Linh như: nói ngoại ngữ (nhưng đã bị hiểu lầm thành “nói tiếng lạ” – xin đọc giả ghi nhớ, “nói tiếng lạ” tức là phát ra những âm thanh vô nghĩa), nói tiên tri, nói lời khôn ngoan, nói lời thông biết, chữa bệnh, đuổi quỷ, làm phép lạ... (I Cô-rinh-tô 12:8-10). Phong Trào Ân Tứ ảnh hưởng đến Hội Thánh mạnh mẽ hơn Phong Trào Ngũ Tuần. Ban đầu, Phong Trào Ân Tứ không chủ trương cho các thành viên tách rời khỏi các giáo hội, giáo phái như Phong Trào Ngũ Tuần, nhưng chủ trương cho các thành viên ở lại để Ân Tứ hóa toàn bộ giáo hội và giáo phái mà họ đang sinh hoạt với. Chỉ khi nào bị chính các giáo hội hay giáo phái khai trừ thì các thành viên của Phong Trào Ân Tứ mới đi ra lập thành nhóm khác. Về sau, với sự lớn mạnh của phong trào, các nhà lãnh đạo Ân Tứ muốn độc lập điều hành ngân quỹ do các thành viên đóng góp, cho nên, đã lập ra các giáo phái riêng.

Vào năm 1960, Dennis Bennett, linh mục của Saint Mark's Episcopal Church tại Van Nuys, California (thuộc Giáo Phái American Episcopal – Giám Nhiệm Hoa Kỳ) tuyên bố với hội chúng, rằng ông ta đã được báp-tem bằng Thánh Linh. Sau đó, Bennett dẫn thêm 100 tín hữu đến với kinh nghiệm nhận "báp-tem bằng Thánh Linh" và biết "nói tiếng lạ." Hiện tượng "nói tiếng lạ" bùng nổ tại Saint Mark's Episcopal Church khiến cho các tạp chí Times và Newsweek thời bấy giờ làm phóng sự đưa lên bìa báo (cover story). Giáo Phái Giám Nhiệm Hoa Kỳ không công nhận hiện tượng đó đến từ Đức Thánh Linh nên đã bãi nhiệm Bennett. Ông đến Vancouver, Canada thiết lập nhiều lớp huấn luyện, dạy về công vụ của Đức Thánh Linh, gây ảnh hưởng sâu đậm đến tín đồ Anh Giáo khắp nơi trên thế giới, và dẫn đến những cuộc gọi là "phục hưng" trong các hội chúng Giám Nhiệm, Anh Giáo, Lutheran, Công Giáo và Chính Thống Giáo. Đến tháng 10 năm 1962 Phong Trào Tân Ngũ Tuần xâm nhập vào các trường đại học tại Mỹ, sau đó lan vào trong các trường thần học. Chính Phong Trào Tân Ngũ Tuần đi vào Giáo Hội Công Giáo làm phát sinh ra Phong Trào Công Giáo Ân Tứ Phục Hưng. Tính đến năm 1990, phong trào này bao gồm trên 55 triệu tín đồ thuộc các giáo phái trong Giáo Hội Tin Lành.

Phong Trào Lời Đức Tin (Word of Faith Movement) được xem như sự nối dài của Phong Trào Ân Tứ. Ngoài những đặc điểm chung với Phong Trào Ân Tứ, Phong Trào Lời Đức Tin nhấn mạnh đến "quyền năng của đức tin." Những người thuộc phong trào này tin rằng họ có thể dùng lời nói để điều động "quyền năng của đức tin," và như vậy, họ có thể tạo ra những gì mà họ tin rằng Thánh Kinh đã hứa, như: sức khỏe, sự giàu có... Theo họ, những định luật chi phối "quyền năng của đức tin" vận hành độc lập với ý chỉ siêu việt của Đức Chúa Trời và chính Đức Chúa Trời cũng bị chi phối bởi những định luật này (?) Ngoài ra, Phong Trào Lời Đức Tin còn đưa ra những tín lý như: Mỗi tín nhân là một Đức Chúa Trời Con vì Đức Chúa Trời dựng nên loài người cùng bản thể với Ngài. Tín đồ Đấng Christ phải được khỏe mạnh và giàu có. Tín đồ Đấng Christ phải luôn có những lời tuyên xưng tích cực (positive confession). Vì Đức Chúa Trời đã dùng lời nói để sáng tạo nên tín nhân cũng có thể dùng những lời nói tích cực để thu đạt những kết quả tích cực. Đấng Christ chết phần thể xác, nhưng cũng chết phần tâm thần trong địa ngục, chịu Ma Quỷ hành hạ, và tâm thần của Ngài đã được tái sinh trong địa ngục...

Sáng lập viên và hiệu trưởng của trường Rhema Bible College tại Tulsa, Oklahoma, USA là Kenneth Hagin (1917-2003), được xem là bố già (Papa Hagin) của Phong Trào Lời Đức Tin. Những giáo sư nổi tiếng khác của phong trào này là: Benny Hinn, Bishop Eddie L. Long, Clarence McClendon, Creflo Dollar, Ed Young, Fred Price, Jesse Duplantis, John Bevere, Joel Osteen, Joyce Meyer, Juanita Bynum, Karl Strader, Kenneth Copeland, Kim Clement, Larry Huch, Marilyn Hickey, Markus Bishop, Mike Murdock, Morris Cerullo, Myles Munroe, Oral Roberts, Paul Crouch, Paula White, Peter Popoff, R.W. Shambach, Robert Schuller, Rod Parsley, Rodney Howard-Browne, Robert Tilton, Steve Munsey, T.D. Jakes...

Phong Trào Công Giáo Ân Tứ Phục Hưng

(The Catholic Charismatic Renewal Movement)

Tháng 2 năm 1967, một số nhân viên và nhiều sinh viên của một trường đại học tư, Duquesne University, thuộc Giáo Hội Công Giáo tại Pittsburgh, Pennsylvania, USA trải qua một kinh nghiệm mà họ gọi là "được báp-tem bằng Thánh Linh." Những điều họ kinh nghiệm, là: "nói tiếng lạ," "thánh tiếu" (tiếng cười thánh – Holy laughter), xuất thần, khóc, la, gào, hú, tru như chó... không thể tự kiềm chế. Liên sau đó, những hiện tượng này lan tràn sang một trường đại học tư khác, cũng thuộc Giáo Hội Công Giáo, University of Notre Dame, tại Indiana, USA. Notre Dame có nghĩa là "Đức Bà của chúng ta," (chỉ về bà Ma-ri). Đến năm 2003, Phong Trào Công Giáo Ân Tứ Phục Hưng lan rộng đến trên 230 quốc gia và bao gồm trên 119 triệu tín đồ Công Giáo.

Các Giáo Hoàng: Paul VI (nắm quyền: 1963-1978), John Paul II (nắm quyền: 1978-2005), và Benedict XVI (nắm quyền: 2005 - đến nay) đều chấp nhận Phong Trào Công Giáo Ân Tứ Phục Hưng. Giáo Hoàng John Paul II cho rằng, phong trào này thuộc vào sự phục hưng của toàn Giáo Hội Công Giáo. Giáo Hoàng Paul và Benedict khuyến cáo các thành viên của phong trào phải giữ gìn sự thông công giữa họ và Giáo Hội Công Giáo.

Tháng 3 năm 1992, Giáo Hoàng John Paul II đã phát biểu như sau: *"Trong khoảnh khắc này của lịch sử giáo hội, sự Phục Hưng Ân Tứ có thể đóng một vai trò thiết yếu trong sự cổ vũ tính tự vệ rất cần thiết cho cuộc sống của người tín đồ Đấng Christ trong những xã hội mà thể tục và vật chất đã làm suy yếu khả năng đáp ứng Đức Thánh Linh và nhận thức tiếng gọi từ Đức Chúa Trời của nhiều người. Sự cống hiến của quý vị vào công cuộc tái phúc âm hóa xã hội sẽ được thực hiện trước hết qua lời chứng cá nhân về sự Đức Thánh Linh ngự trị bên trong và sự chiếu ra sự hiện diện của Ngài qua các công tác thánh khiết và hiệp một."*

("At this moment in the Church's history, the Charismatic Renewal can play a significant role in promoting the much-needed defense of Christian life in societies where secularism and materialism have weakened many people's ability to respond to the Spirit and to discern God's loving call. Your contribution to the re-evangelization of society will be made in the first place by personal witness to the indwelling Spirit and by showing forth His presence through works of holiness and solidarity." - Address of Pope John Paul II to the ICCRO Council - March 14, 1992.)

Phần lớn người Công Giáo Ân Tứ tin rằng Phong Trào Công Giáo Ân Tứ Phục Hưng được phát sinh bởi lời cầu nguyện của Giáo Hoàng John XXIII trong Công Đồng Vatican II: *"Lạy Đức Thánh Linh... xin tuôn tràn sự đầy dẫy các ân tứ của Ngài... Xin làm mới lại những sự lạ lùng của Ngài trong thời đại này như là một Lễ Ngũ Tuần mới."* ("O Holy Spirit... pour forth the fullness of your gifts... Renew your wonders in this day as by a new Pentecost").

Điều đáng chú ý là Phong Trào Công Giáo Ân Tứ Phục Hưng không loại bỏ sự thờ lạy hình tượng của bà Ma-ri, sự lần chuỗi hạt Mân-côi, sự cầu nguyện với bà Ma-ri... cùng nhiều giáo lý phản Thánh Kinh khác của Giáo Hội Công Giáo. Nhiều nhóm Ân Tứ Công Giáo nhận được sự xuất thần và sự "nói tiếng lạ" trong khi kêu cầu bà Ma-ri (!)

Phong Trào Dấu Lạ (The Signs and Wonders Movement)

Phong Trào Dấu Lạ (The Signs and Wonders Movement) hoặc "Làn Sóng Thánh Linh Thứ Ba" (The Third Wave of the Holy Spirit) bắt đầu vào đầu thập niên 1980 và vẫn còn kéo dài cho đến ngày nay. Các phong trào như: Vineyard Christian Fellowship, Global Harvest, Toronto Blessing, Eternal Grace là biến dạng của Phong Trào Dấu Lạ. Những người thuộc Phong Trào Dấu Lạ không chấp nhận họ thuộc về Ngũ Tuần hoặc Ân Tứ.

Điểm khác biệt nổi bật của Phong Trào Dấu Lạ đối với Ân Tứ và Ngũ Tuần là Phong Trào Dấu Lạ có khuynh hướng không nhấn mạnh đến sự kiện "nói tiếng lạ" như là bằng chứng của một người đã được báp-tem bằng Thánh Linh. Nhiều nhà lãnh đạo trong phong trào này không hề có kinh nghiệm "nói tiếng lạ," trái lại, họ quan tâm đến khía cạnh dấu kỳ, phép lạ, các sự hiện thấy, sự nói tiên tri, cùng cái gọi là "lời nói thông biết" (the word of knowledge – được tận dụng trong chương trình truyền hình

700 Club của Pat Robertson trong sự tuyên bố các chi tiết về sự chữa lành xảy ra cho một số khán giả đang ngồi tại nhà riêng, xem chương trình 700 Club qua máy truyền hình). Phong Trào Dầu Lạ chấp nhận cả hai quan điểm về sự được báp-tem bằng Thánh Linh:

1. Một người được tái sinh và được báp-tem bằng Thánh Linh khi thật lòng ăn năn tội và tin nhận Đấng Christ, (quan điểm của Tin Lành truyền thống). Những người thuộc Giáo Phái Vineyard Christian Fellowship bảo vệ tích cực quan điểm này.
2. Một người được báp-tem bằng Thánh Linh nếu tìm cầu điều này sau khi tin nhận Chúa, (quan điểm của Ân Tứ và Ngũ Tuần). Báp-tem bằng Thánh Linh không liên quan đến sự cứu rỗi mà chỉ liên quan đến năng lực sống đạo và giảng đạo.

Peter Wagner (Global Harvest Ministry) và John Wimber (Vineyard Christian Fellowship) được xem là những nhân vật tiên phong của Phong Trào Dầu Lạ. Vào năm 1977, Carol, vợ của Wimber, vốn xuất thân từ Công Giáo, năm chiêm bao thấy mình được đầy dẫy Thánh Linh và khi bà thức dậy thì biết "nói tiếng lạ." Mười tháng sau, Wimber kinh nghiệm được một sự chữa lành trong chính thân thể của ông và bắt đầu tin rằng việc chữa bệnh, đuổi quỷ như Đức Chúa Jesus là khả thi. Nhờ quen biết với Peter Wagner, một giảng sư tại Fuller Theological Seminary School of World Missions mà Wimber được mời cùng dạy lớp "Dầu Lạ" (Signs and Wonders) tại Fuller Seminary với Wagner. Lớp học này dạy về sự chữa lành thiên thượng và trở thành lớp học nổi tiếng nhất tại Fuller cho đến khi bị đình chỉ vào năm 1985, vì các viên chức trong trường có những thắc mắc về tính thần học và kinh viện của môn học.

Bên cạnh hiện tượng "bị giết trong Thánh Linh" như trong các Phong Trào Ân Tứ và Ngũ Tuần, có ba hiện tượng nổi bật trong Phong Trào Dầu Lạ được cho là sự thể hiện của Đức Thánh Linh, là: Tiếng Cười Thánh (The Holy Laughter - sự vui mừng khi được đầy dẫy Thánh Linh khiến một người trở thành "say Thánh Linh," không kèm hãm được tiếng cười biểu lộ niềm vui), Tiếng Gầm Tiên Tri (The Prophetic Roar – tiếng rống lớn phát ra từ cổ họng của những người được đầy dẫy Thánh Linh, được cho là dấu hiệu Đức Chúa Trời thông báo sự kiện Ngài bắt đầu chiếm lại quyền tể trị thế giới này từ Satan), và Âm Thanh Của Thú Vật (The Animal Noises – sự tru, hú, gầm gừ như các loài thú, kể cả cục tác như gà, rống như heo, và tru như chó... chưa được những người Ân Tứ định nghĩa) [2]. Gần đây, Wimber đã yêu cầu các hội chúng thuộc giáo phái Vineyard Christian Fellowship do ông sáng lập ngừng chấp nhận hiện tượng Tiếng Cười Thánh.

Các Phong Trào Ân Tứ và Ngũ Tuần trong Hội Thánh Việt Nam

Tin Lành đến Việt Nam vào năm 1911 do các giáo sĩ của Hội Truyền Giáo Phúc Âm Liên Hiệp. Vào giữa thập niên 1960, các Giáo Phái Ngũ Tuần, và Giáo Phái Anh Em (Quaker) đem theo hiện tượng "nói tiếng lạ," theo chân những người lính viễn chinh Hoa Kỳ đến Việt Nam, và tạo ra vài nhóm nhỏ tại Saigon nhưng không gây ảnh hưởng nhiều đến Hội Thánh Việt Nam. Phong Trào Ân Tứ đến Việt Nam vào cuối thập niên 1960 và bắt đầu trong Giáo Hội Công Giáo trước, qua Phong Trào Công Giáo Về Nguồn (do những người Công Giáo chủ trương quay lại với Lời Chúa, là Thánh Kinh, khởi xướng). Chính hiện tượng "nói tiếng lạ" trong Phong Trào Công Giáo Về Nguồn gây nhiều chú ý đến các mục sư và tín đồ thuộc Hội Thánh Tin Lành Việt Nam. Có một số sinh viên Tin Lành đã tham dự sinh hoạt với Phong Trào Công Giáo Về Nguồn và nhận được sự "nói tiếng lạ." Nhiều sinh viên Tin Lành khác bắt đầu nghiên cứu về các Giáo Phái Ngũ Tuần. Điều đáng nói là thườ ầy tài liệu biện giáo thì ít, hầu như là không có, trong khi các tài liệu cổ võ về Phong Trào Ngũ Tuần thì tràn ngập, cho nên, các sinh viên chỉ học biết một chiều về những điểm tích cực của Ngũ Tuần. Hội Thánh Việt Nam, vào thời đoạn đó, phần lớn là tín đồ thuộc Giáo Phái Phúc Âm Liên Hiệp (với danh xưng chính thức là: Hội Thánh Tin Lành Việt Nam) đã tích cực chống đối các hiện tượng "đặt tay té ngã" và "nói tiếng lạ." Ít lâu sau, một vài mục sư và tín đồ thuộc Hội Thánh Tin Lành Việt Nam nhận được sự "nói tiếng lạ" trong khi nhóm họp với các nhóm Công Giáo Về Nguồn, hoặc trong khi nhóm họp với các nhóm Anh Em (Quaker). Sau đó, một vài mục sư đã ly khai Hội Thánh Tin Lành Việt Nam, sáng lập các giáo phái Ngũ Tuần Việt Nam.

Năm 1972, tại Việt Nam có sự phục hưng phát sinh từ Thánh Kinh Thần Học Viện tại Nha Trang. Trong

cuộc phục hưng đó, không có sự kiện té ngã, không có sự kiện "nói tiếng lạ" nhưng có sự tan vỡ cõi lòng, khóc lóc, ăn năn, xưng tội tập thể, đốt bỏ bùa chú, hình tượng, mọi người làm hòa với nhau, có sự chữa lành bệnh tật tức thì (không phải lành bệnh từ từ), có sự đuổi quỷ, có sự người chết được sống lại... nghĩa là có đầy đủ dấu hiệu Hội Thánh được đầy đầy Thánh Linh như đã được ghi chép trong Thánh Kinh. (Xin xem "Phép Lạ Rừng Xanh," Bà Phạm Văn Năm; "Việc của Đức Giê-hô-va," Pastor Trương Văn Tốt; "Công Cuộc Truyền Giáo Tin Lành," Pastor Phạm Xuân Tín). Trước khi Hội Thánh Việt Nam bị Phong Trào Ân Tứ xâm nhập và bị cường quyền đàn áp thì Đức Chúa Trời đã thương xót, cho Hội Thánh được ném trải sự tuôn tràn Thánh Linh, để dựa vào đó mà phân biệt với hiện tượng "nói tiếng lạ" đến từ tà linh.

Sau năm 1975, Phong Trào Ân Tứ bắt đầu lan tràn khắp Miền Nam Việt Nam trong các nhóm Tư Gia, (những nhóm nhỏ nhóm họp thờ phượng Chúa tại nhà riêng để tránh sự đàn áp của chính quyền), và phát triển mạnh mẽ vào cuối thập niên 1990 nhờ các tài liệu về Ân Tứ được dịch ra Việt Ngữ và phổ biến trong các nhóm Tư Gia; đồng thời, có nhiều giáo sĩ Ân Tứ người Việt cũng như người ngoại quốc, từ nước ngoài âm thầm xâm nhập Việt Nam qua hình thức thăm quê hương và du lịch để quảng bá cho Phong Trào Ân Tứ. Trong giai đoạn đó, Hội Thánh Tin Lành Việt Nam một mặt buộc phải hòa hoãn với chính quyền mới để được công nhận tư cách pháp nhân, một mặt các mục sư bị cán bộ và công an tôn giáo theo dõi chặt chẽ, cho nên, sinh hoạt của Hội Thánh dần dần bị giảm thiểu và khô cạn. Trong hoàn cảnh đó, những sứ giả của Ân Tứ và Ngũ Tuần càng nỗ lực phát triển mô hình nhóm nhỏ, nhóm tại tư gia và tích cực trong công tác truyền giáo. Có thể nói, số người tuyên xưng đức tin trong Đấng Christ thuộc các Hội Thánh Tư Gia phần lớn là tín đồ mới chứ không phải tín đồ từ Hội Thánh Tin Lành Việt Nam chuyển sang.

Đến cuối thập niên 1990, với sự tiếp sức của các giáo phái Ân Tứ và Ngũ Tuần Nam Hàn, với áp lực của các doanh nhân Nam Hàn trên chính quyền Việt Nam, không bao lâu, phong trào Tin Lành Tư Gia phát triển rầm rộ, xây cất nhiều cơ sở nhóm họp, gây tiếng vang trong và ngoài nước. Hiện nay, có thể nói, số thành viên thuộc các nhóm Ân Tứ và Ngũ Tuần tại Việt Nam nhiều hơn số thành viên thuộc Hội Thánh Tin Lành Việt Nam.

Điều đáng chú ý là những người đi tiên phong trong các Phong Trào Ân Tứ và Ngũ Tuần tại Việt Nam thiếu sự hiểu biết về lịch sử và tín lý của các phong trào này, cho nên, tạo ra một nét đặc thù của Ân Tứ và Ngũ Tuần Việt Nam. Nét đặc thù đó là: **Ân Tứ và Ngũ Tuần Việt Nam tổng hợp tất cả những đặc tính của các Phong Trào Ân Tứ và Ngũ Tuần phát sinh từ Hoa Kỳ.** Đối với người Ân Tứ và Ngũ Tuần Việt Nam, bất kỳ giáo sĩ, hoặc tài liệu, hoặc tài chánh của bất kỳ một giáo phái Ân Tứ và Ngũ Tuần nào từ Hoa Kỳ đến, đều được hoan nghênh nhiệt liệt. Người Ân Tứ và Ngũ Tuần Việt Nam chỉ dựa vào một mẫu số chung: hiện tượng "đặt tay té ngã" và "nói tiếng lạ," cùng sự chữa bệnh, đuổi quỷ (!) Các giáo lý mới lạ được đón nhận dễ dàng dựa trên lý luận: điều đó nghe hợp lý và do "mục sư danh tiếng" giảng thì chắc là không sai. Điển hình là giáo lý về Tin Lành Thịnh Vượng (The Prosperity Gospel) do Kenneth Hagin, Benny Hinn, và Joel Osteen giảng dạy; giáo lý Chiều Kích Thứ Tư (The Fourth Dimension) do David (Paul) Yonggy Cho (quản nhiệm một hội chúng với số thành viên lên đến trên 850,000 người) khởi xướng.

Hội Thánh Việt Nam tại Hải Ngoại, đặc biệt là tại Đức và các nước thuộc khối Liên Xô cũ, cũng bị Phong Trào Ân Tứ xâm nhập mạnh mẽ. Một trong những lý do chính là: Cách thức nhóm họp, thờ phượng sôi nổi với các hiện tượng đặc thù của Ân Tứ, Ngũ Tuần như: "đặt tay té ngã," "nói tiếng lạ," và nhảy múa để thu hút những người Việt Nam phần lớn tha hương từ miền Bắc Việt Nam. Hai cánh đồng truyền giáo Việt Nam rất lớn tại Mã-lai và Nam Hàn cũng không thoát ra ngoài tình trạng nói trên.

Riêng tại Bắc Mỹ, cho đến đầu thế kỷ 21, Ân Tứ và Ngũ Tuần rất khó xâm nhập vào Hội Thánh Việt Nam, bởi vì, phần lớn các Hội Thánh Việt Nam thuộc về các giáo phái truyền thống. Từ 2005 cho đến nay, tình hình đang chuyển hướng: hàng trăm mục sư thuộc các giáo phái truyền thống như Báp-tít và CMA cũng nghiêng về Phong Trào Ân Tứ, cho phép các mục sư Ân Tứ đến giảng và đặt tay cầu nguyện, chữa bệnh, đuổi quỷ trong Hội Thánh do mình quản nhiệm hoặc trong các Trại Bồi Linh do mình tổ chức.

Một trong các mục sư Ân Tứ Việt Nam nổi tiếng nhất là Huỳnh Quốc Khánh, quản nhiệm Vietnamese Baptist Church tại Houston, Texas, USA. Trên website của tổ chức này [3] có các bài dịch và ghi âm Việt Ngữ tác phẩm Chiều Kịch Thứ Tư của David (Paul) Yonggy Cho. Từ năm 2004 đến nay, hàng năm, vào tháng 10, Mục Sư Khánh và Vietnamese Baptist Church tại Houston tổ chức Hội Đồng Phục Hưng. Số mục sư và tín đồ thuộc đủ giáo phái về tham dự ngày càng đông hơn là các cuộc Hội Đồng Thường Niên của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam Giáo Hạt Bắc Mỹ hoặc Liên Hữu Baptist Việt Nam tại Hoa Kỳ.

Tín lý của Các Phong Trào Ân Tứ và Ngũ Tuần

Tưởng cũng nên nói đến chi tiết về hiện tượng xảy ra vào ngày 1 tháng 1 năm 1901 tại Trường Thánh Kinh Bethel, Topeka, Kansas để phân biệt với các hiện tượng xảy ra sau này trong các Phong Trào Ân Tứ. Khi nữ sinh viên Agnes Ozman đứng lên yêu cầu ông Hiệu Trưởng Charles Fox Parham đặt tay trên cô cầu nguyện để cô nhận được ân tứ nói ngoại ngữ thì Parham đã đáp ứng yêu cầu của cô. Liền khi đó, Ozman đã bật lên nói tiếng Trung Hoa (Quan Thoại) và suốt hai tuần sau đó, cô chỉ có thể nói và viết bằng tiếng Quan Thoại, là ngôn ngữ mà trước đó cô chưa từng biết đến. Trong vòng tuần lễ kế tiếp, chính Parham và các sinh viên khác cũng bắt đầu nói được các thứ tiếng ngoại quốc khác mà họ chưa bao giờ học biết. Sự kiện đó khiến cho Parham tuyên bố là thời đại Ngũ Tuần đã được tái diễn và ông chiêu mộ những người tình nguyện đi ra nước ngoài làm giáo sĩ, với lòng tin rằng, khi đến địa điểm truyền giáo, Đức Thánh Linh sẽ mở miệng các giáo sĩ rao giảng bằng thổ âm địa phương mà họ không cần phải học tập trước. Dĩ nhiên là Đức Thánh Linh đã không làm việc theo cách đó, công cuộc truyền giáo của Parham bị thất bại nặng nề, và khiến ông sửa đổi tín lý về việc "speak in tongues" như sau: *"Một người được báp-tem bằng Thánh Linh thì phải biết nói ngoại ngữ và thứ ngoại ngữ đó không nhất thiết phải là một ngôn ngữ có người hiểu được."* Quan điểm này về sau tạo thành lỗ hổng cho sự kiện "nói tiếng lạ" cũng được xem là ân tứ nói ngoại ngữ (speak in tongues).

Người Mormon tôn cuốn Kinh Mormon có thẩm quyền ngang hàng với Thánh Kinh. Người Giê-hô-va Chứng Nhân tôn các tài liệu của Hội Thập Canh có thẩm quyền ngang hàng với Thánh Kinh. Người Công Giáo tôn các truyền thống của giáo hội và những giáo lý do các giáo hoàng đưa ra có thẩm quyền ngang hàng với Thánh Kinh. Người Ân Tứ tôn các khái tượng, lời tiên tri của họ có thẩm quyền hơn cả Thánh Kinh. Thậm chí, họ không còn sống đạo dựa trên Thánh Kinh nữa mà hoàn toàn dựa trên các khái tượng và các lời tiên tri của họ, cùng lời giảng của những người lãnh đạo phong trào. John Wimber, lãnh tụ của Phong Trào Ân Tứ Làn Sóng Thứ Ba, khi bị thách thức về tính phù hợp lời dạy của Thánh Kinh cho những hiện tượng xảy ra tại Yorba Linda, California, (như: la hét lớn tiếng, cười như mất trí, co giật như bị động kinh, té xuống ngất đi, miệng sủi bọt trắng, kêu khóc, tru, rống như thú vật...), đã tuyên bố: "Đức Chúa Trời ở trên Lời của Ngài" (God is above His Word) và "Đức Chúa Trời không bị giới hạn bởi Lời của Ngài" (God is not limited by His Word). Nói cách khác, John Wimber không cần dựa vào Thánh Kinh để xác chứng các hiện tượng.

Khi có ai đó tuyên bố bất cứ một điều gì có thẩm quyền ngang hàng với Thánh Kinh, thì đó là tà giáo và con dân Chúa cần phải tránh cho thật xa sự giảng dạy đó, vì ngoài Ba Ngôi Thiên Chúa, Thánh Kinh là thẩm quyền duy nhất và tuyệt đối trong đời sống của con dân Chúa. Bất cứ một điều gì không được Thánh Kinh dạy thì không thể biến đó thành tín lý và không nên giảng dạy, thực hành cho dù điều đó có vẻ hợp lý. Rô-ma 14:23 dạy: *"Điều chi làm không bởi đức tin thì đó là tội lỗi;"* mà đức tin của tín đồ Đấng Christ là đức tin vào trong chính mình Đấng Christ và lời của Ngài là Thánh Kinh. Đức tin của tín đồ Đấng Christ không dựa vào những kinh nghiệm hoặc cảm xúc thiếu sự xác chứng của Thánh Kinh. Cho dù là tiếng phán nghe được trong nội tâm hay là khái tượng, chiêm bao đến từ một nhân vật sáng láng tự xưng là Chúa mà những tiếng nói đó, những khái tượng, chiêm bao đó không phù hợp với lẽ thật đã được bày tỏ trong Thánh Kinh thì dứt khoát chúng không đến từ Chúa. Thánh Kinh ghi rõ lời cảnh báo sau đây: *"Nào có lạ gì, chính quỷ Sa-tan mạo làm thiên sứ sáng láng"* (II Cô-rinh-tô 11:14).

Sự Báp-tem Bằng Thánh Linh Theo Thánh Kinh

Theo Thánh Kinh, khi một người thật lòng ăn năn tội và tin nhận Đấng Christ thì lập tức người đó được tha tội, được tái sinh, được báp-tem bằng Thánh Linh, được thánh hóa, được ban cho quyền phép trở

nên con cái của Đức Chúa Trời, được lời hứa về sự sống đời đời, và được đồng kế tự với Đấng Christ.

"Chỉ có một Chúa, một đức tin, một phép báp tem" (Ê-phê-sô 4:5). Một Chúa là Đức Chúa Jesus Christ. Một đức tin là đức tin vào trong Đấng Christ, nghĩa là tin vào mọi lời Ngài phán, vào mọi việc Ngài làm. Một phép báp-tem là phép báp-tem nhân danh Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh mà Đấng Christ đã truyền trong Ma-thi-ơ 28:19. Trong phép báp-tem đó, khi nhân danh Đức Thánh Linh thì tín nhân được chính Đấng Christ báp-tem vào trong Thánh Linh.

Sự kiện người thật lòng tin nhận Chúa liền được tái sinh và được báp-tem bằng Thánh Linh là một điều đương nhiên như khi một em bé vừa được sinh ra đời thì lập tức được nhúng chìm (báp-tem) vào trong bầu khí quyển, em bé chỉ việc hít thở không khí vào phổi. Sự kiện đầy dẫy Thánh Linh tùy thuộc vào lòng tin cậy và yêu mến Chúa của một người, như việc không khí có vào đầy buồng phổi của em bé hay không là tùy thuộc sự hít thở của em bé và sự thông suốt của đường hô hấp. Một người tin nhận sự cứu rỗi của Chúa nhưng chưa hết lòng yêu mến Chúa, vẫn còn lưu luyến hoặc chăm lo thế gian và những sự thuộc về thế gian thì không thể nào được đầy dẫy Thánh Linh. Những người như vậy, dầu có được một ngàn người đầy ơn, đặt tay cầu nguyện cho cũng sẽ không bao giờ đầy dẫy Thánh Linh.

Sự Đầy Dẫy Thánh Linh

Mệnh lệnh của Chúa là: *"Đừng say rượu, vì rượu xui cho lòng tuồng; nhưng phải đầy dẫy Thánh Linh"* (Ê-phê-sô 5:8). Ý nghĩa của mệnh lệnh này là đừng sống theo xác thịt, đừng chăm những sự thuộc về xác thịt, nhưng hãy sống theo Thánh Linh, chăm những sự thuộc về Thánh Linh (Rô-ma 8:5). Các sứ đồ của Chúa và các tín đồ của thời Hội Thánh mới thành lập đầy dẫy Thánh Linh vì họ đã bỏ hết mọi sự để đi theo Chúa, tích cực đáp lại lời kêu gọi của Ngài: *"Doạn, Ngài kêu dân chúng và môn đồ, mà phán rằng: Nếu ai muốn theo Ta, phải liêu mình, vác thập tự giá mình mà theo Ta."* (Mác 8:34). Xin lưu ý, đây là điều kiện dành cho mọi người: người đã tin Chúa (các môn đồ) lẫn người chưa tin Chúa (dân chúng). Họ đã bán hết tài sản để nhập làm của chung, sống yêu thương hiệp một với nhau trong danh Chúa (Công Vụ Các Sứ Đồ 4:32-35). Vì vậy, Hội Thánh được đầy dẫy Thánh Linh và Đức Thánh Linh được tự do hành động giữa Hội Thánh. Sự đầy dẫy Thánh Linh, vì thế, tùy thuộc vào tấm lòng của người tin Chúa chứ không tùy thuộc vào sự đặt tay cầu nguyện. Ngày nào Hội Thánh ăn năn tội, xưng nhận tội, bỏ hết mọi sự, đi theo Chúa với lòng sốt sắng yêu mến Chúa và yêu thương lẫn nhau như Hội Thánh lúc ban đầu, ngày đó Hội Thánh sẽ được phục hưng, sẽ được đầy dẫy Thánh Linh.

Sự kiện một tín đồ Đấng Christ chân thành khao khát được đầy dẫy Thánh Linh, được sống một đời sống sung mãn trong Đấng Christ, sinh ra nhiều bông trái thuộc linh, hoàn toàn xứng hiệp với thánh ý của Chúa. Sự khao khát chân chính đó sẽ được Đức Chúa Trời đáp ứng khi một người thật sự ở trong Đấng Christ và lời của Đấng Christ ở trong họ (Giăng 15:5, 7). Điều sai lầm là có những người chưa chịu từ bỏ nếp sống cũ tội lỗi, vẫn còn ưa thích thế gian và những điều thuộc về thế gian, nhưng lại muốn đầy dẫy Thánh Linh, muốn có được quyền năng và phép lạ để chứng tỏ "trình độ" thuộc linh của mình, để được loài người tôn vinh mình, chạy theo mình... như thuật sĩ Si-môn trong Công Vụ Các Sứ Đồ chương 8. Nếu không có sự ăn năn tội, xưng tội, từ bỏ thế gian, hết lòng vâng phục Lời Chúa thì các dấu kỳ, phép lạ có được, chẳng qua là đến từ Sa-tan, là kẻ mạo làm thiên sứ sáng láng và những kẻ giúp việc nó (II Cô-rinh-tô 11:13-15). Dấu kỳ và phép lạ được làm ra trong danh Chúa không phải là bằng cứ xác chứng người làm ra chúng thuộc về Chúa. Chính nếp sống đạo và các giáo lý đi ngược lại lẽ thật của Thánh Kinh của những người "nhân danh Chúa nói tiên tri, trừ quỷ, làm phép lạ..." giúp cho Hội Thánh của Chúa nhìn ra những kẻ mang lối chiên đến cùng Hội Thánh (Ma-thi-ơ 7:15-23).

Kết Luận

Đứng trước những biến động trong Hội Thánh do các Phong Trào Ân Tứ và Ngũ Tuần gây ra, người tín đồ chân chính của Đấng Christ đối diện với hai sức kéo:

1. Hoàn toàn phủ nhận các phong trào này là công vụ của Đức Thánh Linh và duy trì sinh hoạt của Hội

Thánh trong khuôn khổ truyền thống xưa nay.

2. Hoàn toàn ủng hộ các phong trào này như là những cuộc phục hưng của Hội Thánh bởi quyền phép của Đức Thánh Linh, và như vậy, thay đổi hẳn lối sinh hoạt truyền thống của Hội Thánh.

Nhiều người đã chọn thái độ thích đáng như sau:

1. Đối với các Phong Trào Ân Tứ và Ngũ Tuần: Gạt bỏ tất cả những hiện tượng xuất thần không được Thánh Kinh hỗ trợ, như: hiện tượng đặt tay té ngã, hiện tượng tiếng cười thánh, hiện tượng âm thanh của súc vật... Gạt bỏ tất cả những sự thể hiện ân tứ không đúng với chỉ thị sử dụng ân tứ trong Thánh Kinh, như: "nói tiếng lạ" không có người thông giải, và những cuộc truyền giảng chữa bệnh, đuổi quỷ. Gạt bỏ tất cả các giáo lý không có trong Thánh Kinh hoặc đi ngược lại sự dạy dỗ của Thánh Kinh, như: giáo lý Đức Chúa Trời Một Ngôi (Oneness), giáo lý Tin Lành Thịnh Vượng, giáo lý Chiều Kích Thứ Tư... Cần chấp nhận tuyệt đối thẩm quyền của Thánh Kinh trong mọi sinh hoạt của Hội Thánh.

2. Đối với truyền thống: Bỏ đi những sự thờ phượng nặng phần hình thức mà thiếu quyền năng sống động, tươi mới của Đức Thánh Linh. Bỏ đi quan điểm "các ân tứ của Đức Thánh Linh đã chấm dứt sau thế kỷ thứ nhất". Cần tích cực truyền giáo với quyền năng và sức sống của Đức Thánh Linh.

Riêng đối với Hội Thánh Việt Nam, chẳng những cần có một thái độ thích đáng như trên mà còn cần dẹp tan tinh thần giáo phái và lối tổ chức giáo quyền hàng dọc.

Cầu xin sự thương xót của Đức Chúa Trời bao phủ trên Hội Thánh Việt Nam để mỗi người chần và mỗi con chiên đều nhìn thấy thực trạng của Hội Thánh, sẵn lòng hạ mình ăn năn, xưng tội với Đức Chúa Trời và với nhau, hết lòng sống theo Lời Chúa và giảng Lời Chúa một cách trung thực để Hội Thánh thực sự được phục hưng và dân tộc Việt Nam có nhiều người được cứu. A-men!

Huỳnh Christian Timothy

09.01.2007. Hiệu Đỉnh lần Thứ Nhất 13.12.2012

Ghi Chú

[1] Xem ý nghĩa các phép báp-tem tại đây: <http://timhieutinlanh.net/node/455>

[2] Các websites sau đây sưu tầm rất nhiều những đoạn video ghi lại các hiện tượng kể trên:

<http://www.bible.ca/tongues-audio-video-documentation.htm>

<http://video.google.com/videoplay?docid=-5162260544921752923>

[3] <http://www.vbcweb.org>

Tiếng Mới và Ân Tứ Nói Ngoại Ngữ Không Phải Là Hiện Tượng Nói Tiếng Lạ

Dẫn Nhập

Thánh Kinh Việt Ngữ Bản Dịch Truyền Thống đã dùng bốn từ ngữ: "tiếng mới," "tiếng lạ," "các thứ tiếng," và "tiếng ngoại quốc" để dịch hai từ ngữ hoàn toàn khác nhau trong nguyên ngữ Hy-lạp. Sự dùng từ ngữ "tiếng lạ" trong Bản Dịch Truyền Thống đã khiến cho rất nhiều người hiểu lầm hiện tượng "nói tiếng lạ" trong các Phong Trào Ân Tứ và Ngũ Tuần, là ân tứ nói ngoại ngữ do Đức Thánh Linh ban cho Hội Thánh. Chắc chắn là "tiếng mới" khác với ân tứ "nói ngoại ngữ" và cả hai hoàn toàn không phải là sự "nói tiếng lạ" của những người Ân Tứ và Ngũ Tuần.

Trong bài này, chúng tôi nêu lên tất cả những câu Thánh Kinh trong Bản Dịch Truyền Thống có những từ ngữ: "tiếng mới," "tiếng lạ," "các thứ tiếng," và "tiếng ngoại quốc," đối chiếu với Bản Hiệu Đính 2012. Bản Hiệu Đính 2012 là bản hiệu đính Thánh Kinh Việt Ngữ Bản Dịch Truyền Thống (1926), còn được gọi là Bản Dịch Phan Khôi, do chúng tôi đang tiến hành mà bạn đọc có thể tham khảo trên mạng tại đây: <http://www.tt2012.thanhkinhvietsu.net/>. Sau đó, chúng tôi sẽ nêu lên phần nhận xét.

Dữ kiện

Trước hết, xin liệt kê các câu Thánh Kinh Việt ngữ có các từ ngữ "tiếng mới," "tiếng lạ," "các thứ tiếng" và "tiếng ngoại quốc." Kèm theo các từ ngữ đó là nguyên ngữ Hy-lạp và từ Anh ngữ tương đương được đặt trong hai dấu ngoặc vuông []. Xin chú ý, cách dùng số ít "language" và số nhiều "languages" trong tiếng Anh là phản ánh trung thực từ nguyên ngữ:

1. Tiếng mới

Mác 16:17 *"Và những kẻ tin sẽ được các dấu lạ này: lấy danh Ta mà trừ quỷ; dùng tiếng [γλωσσαις, glōssa – languages] mới [καιναις, kainos – new] mà nói."* **Bản Hiệu Đính 2012:** *"Và những dấu hiệu này sẽ theo những kẻ tin: Trong danh Ta họ sẽ đuổi quỷ, họ sẽ nói những thứ tiếng mới."*

2. Tiếng lạ

I Cô-rinh-tô 12:30 *"Cả thầy đều được ơn chữa bệnh sao? Cả thầy đều nói tiếng lạ [γλωσσαις, glōssa – languages] sao? Cả thầy đều thông giải tiếng lạ [trong nguyên ngữ chỉ có chữ "diermēneuō" nghĩa là phiên dịch, không có chữ "glōssa"] sao?"* **Bản Hiệu Đính 2012:** *"Cả thầy đều được ơn chữa bệnh sao? Cả thầy đều nói các ngoại ngữ sao? Cả thầy đều thông giải sao?"*

I Cô-rinh-tô 13:8 "Tình yêu thương chẳng hề hư mất bao giờ. Các lời tiên tri sẽ hết, sự ban cho nói tiếng lạ [γλωσσαί, glōssa – languages] sẽ thôi, sự thông biết hầu bị bỏ." **Bản Hiệu Đính 2012:** "Tình yêu thương chẳng hề hư mất bao giờ. Các lời tiên tri sẽ hết, sự ban cho nói các ngoại ngữ sẽ thôi, sự thông biết hầu bị bỏ."

I Cô-rinh-tô 14:2 "Vì người nào nói tiếng lạ [γλωσσαί, glōssa – languages], thì không phải nói với người ta, bèn là với Đức Chúa Trời, bởi chẳng có ai hiểu (ấy là trong tâm thần mà người kia nói lời mầu nhiệm)." **Bản Hiệu Đính 2012:** "Vì người nào nói các ngoại ngữ, thì không phải nói với người ta, bèn là với Đức Chúa Trời, bởi chẳng có ai hiểu (ấy là trong tâm thần mà người kia nói lời mầu nhiệm)."

I Cô-rinh-tô 14:4 "Kẻ nói tiếng lạ [γλωσσαί, glōssa – language], tự gây dựng lấy mình; song kẻ nói tiên tri, gây dựng cho Hội thánh." **Bản Hiệu Đính 2012:** "Kẻ nói ngoại ngữ, tự gây dựng lấy mình; song kẻ nói tiên tri, gây dựng cho Hội thánh."

I Cô-rinh-tô 14:5 "Tôi ước ao anh em đều nói tiếng lạ [γλωσσαί, glōssa – languages] cả, song tôi còn ước ao hơn nữa là anh em nói tiên tri. Người nói tiên tri là trọng hơn kẻ nói tiếng lạ [γλωσσαί, glōssa – languages] mà không giải nghĩa để cho Hội thánh được gây dựng." **Bản Hiệu Đính 2012:** "Tôi ước ao anh em đều nói các ngoại ngữ cả, song tôi còn ước ao hơn nữa là anh em nói tiên tri. Người nói tiên tri là trọng hơn kẻ nói các ngoại ngữ mà không giải nghĩa để cho Hội thánh được gây dựng."

I Cô-rinh-tô 14:6 "Hỡi anh em, ví bằng tôi đến cùng anh em, nói các thứ tiếng lạ [γλωσσαί, glōssa – languages], mà lời nói tôi chẳng tỏ sự mầu nhiệm, chẳng có sự thông biết, chẳng có lời tiên tri, chẳng có sự khuyên dạy, thì ích gì đến anh em?" **Bản Hiệu Đính 2012:** "Hỡi anh em, ví bằng tôi đến cùng anh em, nói các thứ ngoại ngữ, mà lời nói tôi chẳng tỏ sự mầu nhiệm, chẳng có sự thông biết, chẳng có lời tiên tri, chẳng có sự khuyên dạy, thì ích gì đến anh em?"

I Cô-rinh-tô 14:13 "Bởi đó, kẻ nói tiếng lạ [γλωσσαί, glōssa – language], hãy cầu nguyện để được thông giải tiếng ấy." **Bản Hiệu Đính 2012:** "Bởi đó, kẻ nói ngoại ngữ, hãy cầu nguyện để được thông giải tiếng ấy."

I Cô-rinh-tô 14:14 "Vì nếu tôi cầu nguyện bằng tiếng lạ [γλωσσαί, glōssa – language], thì tâm thần tôi cầu nguyện, nhưng trí khôn tôi lơ lửng." **Bản Hiệu Đính 2012:** "Vì nếu tôi cầu nguyện bằng ngoại ngữ, thì tâm thần tôi cầu nguyện, nhưng trí khôn tôi lơ lửng."

I Cô-rinh-tô 14:18 "Tôi tạ ơn Đức Chúa Trời, vì đã được ơn nói tiếng lạ [γλωσσαί, glōssa – languages] nhiều hơn hết thầy anh em." **Bản Hiệu Đính 2012:** "Tôi tạ ơn Đức Chúa Trời, vì đã được ơn nói các ngoại ngữ nhiều hơn hết thầy anh em."

I Cô-rinh-tô 14:19 "Nhưng thà tôi lấy năm lời bằng trí khôn mình mà rao giảng trong Hội thánh, để được dạy bảo kẻ khác, hơn là lấy một vạn lời bằng tiếng lạ [γλωσσαί, glōssa – language]." **Bản Hiệu Đính 2012:** "Nhưng thà tôi lấy năm lời bằng trí khôn mình mà rao giảng trong Hội thánh, để được dạy bảo kẻ khác, hơn là lấy một vạn lời bằng ngoại ngữ."

I Cô-rinh-tô 14:21 "Trong luật pháp có chép rằng: Chúa phán: Ta sẽ nhờ những người nói tiếng lạ [ετερογλωσσαί, heteroglōssos – foreign languages], và môi miệng người ngoại quốc mà phán cho dân này; dầu vậy họ cũng chẳng nghe ta." **Bản Hiệu Đính 2012:** "Trong luật pháp có chép rằng: Chúa phán: Ta sẽ bởi các ngoại ngữ và môi miệng những người ngoại quốc mà phán cho dân này; dầu vậy họ cũng chẳng nghe Ta."

I Cô-rinh-tô 14:23 "Vậy thì cả Hội thánh nhóm lại một nơi, nếu ai nấy đều nói tiếng lạ [γλωσσαί, glōssa – languages], mà có kẻ tầm thường hoặc người chẳng tin vào nghe, họ há chẳng nói anh em là điên cuồng sao?" **Bản Hiệu Đính 2012:** "Vậy thì cả Hội Thánh nhóm lại một nơi, nếu ai nấy đều nói các

ngoại ngữ, mà có kẻ tầm thường hoặc người chẳng tin vào nghe, họ há chẳng nói anh em là điên cuồng sao?"

I Cô-rinh-tô 14:26 "Hỡi anh em, nên nói thể nào? Khi anh em nhóm lại với nhau, trong anh em, ai có bài ca, hoặc bài giảng dạy, hoặc lời tỏ sự kín nhiệm, hoặc nói tiếng lạ [γλωσσων, glōssa – languages], hoặc giải tiếng lạ [trong nguyên ngữ chỉ có chữ "hermēneia" nghĩa là thông giải, không có chữ "glōssa"] chẳng? Hãy làm hết thầy cho được gây dựng." **Bản Hiệu Đính 2012:** "Hỡi anh em, nên nói thể nào? Khi anh em nhóm lại với nhau, trong anh em, ai có bài ca, hoặc bài giảng dạy, hoặc lời tỏ sự kín nhiệm, hoặc nói các ngoại ngữ, hoặc thông giải chẳng? Hãy làm hết thầy cho được gây dựng."

I Cô-rinh-tô 14:27 "Vị bằng có người nói tiếng lạ [γλωσση, glōssa – language], chỉ nên hai hoặc ba người là cùng; mỗi người phải nói theo lượt mình, và phải có một người thông giải." **Bản Hiệu Đính 2012:** "Vị bằng có người nói ngoại ngữ, chỉ nên hai hoặc ba người là cùng; mỗi người phải nói theo lượt mình, và phải có một người thông giải."

I Cô-rinh-tô 14:39 "Ấy vậy, hỡi anh em, hãy trông mong ơn nói tiên tri, và đừng ngăn trở chi về điều nói tiếng lạ [γλωσσαίς, glōssa – languages]." **Bản Hiệu Đính 2012:** "Ấy vậy, hỡi anh em, hãy trông mong ơn nói tiên tri, và đừng ngăn trở chi về điều nói các ngoại ngữ."

3. Các thứ tiếng

Công Vụ Các Sứ Đồ 2:4 "Hết thầy đều được đầy dẫy Đức Thánh Linh, khởi sự nói các thứ tiếng [γλωσσαίς, glōssa – languages] khác [ετεροις, heteros – other], theo như Đức Thánh Linh cho mình nói." **Bản Hiệu Đính 2012:** "Hết thầy đều được đầy dẫy Đức Thánh Linh, khởi sự nói các ngoại ngữ khác, theo như Đức Thánh Linh cho mình nói."

I Cô-rinh-tô 14:22 "Thế thì, các thứ tiếng [γλωσσαί, glōssa – languages] là một dấu, chẳng cho người tin Chúa, song cho người chẳng tin; còn như lời tiên tri là một dấu, chẳng phải cho người không tin, song cho người tin Chúa." **Bản Hiệu Đính 2012:** "Thế thì, các ngoại ngữ là một dấu, chẳng cho người tin Chúa, song cho người chẳng tin; còn như lời tiên tri là một dấu, chẳng phải cho người không tin, song cho người tin Chúa."

4. Tiếng ngoại quốc

Công Vụ Các Sứ Đồ 10:46 "Vị các tín đồ nghe họ nói tiếng ngoại quốc [γλωσσαίς, glōssa – languages] và khen ngợi Đức Chúa Trời." **Bản Hiệu Đính 2012:** "Vị các tín đồ nghe họ nói các ngoại ngữ và tôn vinh Đức Chúa Trời."

Công Vụ Các Sứ Đồ 19:6 "Sau khi Phao-lô đã đặt tay lên, thì có Đức Thánh Linh giáng trên chúng, cho nói tiếng ngoại quốc [γλωσσαίς, glōssa – languages] và lời tiên tri." **Bản Hiệu Đính 2012:** "Sau khi Phao-lô đã đặt tay lên, thì có Đức Thánh Linh giáng trên chúng, cho nói các ngoại ngữ và lời tiên tri."

Nhận Xét

1. Ân tứ ngoại ngữ không phải là hiện tượng "nói tiếng lạ"

Trước hết, chúng ta cần xác định ý nghĩa của chữ "glōssa" trong nguyên tác Hy-lạp. Theo Thayer's Greek Definitions (Bộ Định Nghĩa Tiếng Hy-lạp của Thayer) thì "glōssa" bao gồm các nghĩa như sau:

- (1) cái lưỡi, một chi thể của thân thể, một cơ quan của sự nói
- (2) một ngôn ngữ: ngôn ngữ hay thổ ngữ được dùng bởi một sắc dân khác với [ngôn ngữ hay thổ ngữ] của các quốc gia khác.

Như vậy, chữ "glōssa" được dùng trong tất cả các câu Thánh Kinh trưng dẫn trên đây dù là số ít hay số nhiều cũng đều mang nghĩa thứ (2), tức là ngôn ngữ. Khi chữ "glōssa" được dùng ghép với động từ "laleō" (nói) thành "laleō glōssa" thì luôn luôn mang ý nghĩa: "nói tiếng ngoại quốc" hay gọn hơn: "nói ngoại ngữ." Chúng ta thấy trong các câu Thánh Kinh được trích dẫn không hề có tính từ "xenos" (lạ)

kèm theo "glōssa" cho nên không thể dịch là "tiếng lạ." Điền hình về việc dùng tính từ "xenos" (lạ) là:

"*Vì Ta đói, các người đã cho Ta ăn; Ta khát, các người đã cho Ta uống; Ta là khách lạ [ξενος, xenos – strange], các người tiếp rước Ta.*" (Ma-thi-ơ 25:35)

"*Rồi họ bàn với nhau dùng bạc đó mua ruộng của kẻ làm đồ gốm để chôn những khách lạ [ξενους, xenos – strange].*" (Ma-thi-ơ 27:7)

"*Anh em chớ để cho mọi thứ đạo lạ [ξενους, xenos – strange] đổ dành mình; vì lòng nhờ ân điển được vững bền, ấy là tốt, chớ không phải nhờ đồ ăn, là sự chẳng ích chi cho kẻ làm như vậy.*" (Hê-bơ-rơ 13:9)

Như vậy, trừ trường hợp của Mác 16:17 mà chúng ta sẽ bàn tiếp dưới đây, tất cả các câu Thánh Kinh còn lại có từ ngữ "laleō glōssa" nên dịch thành "nói tiếng ngoại quốc" hoặc "nói ngoại ngữ."

Sách Công Vụ Các Sứ Đồ ghi lại ba trường hợp các môn đồ được đầy dẫy Thánh Linh và được ơn nói tiếng ngoại quốc mà chúng ta có thể dùng đó để xác chứng chỉ có ân tứ nói ngoại ngữ chứ không hề có ân tứ "nói tiếng lạ!" Điểm cần chú ý là, mỗi khi ân tứ nói ngoại ngữ được thể hiện thì đều có sự ấn chứng của những người chứng kiến, rằng người đang nói ngoại ngữ đó nói lên những sự cao trọng của Đức Chúa Trời mà tôn vinh Ngài hoặc nói tiên tri. Đây là điểm rất quan trọng để phân biệt giữa ân tứ nói ngoại ngữ do Đức Thánh Linh ban cho con dân Chúa với sự "nói tiếng lạ" đến từ tà linh. Chúng tôi đã từng chứng kiến cảnh một tín đồ gốc Ân Tứ bị quỷ ám "nói tiếng lạ" và sau đó "nói ngoại ngữ" (tiếng Anh) một cách lưu loát để giảng Tin Lành. Người này trước đó không thông thạo Anh ngữ. Mặc dù người ấy giảng Tin Lành một cách thông suốt, đúng Thánh Kinh, nhưng lại tự xưng là Đức Chúa Jesus và lại nói rằng rất yêu người nữ tín đồ đang bị nhập xác đó, muốn có con với người nữ tín đồ đó... thì rõ ràng là hiện tượng quỷ nhập, chưa kể các biểu hiện nói lảm nhảm, cười, khóc, trợn trắng, thè lưỡi, sùi nước bọt rất là bất bình thường. Chính nạn nhân vào lúc tỉnh cũng biết mình bị quỷ nhập.

2. Tiếng mới

Từ ngữ này chỉ được dùng có một lần trong Mác 16:17. Sự nói các thứ tiếng mới của người tin nhận Chúa chắc chắn là khác hẳn với ân tứ nói ngoại ngữ. Trong khi ân tứ nói ngoại ngữ là một trong các ân tứ do Đức Thánh Linh "*theo ý Ngài muốn, phân phát riêng cho mỗi người,*" không phải tín đồ nào cũng nhận được (I Cô-rinh-tô 12:11), thì sự nói các thứ tiếng mới là dấu hiệu đi theo tất cả những ai là môn đồ thật của Chúa:

Mác 16:17 "*Vậy những kẻ tin sẽ được các dấu lạ này: lấy danh Ta mà trừ quỷ; dùng tiếng [γλωσσαις, glōssa – languages] mới [καιναις, kainos – new] mà nói.*"

Trong nguyên ngữ Hy-lạp, tính từ "kainos" có nghĩa là "mới," được dùng chung với danh từ "glōssa" số nhiều. Nếu dịch câu trên cho sát với nguyên ngữ thì sẽ như sau: "*Và những dấu hiệu này sẽ theo những kẻ tin: Trong danh Ta họ sẽ đuổi quỷ, họ sẽ nói những thứ tiếng mới.*"

Tiếng mới hay ngôn ngữ mới ở đây khác với ngoại ngữ hay tiếng ngoại quốc được dùng trong những câu Thánh Kinh chúng ta vừa bàn đến phía trên. **Tiếng mới này là tiếng của những người đã được dựng nên mới sử dụng: Tiếng của sự yêu thương! Ngôn ngữ của những người thật sự ở trong Chúa!** Hễ những ai đã được dựng nên mới trong Đức Chúa Jesus Christ thì tự nhiên họ sẽ dùng thứ tiếng mới này. Khi một người đã được dựng nên mới thì "*những sự cũ đã qua đi*" trong đó có luôn thứ ngôn ngữ cũ của hận thù, cay đắng, châm chọc, mỉa mai, thô tục, kiêu ngạo... Các thứ tiếng mới chính là các thứ tiếng mẹ đẻ đã được đổi mới trong Chúa của những người đã được dựng nên mới trong Chúa.

"*Vậy, nếu ai ở trong Đấng Christ, thì nấy là người dựng nên mới; những sự cũ đã qua đi, nầy mọi sự đều trở nên mới.*" (II Cô-rinh-tô 5:17)

Chúng tôi xin lập lại điều quan trọng này: Trong khi "nói ngoại ngữ" là một trong các ân tứ do Đức Thánh Linh "*theo ý Ngài muốn, phân phát sự ban cho riêng cho mỗi người,*" nghĩa là không phải con

dân Chúa nào cũng nhận được, thì "nói tiếng mới" là một dấu hiệu đi theo tất cả những kẻ tin! Nghĩa là, bất cứ ai thực lòng tin nhận Chúa, được tái sinh thì đều nói tiếng mới! Từ ngữ "tiếng mới" được dùng trong Mác 16:17 dưới hình thức số nhiều cho chúng ta biết người thuộc dân tộc nào, ngôn ngữ nào, khi được đổi mới sẽ dùng tiếng mới của chính dân tộc đó, ngôn ngữ đó. Nếu tôi là người Việt Nam được dựng nên mới trong Đấng Christ thì tôi sẽ nói một thứ tiếng Việt Nam mới, là thứ tiếng Việt Nam thể hiện sự thương xót, công bình và thánh khiết của Đức Chúa Trời.

Người không thật lòng tin Chúa thì không có được các dấu hiệu "nói tiếng mới," và không thể nào "trong danh Chúa trừ quỷ..." cho nên, họ vẫn còn nói năng thô tục, giả ngộ tầm phào, bàn chuyện huyền, và không ngại thốt ra những lời cay độc, kiêu căng, ngạo mạn... Những người như thế dễ dàng bị sập bẫy của Sa-tan để khoác cho mình những thứ ân tứ giả như: "nói tiếng lạ," "chữa bệnh," "đuổi quỷ," "nói tiên tri," thậm chí làm ra các "phép lạ" trong danh Chúa (Ma-thi-ơ 7:21-23). Con dân chân thật của Chúa có thể nhìn ra họ cách dễ dàng, vì họ không có được một trong các dấu hiệu thật của những người đã thật sự *"tự bỏ mình đi, mỗi ngày vác thập tự giá mình mà theo"* Chúa, là dùng "tiếng mới" mà nói!

Kết Luận

Ngày nay, hiện tượng "nói tiếng lạ" là một trong những động cơ phá tán Hội Thánh Chúa một cách đáng sợ nhất. Nhiều người chần bầy thiếu khôn ngoan (mà lại không cầu xin Chúa – Gia-cơ 1:5) để phân biệt ân tứ nói ngoại ngữ đến từ Đức Thánh Linh với hiện tượng "nói tiếng lạ" đến từ tà linh, cho nên, đã dung chứa các sứ giả của Sa-tan trong Hội Thánh (II Cô-rinh-tô 11:14, 15). Hậu quả là trong vòng ba năm, Hội Thánh địa phương bị phá tán và biến thành hội của Sa-tan (Khải Huyền 2:9)!

Hy vọng rằng, trong các bản hiệu đính hoặc trong các bản dịch tương lai, Thánh Kinh Việt ngữ sẽ không còn những thiếu sót về thuật ngữ khiến gây ra những hiểu lầm, ảnh hưởng tai hại đến sự hiểu biết và áp dụng Lời Chúa vào trong cuộc sống của con dân Chúa người Việt.

Huỳnh Christian Timothy

28.12.2009. Hiệu Đính Lần Thứ Nhất 14.12.2012

Trả Lời Một Số Lý Luận Bảo Vệ Việc Nói Tiếng Lạ

Nội Dung Các Lý Luận

Saigon 08.12.2012

Hôm nay, em có gặp một người con cái Chúa, anh này có những đặc điểm là rất giống anh, ở chỗ anh ta không sinh hoạt ở bất kỳ giáo phái nào. Mà chỉ thờ phượng và giảng dạy Lời Chúa theo Thánh Kinh, trung thành theo Thánh Kinh và anh cũng bỏ hết việc thế gian mà hầu việc Chúa cách nhiệt thành.

Em có đề cập đến vấn đề nói tiếng lạ ngày nay và ân tứ nói ngoại ngữ đến từ Chúa Thánh Linh. Sau đây là quan điểm hay cách hiểu của anh ấy về vấn đề này. Anh ấy chia sẻ rằng anh ấy là người chống lại vấn đề nói tiếng lạ được trên 20 năm, cho đến khi anh ấy trong một buổi cầu nguyện một mình, đau đớn khi cầu thay cho người bạn tội lỗi, mà nỗi đau đó không diễn tả đầy đủ được, thì đột nhiên âm thanh cầu nguyện của anh không còn là tiếng Việt nữa mà thật sự là bằng tiếng lạ. Sau đó, anh tha thiết xin Chúa Thánh Linh bày tỏ cho anh lẽ thật về vấn đề gây tranh cãi này. Chúa bày tỏ và sau đây là cách anh ấy diễn đạt lại với em. Trước khi đi vào nội dung chính thì anh ấy có nêu một số ý như sau:

- Ma quỷ luôn gieo sự sợ hãi và nghi ngờ cho những người vận dụng ân tứ : Ví dụ “coi chừng cái này đến từ ma quỷ chứ không phải từ Thánh Linh để vô hiệu hóa hay ngăn cản việc sử dụng ân tứ do Chúa ban cho.”
- Ma quỷ cũng tạo ra những tranh luận giữa vòng những người có ân tứ để lãng phí thời gian và làm suy yếu đi khả năng liên kết trên đất này của những người con cái Chúa.
- Satan từng là tổng quản về ngợi khen và thờ phượng trên thiên đàng nên hiểu rất rõ về ân tứ.
- Ân tứ thay vì là một tiền tố để Cơ Đốc Nhân phối hợp mạnh mẽ thì nay lại là nhân tố gây chia rẽ bậc nhất trong vòng Hội Thánh. Giống như một vị vua cha có 10 hoàng tử, và vua dạy cho mỗi người một thể võ, nhưng bài võ chỉ trọn vẹn khi 10 hoàng tử này biết phối hợp lại với nhau. (Chúa Thánh Linh ban ân tứ cho ai là tùy ý Ngài).

Trường hợp 1: Công vụ đoạn 2: Đây là tiếng lạ được hiểu như một ngoại ngữ xác định được với mục đích truyền giảng Tin Lành cho dân tộc khác. Đây phải dịch là tiếng ngoại quốc mới đúng.

Trường hợp 2: là trường hợp bị quở trách của Hội Thánh Cô-rinh-tô: là trường hợp giữa những người được ơn nói với hội chúng đã tin thì bắt buộc phải có sự thông giải. Trường hợp này có thể là tiếng ngoại quốc nhưng cũng có thể là tiếng lạ (tràng âm thanh không hiểu được).

Trường hợp 3: là trường hợp chắc chắn không phải là tiếng của loài người hay dân tộc ngoại quốc, tại sao lại có sự giải thích này là bởi vì: Đây là ngôn ngữ hoàn toàn riêng biệt để tương giao với Chúa trong thế giới linh. Loại tiếng này dùng để gây dựng chính phần linh của cá nhân nói tiếng đó, là một sự bày tỏ “kín nhiệm.”

Phao-lô vừa là người được ân tứ nói nhiều thứ ngoại ngữ và cũng là người được ân tứ nói nhiều “thứ

tiếng lạ” này (âm thanh không hiểu được). Ông có sự tương giao với Chúa rất đặc biệt, bằng cơ là Phao-lô không trực tiếp dự Tiệc Thánh lúc Chúa Jesus lập ra, nhưng ông nhận được điều này từ Chúa về nghi thức Tiệc Thánh và viết ra để dạy trong thư Cô-rinh-tô. Ngày hôm nay, những lúc dự Tiệc Thánh thì Hội Thánh luôn đọc đoạn Kinh Thánh do Phao-lô viết dạy dỗ về nghi thức này.(I Cor 11 – Vả, tôi có nhận nơi Chúa...). Ông không hề dự Tiệc Thánh vào lúc Chúa Jesus lập, nhưng ông lại nói là ông nhận nơi Chúa vì ông có sự tương giao đặc biệt bằng linh với Thánh Linh (Nhận trong nơi kín nhiệm khi ông tương giao với Chúa). Vì ông là người nói tiếng lạ nhiều nhất nên ông cũng là người viết Tân Ước nhiều nhất sau khi Chúa Jesus thăng thiên.

Ông cũng nhắc nhở là “cầu nguyện bằng tâm linh nhưng cũng cầu nguyện bằng tâm trí nữa.”

Mục đích ông viết thư Cô-rinh-tô là để Hội Thánh được tổ chức tốt hơn, đặc biệt là trong lĩnh vực sử dụng ân tứ. Ông sắp xếp lại và hướng dẫn Hội Thánh cách vận hành ân tứ.

Tiếng lạ dùng để truyền giảng thì được hiểu là ngoại ngữ (speak other tongues), tiếng lạ dùng để gây dựng chính mình thì được hiểu là cơ quan phát âm (speak a tongue), mà loại âm thanh này không nhất thiết là loại ngôn ngữ thông thường của loài người. Ví dụ:

- Đứa bé còn bú mẹ, khi nó “nói chuyện” với mẹ nó để xin bú thì nó sẽ không nói là “con muốn bú” mà nó chỉ có thể nói là “măm măm.” Đương nhiên, chữ “măm măm” này không phải là ngôn ngữ thông thường để diễn đạt “con muốn bú.” Việc tương giao với Cha Thiên Thượng cũng thế, có những điều “không nói bằng lời” được khi tâm linh được lớn lên. Nếu một người chưa nên thánh mà “báp tem Thánh Linh” sẽ bị hỏng chân, lúc đó thay vì được đầy dẫy Thánh Linh thì tà linh nhảy vào tương tác. Cho nên, anh ta đồng ý với anh rằng đầy dẫy Thánh Linh là phụ thuộc vào sự nên thánh khi sống đạo chứ không phải đặt tay cầu nguyện để đầy dẫy theo kiểu sai trật của các phong trào hiện nay.
- Mối quan hệ của những cặp vợ chồng khăng khít, khi họ “gắn gũi” nhau thì họ không nói những ngôn ngữ bình thường nhưng là “những âm thanh vô nghĩa” nhưng họ vẫn hiểu nhau. So sánh này hơi bình dân, nhưng dễ hiểu. Khi một con người thánh khiết, khao khát tương giao với Đức Chúa Trời thì Thánh Linh sẽ dẫn dắt để cầu nguyện tương giao với Đức Chúa Trời mà không nhất thiết âm thanh phát ra là loại ngôn ngữ thông thường, nó vẫn có khả năng là một tràng âm thanh vô nghĩa.

Anh ta cũng đồng ý trường hợp tiếng mới của Mác 16:17 Chúa Jesus dạy là ngoại lệ.

Tất cả các phân đoạn Kinh Thánh có nhắc đến vấn đề tiếng lạ ở nhiều ngữ cảnh khác nhau đều nên đổi lại cách dịch là tiếng ngoại quốc cho rõ nghĩa, ngoại trừ I Cor 14:2, 4, 14, 15, 18, 19, 23.

Kết luận:

- Ân tứ nói ngoại ngữ được vận hành khi Chúa Thánh Linh cần ấn chứng hoặc giảng giải cách rõ ràng bằng một ngôn ngữ ngoại quốc được chuyển sang ngôn ngữ của những người nghe có thể hiểu được một cách siêu nhiên.
- Ân tứ nói tiếng lạ (âm thanh không hiểu được) chỉ được ban cho những người có nếp sống đạo thánh khiết, khao khát tương giao với Chúa, dành nhiều thời gian cầu nguyện cho Chúa mỗi ngày, khao khát tương giao với Chúa, gây dựng chính mình.
- Thực trạng Satan lợi dụng “tiếng lạ” để xâm nhập vào Hội Thánh gây rối là có thật nhưng đó không phải là kết luận để nhận định một tràng âm thanh không hiểu được lúc nào cũng do tà linh gây ra.
- Thực tế, con cái chân thật của Chúa, khao khát tương giao với Chúa, cầu xin Thánh Linh ban cho “cơ quan phát âm” của họ phát lên những âm thanh ngợi khen thờ phượng thì họ vẫn nhận lãnh. Vì “các người là xấu xa còn biết cho con bánh, huống chi Cha lại không ban Thánh Linh cho những người cầu xin sao...” Vì những người khao khát, họ có tâm tình cầu nguyện nóng cháy với Chúa nên Chúa sẽ không cho phép tà linh nào nhảy vào áp chế khi con cái Chúa khao khát tương giao với Ngài. Điều này có thể nhận thấy những người “tự gây dựng chính mình”

bằng cách cầu nguyện tiếng lạ thì đều nhận được sự bình an chứ không phải bất an. (Điều này thì em có trải nghiệm trước đây).

- Việc tà linh dùng tiếng lạ để gây rối hoàn toàn có thật, nhưng những âm thanh vô nghĩa lúc tương giao trong mối quan hệ ngọt ngào với Đức Chúa Cha cũng có thật, việc tương giao này được điều khiển bởi phần linh chứ không bị hạn chế bởi phần hồn (tâm trí có ý thức).

Nhận định của em:

- Cảm giác bình an khi cầu nguyện một mình với Chúa bằng tiếng lạ là trải nghiệm có thật của em.
- Em không tin rằng tại đa số Hội Thánh đang nói tiếng lạ là loại tiếng lạ được ban để tương giao, là “tiếng thờ than không nói nên lời.” mà chủ yếu họ dùng nhân linh của họ để “ra vẻ” spiritual hoặc rất nhiều trường hợp bị linh lừa dối.
- Vì theo em nghĩ, một người phải thực sự nên thánh, không phạm tội, ao ước tương giao với Chúa nhưng ngôn ngữ không đủ diễn đạt thì trạng thái tiếng lạ tương giao đó vẫn có thể được ban cho. Ngay cả đối với người bình thường của mình, khi giao tiếp với nhau cũng đôi khi “nói” hay “kêu” những âm thanh vô nghĩa.
- Em hiểu liên quan đến vấn đề thờ phượng, đôi khi chúng ta “uu aa ơ lala huhu hòhơ” đều không có nghĩa nhưng tâm thần chúng ta đang hướng về Chúa thì tà linh cũng không được phép bén mảng tới gần, và nó cũng có thể hiểu là âm thanh của sự thờ phượng, tương giao hay thờ than, hoặc khi không thể diễn đạt đầy đủ.
- Những âm thanh “uu aa ơ lala huhu hòhơ” ở một cường độ, độ dài nhất định thì sẽ đến lúc nhận được sự thông giải sang ngôn ngữ loài người một cách rõ nghĩa hơn.
- Đức Chúa Cha tìm kiếm những người thờ phượng bằng “tâm thần” thật sự để tương giao với Ngài.

Anh giúp em xem nội dung em vừa trình bày như thế nào nhé, vì đây là sự hiểu biết vẫn theo em trong mấy ngày qua, vì thực tế kể cả thời gian gần đây, đôi lúc em rất đau đớn khi cầu nguyện cho vấn đề hôn nhân của em, em dâng những tổn thương mà mối quan hệ này gây ra, đôi lúc nó quá đau đớn khi nói đến những chi tiết đó, thì lúc đó em lại diễn đạt bằng “tiếng lạ” để dâng lên cho Chúa, trạng thái thực sự tan vỡ. Sau đó, thì em lại rất bình an. Tuy nhiên, không chỉ lúc đau khổ mới dùng tiếng lạ cầu nguyện, ngay cả khi mừng vui cũng có thể phát lên những âm thanh vô nghĩa.

Nhưng cũng có khi sự cầu nguyện chưa sâu, mà em lại cố dùng “nhân linh” để phát ra tiếng lạ thì chắc chắn nó không đến từ Thánh Linh mà nó chỉ là sự gượng ép của cá nhân em mà thôi. Em tin rằng, Hội Thánh ngày nay có rất nhiều trường hợp như vậy.

Các Câu Trả Lời của Huỳnh Christian Timothy

Nguyên tắc đầu tiên mà chúng ta cần triệt để vâng theo, đó là: Bất cứ lý luận hay giáo lý nào không có Thánh Kinh hỗ trợ thì nó đến từ Sa-tan. Thánh Kinh dạy: *"Bất cứ việc gì tựa như điều ác, thì phải tránh đi"* (I Tê-sa-lô-ni-ca 5:22). Chứng cứ bảo vệ cho nguyên tắc nói trên là: Tất cả những lý luận hay giáo lý không có trong Thánh Kinh hỗ trợ đó, nếu chúng ta không tin và không thực hành thì không thiệt hại gì cho nếp sống Đạo của chúng ta.

Nguyên tắc thứ hai là chúng ta xét người theo theo sự giảng dạy và làm theo Lời Chúa của người ấy. Một người giảng và thực hành bất cứ một giáo lý nào không có trong Thánh Kinh thì dù cho người đó có "đạo đức" như Phật Thích Ca, bỏ hết mọi sự để đi giảng đạo, thì người đó vẫn đang bị tà linh điều khiển.

Vợ chồng tôi từng bị tà linh áp chế phải cầu nguyện bằng tiếng lạ trong khi chúng tôi đang cầu nguyện đuổi quỷ, nhưng chúng tôi đã nhân danh Chúa để xua đuổi quyền lực khiến chúng tôi nói tiếng lạ ấy, nên nó không bắt phục được chúng tôi. Người bạn của anh thiếu hiểu biết nên đã bị tà linh khống chế.

Dưới đây là ý kiến của tôi và những điểm không đúng Thánh Kinh do người bạn của anh nêu ra.

Anh viết:

Hôm nay, em có gặp một người con cái Chúa, anh này có những đặc điểm là rất giống anh, ở chỗ anh ta không sinh hoạt ở bất kỳ giáo phái nào. Mà chỉ thờ phượng và giảng dạy Lời Chúa theo Thánh Kinh, trung thành theo Thánh Kinh và anh cũng bỏ hết việc thế gian mà hầu việc Chúa cách nhiệt thành.

Em có đề cập đến vấn đề nói tiếng lạ ngày nay và ân tứ nói ngoại ngữ đến từ Chúa Thánh Linh. Sau đây là quan điểm hay cách hiểu của anh ấy về vấn đề này. Anh ấy chia sẻ rằng anh ấy là người chống lại vấn đề nói tiếng lạ được trên 20 năm, cho đến khi anh ấy trong một buổi cầu nguyện một mình, đau đớn khi cầu thay cho người bạn tội lỗi, mà nỗi đau đó không diễn tả đầy đủ được, thì đột nhiên âm thanh cầu nguyện của anh không còn là tiếng Việt nữa mà thật sự là bằng tiếng lạ.

Tôi trả lời:

Nội dung của ơn nói ngoại ngữ là để tôn vinh Thiên Chúa (Công Vụ Các Sứ Đò 10:46) không phải để cầu thay cho nhau. Sứ Đò Phao-lô nhắc nhở con dân Chúa cầu thay cho nhau và cầu thay cho ông rất nhiều nhưng không bao giờ ông bảo họ cầu thay bằng ân tứ nói ngoại ngữ. Mục đích của ơn nói ngoại ngữ là để tự gây dựng lấy mình (nhất là khi chưa có Thánh Kinh Tân Ước) không phải để cầu thay cho người khác (I Cô-rinh-tô 12:4). Thánh Kinh dạy rõ: Khi chúng ta có những nỗi niềm không thể thốt nên lời thì chính Đức Thánh Linh lấy những sự thờ than không thể nói ra được mà cầu khẩn thay cho chúng ta: "*Cũng một lẽ ấy, Đấng Thần Linh giúp cho sự yếu đuối chúng ta. Vì chúng ta chẳng biết sự mình phải xin dâng cầu nguyện cho xứng đáng; nhưng chính Đấng Thần Linh lấy sự thờ than không thể nói ra được mà cầu khẩn thay cho chúng ta. Đấng dò xét lòng người hiểu biết ý tưởng của Đấng Thần Linh là thể nào, vì ấy là theo ý Thiên Chúa mà Ngài cầu thể cho các thánh đồ vậy*" (Rô-ma 8:26-27).

Sự kiện người bạn của anh đang tha thiết cầu thay cho một người bạn có tội mà bỗng nhiên phát ra các âm thanh lạ, có thể do một trong hai nguyên nhân sau:

1. Tương tự như lúc vợ chồng chúng tôi đang cầu nguyện đuổi quỷ thì tà linh thúc giục chúng tôi phát ra những âm thanh vô nghĩa theo kiểu nói tiếng lạ của những người Ân Tứ Ngũ Tuần, người bạn của anh có thể bị tấn công cùng một cách như vậy, nhưng anh ta đã không nắm vững lẽ thật của Chúa để chống trả nên bị mắc vào mưu kế của Sa-tan. Thánh Kinh dạy chúng ta phải lấy lẽ thật làm dây nịt lưng, dùng gươm của Thánh Linh là Lời Chúa để chống trả Ma Quỷ thì chúng ta mới thắng được mưu kế của nó (Ê-phê-sô 6:14-17). Chúng ta không thua sức Sa-tan vì Đấng ở trong chúng ta lớn hơn Sa-tan (I Giăng 4:4), nhưng nếu chúng ta không nắm vững Lời Chúa thì chúng ta sẽ thua mưu kế nó: "*Hãy mang lấy mọi khí giới của Đức Chúa Trời, để được đứng vững mà địch cùng mưu kế của Ma Quỷ*" (Ê-phê-sô 6:11).
2. Có thể chính anh ta đang có một tội lỗi thầm kín nào đó, chưa chịu từ bỏ, mà lại cầu thay cho người khác, cho nên, tà linh có thể xâm nhập anh ta.

Anh viết:

Sau đó, anh tha thiết xin Chúa Thánh Linh bày tỏ cho anh lẽ thật về vấn đề gây tranh cãi này. Chúa bày tỏ và sau đây là cách anh ấy diễn đạt lại với em. Trước khi đi vào nội dung chính thì

anh ấy có nêu một số ý như sau:

Tôi trả lời:

Một khi đã để cho tà linh xâm nhập, xem trọng kinh nghiệm và cảm xúc xác thịt hơn lẽ thật của Lời Chúa, thì tà linh sẽ điều khiển và giả làm Chúa Thánh Linh để tiếp tục dẫn dắt người bị nó bắt phục đi sâu vào con đường sai lạc.

Anh viết:

- *Ma quỷ luôn gieo sự sợ hãi và nghi ngờ cho những người vận dụng ân tứ: Ví dụ “coi chừng cái này đến từ ma quỷ chứ không phải từ Thánh Linh để vô hiệu hóa hay ngăn cản việc sử dụng ân tứ do Chúa ban cho.”*

Tôi trả lời:

Câu này sai. Phải nói rằng: Đức Thánh Linh luôn cảnh cáo những người thật lòng tìm kiếm lẽ thật, rằng hiện tượng nói tiếng lạ là đến từ Ma Quỷ. Còn những người chạy theo dấu kỳ phép lạ hơn là lẽ thật của Lời Chúa thì Ma Quỷ đưa ra những lý lẽ bẻ cong Lời Chúa để giúp họ bảo vệ cho sự nói tiếng lạ của họ.

Anh viết:

- *Ma quỷ cũng tạo ra những tranh luận giữa vòng những người có ân tứ để lãng phí thời gian và làm suy yếu đi khả năng liên kết trên đất này của những người con cái Chúa.*

Tôi trả lời:

Câu này sai. Phải nói rằng: Đức Thánh Linh luôn vận hành giữa những người nói tiếng lạ, cáo trách họ, đưa họ đến với những tội lỗi chân thật của Đức Chúa Trời, là những người rao giảng chân thật về Lời Chúa, chỉ ra sự sai trái của hiện tượng nói tiếng lạ, để thức tỉnh những ai thật lòng tìm kiếm lẽ thật của Lời Chúa nhưng đang sa vào mưu kế của tà linh nói tiếng lạ. Đó là cách mà Đức Chúa Trời giải cứu và dạy dỗ những con chiên chân thật của Ngài nhưng còn non yếu về thuộc linh.

Anh viết:

- *Satan từng là tổng quản về ngọy khen và thờ phượng trên thiên đàng nên hiểu rất rõ về ân tứ.*

Tôi trả lời:

Câu này sai. Sa-tan thật có quyền phép của một thiên sứ trưởng nhưng Sa-tan không biết gì về các ân tứ Chúa ban cho Hội Thánh, bởi vì, Hội Thánh là một huyền nhiệm được giấu kín trong Đức Chúa Trời từ thời thượng cổ. Chỉ sau khi Đấng Christ phục sinh, Hội Thánh được thành lập, Sa-tan mới ý thức được sự mầu nhiệm về Hội Thánh, và Sa-tan cũng phải học về Hội Thánh cùng các ân tứ Chúa ban cho Hội Thánh (qua sự rao giảng của các tông đồ Chúa bởi quyền năng của Đức Thánh Linh) như chúng ta.

Ê-phê-sô 3:9 “*và soi sáng cho mọi người biết sự phân phát lẽ mầu nhiệm, từ đời thượng cổ đã giấu kín trong Đức Chúa Trời là Đấng dựng nên muôn vật.*”

Ê-phê-sô 5:32 “*Sự mầu nhiệm ấy là lớn, tôi nói về Đấng Christ và Hội Thánh vậy.*”

Dẫu vậy, Sa-tan cũng không thể nào “hiểu rất rõ” về các ân tứ. Bởi vì, Sa-tan không hề nhận lãnh Thánh Linh từ Đức Chúa Trời để hiểu được các ân tứ mà Hội Thánh đã nhận lãnh. Thánh Kinh cho biết, phải dùng sự khôn ngoan do Đức Thánh Linh dạy thì mới có thể hiểu biết được các ân tứ của Ngài. Thật là vô lý nếu cho rằng sau khi Hội Thánh được thành lập và được ban cho các ân tứ của Đức Thánh Linh thì Đức Thánh Linh lại giảng dạy cho Sa-tan hiểu biết về các ân tứ mà Ngài đã ban cho Hội Thánh. “*Về phần chúng ta, chúng ta chẳng nhận lấy thần thế gian, nhưng đã nhận lấy Thần từ Đức Chúa Trời đến, hầu cho được hiểu biết những ơn mà chúng ta nhận lãnh bởi Đức Chúa Trời; chúng ta nói về ơn đó, không cậy lời nói mà sự khôn ngoan của loài người đã dạy đâu, song cậy sự khôn ngoan mà Thánh Linh đã dạy, dùng tiếng thiêng liêng để giải bày sự thiêng liêng.*” (1 Cô-rinh-tô 2:12-13).

Anh viết:

- *Ân tứ thay vì là một tiền tố để Cơ Đốc Nhân phối hợp mạnh mẽ thì nay lại là nhân tố gây chia rẽ bậc nhất trong vòng Hội Thánh. Giống như một vị vua cha có 10 hoàng tử, và vua dạy cho mỗi người một thế võ, nhưng bài võ chỉ trọn vẹn khi 10 hoàng tử này biết phối hợp lại với nhau. (Chúa Thánh Linh ban ân tứ cho ai là tùy ý Ngài).*

Tôi trả lời:

Sự so sánh này khắp khển. Trong khi mười người con phải tổng hợp 10 thế võ để môn võ được nên trọn vẹn thì mỗi một ân tứ của Đức Thánh Linh là một ơn ban toàn vẹn, không một ơn nào dựa trên một ơn nào. Mỗi ơn có mục đích và công dụng riêng, cho mỗi hoàn cảnh, trường hợp. Các ân tứ của Chúa vẫn hiện diện trong Hội Thánh ngày nay, kể cả ân tứ nói ngoại ngữ và thông giải ngoại ngữ (tôi là một trong những người được ơn thông giải ngoại ngữ); nhưng sự kiện nói tiếng lạ không phải là một trong các ân tứ của Đức Thánh Linh và hoàn toàn phản Thánh Kinh. Đó chỉ là một hình thức đọc thần chú của các ngoại giáo mà trong khoảng 100 năm qua, Sa-tan đã đẩy lên để tấn công vào trong Hội Thánh Chúa trong những ngày cuối cùng này, dẫn đến sự bội Đạo lớn làm tiền đề cho sự Chúa trở lại: *"Luận về sự đến của Đức Chúa Jesus Christ chúng ta, và về sự chúng ta hội hiệp cùng Ngài, thì, hỡi anh em, xin chớ vội bối rối và kinh hoàng hoặc bởi thần cảm giả mạo, hoặc bởi lời nói hay là bởi bức thơ nào tựa như chúng tôi đã gửi mà nói rằng ngày Chúa gần đến. Mặc ai dùng cách nào, cũng đừng để họ lừa dối mình. Vì phải có sự bỏ Đạo đến trước, và có người tội ác, con của sự hư mất hiện ra"* (I Tê-sa-lô-ni-ca 2:1-3).

Trong suốt lịch sử của Hội Thánh Chúa gần hai ngàn năm qua, chưa bao giờ sự bội đạo thể hiện đều khắp và rộng lớn cho bằng qua phong trào nói tiếng lạ và đặt tay té ngã. Cá nhân tôi xem sự tổng hợp của phong trào nói tiếng lạ, đặt tay té ngã cùng với phong trào chấp nhận đồng tính luyến ái trong Hội Thánh là sự bội Đạo lớn, làm dấu hiệu cho sự Chúa trở lại để đem Hội Thánh ra khỏi thế gian.

Anh viết:

Trường hợp 1: Công vụ đoạn 2: Đây là tiếng lạ được hiểu như một ngoại ngữ xác định được với mục đích truyền giảng Tin Lành cho dân tộc khác. Đây phải dịch là tiếng ngoại quốc mới đúng.

Tôi trả lời:

Câu này sai. Đây không phải là tiếng lạ, Thánh Kinh không bao giờ dùng từ ngữ "tiếng lạ," mà đây là các ngôn ngữ. Công Vụ Các Sứ Đồ 2 liệt kê ra ngôn ngữ của 15 dân tộc khác nhau và nhiều lần dùng các từ ngữ sau đây để chỉ định các ngôn ngữ mà Đức Thánh Linh đã ban cho các môn đồ nói ra: *"các thứ tiếng khác," "tiếng xứ mình," "tiếng riêng của xứ chúng ta sanh đẻ," "tiếng chúng ta"* và nội dung của sự nói đó là *"nói những sự cao trọng của Đức Chúa Trời!"* (Công Vụ Các Sứ Đồ 2:4, 6, 8, 11).

Mục đích của sự các môn đồ Chúa được ban ơn nói các ngôn ngữ khác nhau của loài người là để chứng minh năng lực của Đức Thánh Linh bắt đầu vận hành trong Hội Thánh của Đức Chúa Trời để Tin Lành sẽ được Hội Thánh giảng ra cho mọi dân tộc, bằng mọi tiếng nói của loài người, báo hiệu thời điểm kết thúc lịch sử tội lỗi của nhân loại.

Trong trường hợp của gia đình Cọt-nây (Công Vụ Các Sứ Đồ 10:46) là để cho các tín đồ người Do-thái biết Đức Chúa Trời tiếp nhận dân ngoại vào trong Hội Thánh và báp-tem Thánh Linh cho họ như là dân Do-thái. Trước khi Đấng Christ phục sinh, Tin Lành chỉ được giảng cho người Do-thái. Sau khi Đấng Christ phục sinh, không có sự phân biệt giữa dân Do-thái và dân ngoại trong Hội Thánh của Chúa (Ga-la-ti 3:28).

Không bao giờ ân tứ nói ngoại ngữ được dùng để truyền giảng mà tất cả các nhà truyền giáo đều phải học ngôn ngữ của dân tộc mà họ muốn đến truyền giảng. Cuối cùng, ơn nói ngoại ngữ là dấu hiệu tỏ ra cho những người không tin để họ nhận biết quyền năng của Đức Thánh Linh đang vận hành trong Hội Thánh (I Cô-rinh-tô 12:22), còn hiện tượng nói tiếng lạ chỉ khiến cho người ngoại chê cười vì họ thấy những kẻ nói tiếng lạ giống những người lên đồng, lên bóng, bị quỷ nhập.

Anh viết:

Trường hợp 2: là trường hợp bị quở trách của Hội Thánh Cô-rinh-tô: là trường hợp giữa những người được ơn nói với hội chúng đã tin thì bắt buộc phải có sự thông giải. Trường hợp này có thể là tiếng ngoại quốc nhưng cũng có thể là tiếng lạ (tràng âm thanh không hiểu được).

Tôi trả lời:

Chỗ nào trong Thánh Kinh dạy rằng có thể các tín đồ tại Cô-rinh-tô nói ra những tràng âm thanh vô nghĩa? Đây là Sa-tan cưỡng từ đoạt ý để ngụy biện.

Anh viết:

Trường hợp 3: là trường hợp chắc chắn không phải là tiếng của loài người hay dân tộc ngoại quốc, tại sao lại có sự giải thích này là bởi vì: Đây là ngôn ngữ hoàn toàn riêng biệt để tương giao với Chúa trong thế giới linh. Loại tiếng này dùng để gây dựng chính phần linh của cá nhân nói tiếng đó, là một sự bày tỏ “kín nhiệm.”

Tôi trả lời:

Chỗ nào trong Thánh Kinh dạy như vậy? Sa-tan đã đưa ra một giáo lý không có trong Thánh Kinh.

Anh viết:

Phao-lô vừa là người được ân tứ nói nhiều thứ ngoại ngữ và cũng là người được ân tứ nói nhiều “thứ tiếng lạ” này (âm thanh không hiểu được).

Tôi trả lời:

Chỗ nào trong Thánh Kinh dạy như vậy? Sa-tan đã đưa ra một giáo lý không có trong Thánh Kinh.

Anh viết:

Ông có sự tương giao với Chúa rất đặc biệt, bằng cách là Phao-lô không trực tiếp dự Tiệc Thánh lúc Chúa Jesus lập ra, nhưng ông nhận được điều này từ Chúa về nghi thức Tiệc Thánh và viết ra để dạy trong thư Cô-rinh-tô. Ngày hôm nay, những lúc dự Tiệc Thánh thì Hội Thánh luôn đọc đoạn Kinh Thánh do Phao-lô viết dạy dỗ về nghi thức này. (I Cor 11 – Vả, tôi có nhận nơi Chúa...). Ông không hề dự Tiệc Thánh vào lúc Chúa Jesus lập, nhưng ông lại nói là ông nhận nơi Chúa vì ông có sự tương giao đặc biệt bằng linh với Thánh Linh (Nhận trong nơi kín nhiệm khi ông tương giao với Chúa). Vì ông là người nói tiếng lạ nhiều nhất nên ông cũng là người viết Tân Ước nhiều nhất sau khi Chúa Jesus thăng thiên.

Tôi trả lời:

Đây là ngụy biện, dùng lý trí suy luận của loài người để tạo ra các giáo lý không có trong Thánh Kinh. Vua Đa-vít viết nhiều Thi Thiên nhất. Số câu Thánh Kinh Vua Đa-vít viết nhiều gấp hai lần số câu Phao-lô viết, vậy, có thể nào kết luận rằng Vua Đa-vít là người biết nói nhiều tiếng lạ nhất? Sự kiện Phao-lô được Chúa chọn làm sứ đồ và dạy dỗ ông cách trực tiếp không liên quan gì đến ân tứ nói ngoại ngữ và Phao-lô tuyệt đối không hề nói tiếng lạ, vì, không hề có ân tứ nói tiếng lạ mà chỉ có ân tứ nói ngoại ngữ.

Anh viết:

Ông cũng nhắc nhở là “cầu nguyện bằng tâm linh nhưng cũng cầu nguyện bằng tâm trí nữa.”

Tôi trả lời:

Cầu nguyện là một hình thức thờ phượng Chúa cho nên phải bằng tâm thần và lẽ thật (Giăng 4:23-24). Sự cầu nguyện nào của chúng ta cũng phải xuất phát từ trong tâm thần bởi sự cảm động và dẫn dắt của Đức Thánh Linh rồi phát ra bằng ngôn ngữ qua môi miệng của xác thịt. Trong khi đó, linh hồn chúng ta am hiểu điều mình cầu xin. Riêng trường hợp cầu nguyện bằng ngoại ngữ mà chúng ta không hiểu để tự mình thông giải thì chúng ta cần có anh chị em khác đang hiện diện thông giải, nếu không, chúng ta chỉ được phép cầu nguyện bằng tiếng mẹ đẻ hoặc bằng thứ tiếng mà Hội Thánh có thể hiểu được. Dù chúng ta cầu nguyện bằng tiếng mẹ đẻ hay bằng ngoại ngữ thì chúng ta cũng cầu nguyện bằng tâm thần và theo lẽ thật của Lời Chúa. Lý luận cho rằng, cầu nguyện bằng ơn nói ngoại

ngữ là cầu nguyện trong tâm thần còn cầu nguyện bằng tiếng mẹ đẻ là cầu nguyện bằng tâm trí là hoàn toàn phản Thánh Kinh.

Ý của Phao-lô là chúng ta phải tìm cầu sự cầu nguyện và tôn vinh mà chúng ta có thể hiểu được, còn nếu sự cầu nguyện và tôn vinh phát xuất từ tâm thần bởi ân tứ nói ngoại ngữ mà không có người thông giải hoặc tự chúng ta không hiểu điều chúng ta cầu nguyện hoặc tôn vinh thì chúng ta **không nên** thực hành. Trọn vẹn câu nói của Phao-lô là: *"Bởi đó, kẻ nói ngoại ngữ, hãy cầu nguyện để được thông giải tiếng ấy. Vì nếu tôi cầu nguyện bằng ngoại ngữ, thì tâm thần tôi cầu nguyện, nhưng trí khôn tôi lơ lửng. Vậy thì tôi sẽ làm thế nào? Tôi sẽ cầu nguyện theo tâm thần, nhưng cũng cầu nguyện bằng trí khôn. Tôi sẽ hát theo tâm thần, nhưng cũng hát bằng trí khôn"* (I Cô-rinh-tô 14:13-15).

Không thể có chuyện chỉ cầu nguyện hoặc tôn vinh bằng trí khôn mà không bằng tâm thần, vì mọi sự thờ phượng Chúa đều phải bằng tâm thần và lẽ thật. Cho nên, **cầu nguyện và tôn vinh vừa bằng tâm thần vừa bằng trí khôn** là ý rõ ràng trong câu nói của Phao-lô.

Sự giải kinh theo kiểu ngắt câu đoạn mạch đã sản xuất ra vô số tà giáo!

Anh viết:

Mục đích ông viết thư Cô-rinh-tô là để Hội Thánh được tổ chức tốt hơn, đặc biệt là trong lĩnh vực sử dụng ân tứ. Ông sắp xếp lại và hướng dẫn Hội Thánh cách vận hành ân tứ.

Tiếng lạ dùng để truyền giảng thì được hiểu là ngoại ngữ (speak other tongues), tiếng lạ dùng để gây dựng chính mình thì được hiểu là cơ quan phát âm (speak a tongue), mà loại âm thanh này không nhất thiết là loại ngôn ngữ thông thường của loài người.

Tôi trả lời:

Lại thêm một sự nguy hiểm của Sa-tan. "Speak a tongue" tức là nói một ngôn ngữ, không thể dịch là phát ra những âm thanh. Để nói đến sự kiện phát ra những âm thanh thì Thánh Kinh dùng: "giving sound" *"Vậy, dấu vật không có sự sống **phát ra tiếng (giving sound)**, như ống tiêu, đờn cầm: nếu không có âm điệu phân biệt nhau, thế nào nhận biết được ống tiêu hay là đờn cầm thổi và khảy cái chi?"* (I Cô-rinh-tô 14:7). Điều quan trọng là, Thánh Kinh không hề nói đến ân tứ "phát ra tiếng."

Anh viết:

Ví dụ:

- *Đứa bé còn bú mẹ, khi nó "nói chuyện" với mẹ nó để xin bú thì nó sẽ không nói là "con muốn bú" mà nó chỉ có thể nói là "măm măm." Đương nhiên, chữ "măm măm" này không phải là ngôn ngữ thông thường để diễn đạt "con muốn bú." Việc tương giao với Cha Thiên Thượng cũng thế, có những điều "không nói bằng lời" được khi tâm linh được lớn lên. Nếu một người chưa nên thánh mà "báp tem Thánh Linh" sẽ bị hồng chân, lúc đó thay vì được đầy dẫy Thánh Linh thì tà linh nhảy vào tương tác. Cho nên, anh ta đồng ý với anh rằng đầy dẫy Thánh Linh là phụ thuộc vào sự nên thánh khi sống đạo chứ không phải đặt tay cầu nguyện để đầy dẫy theo kiểu sai trật của các phong trào hiện nay.*

Tôi trả lời:

Chữ "măm măm" đương nhiên là ngôn ngữ để xin bú của trẻ con. Thánh Kinh khẳng định, con trẻ có ngôn ngữ của con trẻ. Ai quy định rằng "măm măm" không phải là ngôn ngữ của trẻ con để xin bú? Nếu không phải thì sao cả mẹ lẫn con đều hiểu rằng đó là đứa con muốn bú? Chẳng những con trẻ có ngôn ngữ của con trẻ mà còn có nhiều trình độ khác nhau trong sự vận dụng ngôn ngữ nữa. *"Khi tôi còn trẻ, tôi nói như con trẻ, tư tưởng như con trẻ, suy xét như con trẻ; khi tôi đã thành non bèn bỏ những điều thuộc về con trẻ"* (I Cô-rinh-tô 13:11).

Nếu chưa nên thánh, sao lại được báp-tem bằng Thánh Linh? Nếu đã được báp-tem bằng Thánh Linh thì phải đầy dẫy Thánh Linh chứ sao tà linh lại nhảy vào? Vậy, quyền năng của Đức Thánh Linh ở đâu?

Một người thật lòng ăn năn tội, tin nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Jesus Christ thì lập tức được Đức Chúa Trời tha tội, được Đức Chúa Jesus Christ làm cho sạch tội và được Đức Thánh Linh tái sinh.

Người đó lập tức được đổ đầy Thánh Linh của Chúa (báp-tem bằng Thánh Linh) để có năng lực của Thiên Chúa sống một đời sống mới theo điều răn và luật pháp mà Đức Thánh Linh đã ghi vào lương tâm mới của người ấy. Từ đó, người đã được tái sinh, nếu tiếp tục yêu mến Chúa, tìm kiếm lẽ thật của Lời Chúa để vâng theo thì tiếp tục đầy dẫy Thánh Linh, còn nếu hướng về thế gian yêu mến thế gian thì không còn đầy dẫy Thánh Linh.

Dấu chứng một người đầy dẫy Thánh Linh là sự kiện người ấy không phạm tội, dù chỉ trong tư tưởng, hoặc nếu tội lỗi vừa phát sinh trong tư tưởng thì người ấy lập tức ăn năn và xưng tội với Chúa. Khi tiếp xúc với thế giới bên ngoài, một người đầy dẫy Thánh Linh sẽ nói và hành động theo sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh. Dầu vậy, chính linh hồn người ấy quyết định làm theo sự nhận thức trong tâm thần của mình, thể hiện qua các động tác của xác thịt mình, chứ không hề có chuyện Đức Thánh Linh kiểm chế tâm thần của người ấy mà người ấy không thể tự kiểm chế ý muốn mình, không thể tự kiểm chế thân thể xác thịt của mình. Mọi trạng thái ngây ngất, xuất thần, không tự mình kiểm chế được đều là biểu hiện của một người bị tà linh xâm nhập, điều khiển.

Xin nghe thêm bài giảng **10219 XungNghĩaTaiSinhThanhHoa 2** tại đây:

https://soundcloud.com/huynh-christian-timothy/sets/102_sucuuroivuongquocroi

Bấm vào tựa bài để nghe, bắt đầu từ phút thứ 25.

Anh viết:

- *Mối quan hệ của những cặp vợ chồng khăng khít, khi họ “gắn gũi” nhau thì họ không nói những ngôn ngữ bình thường nhưng là “những âm thanh vô nghĩa” nhưng họ vẫn hiểu nhau. So sánh này hơi bình dân, nhưng dễ hiểu. Khi một con người thánh khiết, khao khát tương giao với Đức Chúa Trời thì Thánh Linh sẽ dẫn dắt để cầu nguyện tương giao với Đức Chúa Trời mà không nhất thiết âm thanh phát ra là loại ngôn ngữ thông thường, nó vẫn có khả năng là một tràng âm thanh vô nghĩa.*

Tôi trả lời:

Hiện tượng vợ chồng gắn gũi xác thịt gào rú những âm thanh vô nghĩa như thú vật là hiện tượng xảy ra cho những người sống theo nhục dục của xác thịt, không có Chúa. Người đã thật sự thuộc về Chúa, trong mối quan hệ gắn gũi vợ chồng họ cũng đều cầu nguyện cảm tạ, dâng trình lên Chúa và yêu nhau trong danh của Chúa thì không bao giờ có chuyện gào rú hay phát ra những âm thanh vô nghĩa: “*Vậy, anh em hoặc ăn, hoặc uống, hay là làm sự chi khác, hãy vì sự vinh quang của Thiên Chúa mà làm*” (I Cô-rinh-tô 10:31). Trong niềm vui, hạnh phúc hai người trở nên một thịt đó, tâm linh họ luôn tràn ngập sự cảm tạ Chúa. Đức Chúa Jesus Christ đã ban cho những người thuộc về Ngài một ngôn ngữ mới không đủ để họ nói những lời yêu thương, vui thú với nhau hay sao mà phải thốt ra những âm thanh vô nghĩa như thú vật, theo cách thức của những người không có Chúa? “*Vậy những kẻ tin sẽ được các dấu lạ này: lấy danh Ta mà trừ quỷ; dùng tiếng mới mà nói*” (Mác 16:17). Xem thêm bài viết về tiếng mới tại đây:

<http://www.timhieutinlanh.net/?p=262>

<http://www.timhieutinlanh.net/?p=768>

Anh viết:

Anh ta cũng đồng ý trường hợp tiếng mới của Mác 16:17 Chúa Jesus dạy là ngoại lệ.

Tất cả các phân đoạn Kinh Thánh có nhắc đến vấn đề tiếng lạ ở nhiều ngữ cảnh khác nhau đều nên đổi lại cách dịch là tiếng ngoại quốc cho rõ nghĩa, ngoại trừ I Cor 14:2, 4, 14, 15, 18, 19, 23.

Tôi trả lời:

Trong các câu I Cô-rinh-tô 14:2, 4, 14, 15, 18, 19, 23, Thánh Kinh dùng từ ngữ “nói một ngôn ngữ” (speak a tongue) chứ không dùng từ ngữ “phát ra một âm thanh (giving a sound), thì sao lại có thể dịch là “tiếng lạ?” Thánh Kinh Tân Ước nguyên ngữ Hy-lạp có sáu lần dùng tính từ “lạ” trong năm câu sau đây nhưng không bao giờ đề cập đến “tiếng lạ,” “ngôn ngữ lạ,” hay là “âm thanh lạ:”

Công Vụ Các Sứ Đồ 17:20: “Vì chưng ông giảng cho chúng tôi nghe sự lạ. Chúng tôi muốn biết ý nghĩa điều đó là gì.” **KJV:** “For thou bringest certain strange things to our ears: we would know therefore what these things mean.”

Hê-bơ-rơ 13:9: “Anh em chớ để cho mọi thứ đạo lạ dỗ dành mình; vì lòng nhờ ân điển được vững bền, ấy là tốt, chớ không phải nhờ đồ ăn, là sự chẳng ích chi cho kẻ làm như vậy.” **KJV:** “Be not carried about with divers and strange doctrines. For it is a good thing that the heart be established with grace; not with meats, which have not profited them that have been occupied therein.”

I Phi-e-rơ 4:4: “Họ thấy anh em chẳng cùng họ theo sự dâm dật bậy bạ ấy, thì họ lấy làm lạ và gièm chê.” **KJV:** “Wherein they think it strange that ye run not with them to the same excess of riot, speaking evil of you.”

I Phi-e-rơ 4:12: “Hỡi kẻ rất yêu dấu, khi anh em bị trong lò lửa thử thách, chớ lấy làm lạ như mình gặp một việc khác thường.” **KJV:** “Beloved, think it not strange concerning the fiery trial which is to try you, as though some strange thing happened unto you.”

Giu-đe câu 7: “Lại như thành Sô-đôm và Gô-mô-rơ cùng các thành lân cận cũng buông theo sự dâm dục và xác thối lạ, thì đã chịu hình phạt bằng lửa đời đời, làm gương để trước mặt chúng ta.” **KJV:** “Even as Sodom and Gomorrha, and the cities about them in like manner, giving themselves over to fornication, and going after strange flesh, are set forth for an example, suffering the vengeance of eternal fire.”

Vì thế, chắc chắn và rõ ràng là Thánh Kinh không bao giờ nói đến cái gọi là “ân tứ nói tiếng lạ,” hay “ân tứ cầu nguyện tiếng lạ,” hay “ân tứ phát ra âm thanh lạ” trong khi cầu nguyện với Chúa hoặc trong khi tôn vinh Chúa.

Tôi chép lại bản dịch Anh ngữ toàn đoạn 14 của I Cô-rinh-tô dưới đây theo King James Version là bản dịch chính xác nhất để chúng ta tham khảo:

1Co 14:1 Follow after charity, and desire spiritual gifts, but rather that ye may prophesy.

1Co 14:2 For he that **speaketh in an unknown tongue** speaketh not unto men, but unto God: for no man understandeth him; howbeit in the spirit he speaketh mysteries.

1Co 14:3 But he that prophesieth speaketh unto men to edification, and exhortation, and comfort.

1Co 14:4 He that **speaketh in an unknown tongue** edifieth himself; but he that prophesieth edifieth the church.

1Co 14:5 I would that ye all **spake with tongues**, but rather that ye prophesied: for greater is he that prophesieth than he that **speaketh with tongues**, except he interpret, that the church may receive edifying.

1Co 14:6 Now, brethren, if I come unto you **speaking with tongues**, what shall I profit you, except I shall speak to you either by revelation, or by knowledge, or by prophesying, or by doctrine?

1Co 14:7 And even things without life **giving sound**, whether pipe or harp, except they **give** a distinction in the **sounds**, how shall it be known what is piped or harped?

1Co 14:8 For if the trumpet **give** an uncertain **sound**, who shall prepare himself to the battle?

1Co 14:9 So likewise ye, except ye **utter by the tongue** words easy to be understood, how shall it be known what is spoken? for ye shall speak into the air.

1Co 14:10 **There are, it may be, so many kinds of voices in the world, and none of them is without signification.**

1Co 14:11 Therefore if I know not the meaning of the voice, I shall be unto him that speaketh a barbarian, and he that speaketh shall be a barbarian unto me.

1Co 14:12 *Even so ye, forasmuch as ye are zealous of spiritual gifts, seek that ye may excel to the edifying of the church.*

1Co 14:13 *Wherefore let him that **speaketh in an unknown tongue** pray that he may interpret.*

1Co 14:14 *For if I **pray in an unknown tongue**, my spirit prayeth, but my understanding is unfruitful.*

1Co 14:15 *What is it then? I will pray with the spirit, and I will pray with the understanding also: I will sing with the spirit, and I will sing with the understanding also.*

1Co 14:16 *Else when thou shalt bless with the spirit, how shall he that occupieth the room of the unlearned say Amen at thy giving of thanks, seeing he understandeth not what thou sayest?*

1Co 14:17 *For thou verily givest thanks well, but the other is not edified.*

1Co 14:18 *I thank my God, I **speak with tongues** more than ye all:*

1Co 14:19 *Yet in the church I had rather speak five words with my understanding, that by my voice I might teach others also, than ten thousand words in **an unknown tongue**.*

1Co 14:20 *Brethren, be not children in understanding: howbeit in malice be ye children, but in understanding be men.*

1Co 14:21 *In the law it is written, With men of **other tongues** and other lips will I speak unto this people; and yet for all that will they not hear me, saith the Lord.*

1Co 14:22 ***Wherefore tongues are for a sign, not to them that believe, but to them that believe not: but prophesying serveth not for them that believe not, but for them which believe.***

1Co 14:23 *If therefore the whole church be come together into one place, and all **speak with tongues**, and there come in those that are unlearned, or unbelievers, will they not say that ye are mad?*

1Co 14:24 *But if all prophesy, and there come in one that believeth not, or one unlearned, he is convinced of all, he is judged of all:*

1Co 14:25 *And thus are the secrets of his heart made manifest; and so falling down on his face he will worship God, and report that God is in you of a truth.*

1Co 14:26 *How is it then, brethren? when ye come together, every one of you hath a psalm, hath a doctrine, hath **a tongue**, hath a revelation, hath an interpretation. Let all things be done unto edifying.*

1Co 14:27 *If any man **speak in an unknown tongue**, let it be by two, or at the most by three, and that by course; and let one interpret.*

1Co 14:28 *But if there be no interpreter, let him keep silence in the church; and let him speak to himself, and to God.*

1Co 14:29 *Let the prophets speak two or three, and let the other judge.*

1Co 14:30 *If any thing be revealed to another that sitteth by, let the first hold his peace.*

1Co 14:31 *For ye may all prophesy one by one, that all may learn, and all may be comforted.*

1Co 14:32 *And the spirits of the prophets are subject to the prophets.*

1Co 14:33 ***For God is not the author of confusion, but of peace, as in all churches of the saints.***

1Co 14:34 *Let your women keep silence in the churches: for it is not permitted unto them to speak; but they are commanded to be under obedience, as also saith the law.*

1Co 14:35 *And if they will learn any thing, let them ask their husbands at home: for it is a*

shame for women to speak in the church.

1Co 14:36 *What? came the word of God out from you? or came it unto you only?*

1Co 14:37 ***If any man think himself to be a prophet, or spiritual, let him acknowledge that the things that I write unto you are the commandments of the Lord.***

1Co 14:38 ***But if any man be ignorant, let him be ignorant.***

1Co 14:39 *Wherefore, brethren, covet to prophesy, and forbid not to speak with tongues.*

1Co 14:40 ***Let all things be done decently and in order.***

Anh viết:

Kết luận:

- *Ân tứ nói ngoại ngữ được vận hành khi Chúa Thánh Linh cần ấn chứng hoặc giảng giải cách rõ ràng bằng một ngôn ngữ ngoại quốc được chuyển sang ngôn ngữ của những người nghe có thể hiểu được một cách siêu nhiên.*

Tôi trả lời:

Câu này sai. Thánh Kinh đã khẳng định rõ: "*Kể nói ngoại ngữ, tự gây dựng lấy mình*" (I Cô-rinh-tô 14:2). Không một chỗ nào trong Thánh Kinh dạy rằng Đức Thánh Linh dùng ân tứ nói ngoại ngữ để giảng Đạo. Ngay cả thời ban đầu, lúc Hội Thánh mới thành lập thì cũng chỉ có phép lạ được dùng ấn chứng lời giảng của các môn đồ chứ không phải là ơn nói ngoại ngữ: "*Về phần các môn đồ, thì đi ra giảng đạo khắp mọi nơi, Chúa cùng làm với môn đồ, và lấy các phép lạ cặp theo lời giảng mà làm cho vững đạo*" (Mác 16:20). Ngày nay, sau gần hai ngàn năm được ấn chứng bởi máu của các thánh đồ tử Đạo, Đạo của Chúa đã vững, không cần phải dùng các phép lạ để ấn chứng.

Ngày nay, trong các trường hợp đặc biệt, Đức Thánh Linh có thể ban ân tứ thông giải ngoại ngữ nhưng ân tứ nói ngoại ngữ dường như không còn cần thiết vì Thánh Kinh Tân Ước đã được hoàn thành để gây dựng đức tin của người mới tin nhận Chúa. Chắc chắn ơn nói ngoại ngữ không thể nào gây dựng đức tin của một người cho bằng Lời Hằng Sống của Đức Chúa Trời. Người ta sống nhờ Lời Chúa không phải nhờ ơn nói ngoại ngữ. Chỉ khi nào trong danh Chúa, một người thật sự nói một ngôn ngữ mà trước đó người ấy chưa biết, để tôn vinh Chúa thì đó mới là ân tứ nói ngoại ngữ để tôn vinh Chúa như đã ghi rõ trong Thánh Kinh:

Công Vụ Các Sứ Đồ 2:11: "*Cả người Giu-đa hoặc người mới theo đạo Giu-đa, người Cơ-rét và A-rập nữa, chúng ta đều nghe họ lấy tiếng chúng ta mà nói những sự cao trọng của Đức Chúa Trời.*"

Công Vụ Các Sứ Đồ 10:46: "*Vì các tín đồ nghe họ nói ngoại ngữ và tôn vinh Đức Chúa Trời.*"

Anh viết:

- *Ân tứ nói tiếng lạ (âm thanh không hiểu được) chỉ được ban cho những người có nếp sống đạo thánh khiết, khao khát tương giao với Chúa, dành nhiều thời gian cầu nguyện cho Chúa mỗi ngày, khao khát tương giao với Chúa, gây dựng chính mình.*

Tôi trả lời:

Chỗ nào trong Thánh Kinh dạy điều này? Tại sao Đức Chúa Jesus Christ không hề nói tiếng lạ? Ai có thể có nếp sống thánh khiết hơn Đức Chúa Jesus Christ? Ai khao khát tương giao với Đức Chúa Cha hơn Đức Chúa Jesus Christ? Thánh Kinh chỉ dạy về ân tứ nói các ngôn ngữ của loài người. Thánh Kinh không hề nói đến "tiếng lạ" hay là "âm thanh lạ."

Anh viết:

- *Thực trạng Satan lợi dụng "tiếng lạ" để xâm nhập vào Hội Thánh gây rối là có thật nhưng đó không phải là kết luận để nhận định một tràng âm thanh không hiểu được lúc nào cũng do tà linh gây ra.*

Tôi trả lời:

Giáo lý nào không đến từ Thánh Kinh thì đến từ Sa-tan. Các giáo lý về “đặt tay té ngã,” “say Thánh Linh,” “tiếng cười thánh,” và “nói tiếng lạ” không đến từ Thánh Kinh.

Anh viết:

- *Thực tế, con cái chân thật của Chúa, khao khát tương giao với Chúa, cầu xin Thánh Linh ban cho “cơ quan phát âm” của họ phát lên những âm thanh ngợi khen thờ phượng thì họ vẫn nhận lãnh. Vì “các người là xấu xa còn biết cho con bánh, huống chi Cha lại không ban Thánh Linh cho những người cầu xin sao...”*

Tôi trả lời:

Đây là lời Chúa dạy các môn đồ cầu xin **trước khi** Đức Thánh Linh giáng lâm và ngự trong thân thể của người tin Chúa. Từ khi Đức Thánh Linh giáng lâm, Hội Thánh được thành lập, thân thể người tin Chúa là đền thờ của Đức Thánh Linh thì hễ ai thật lòng tin nhận Chúa đều nhận được Đức Thánh Linh và Thánh Linh mà không cần phải cầu xin gì cả. Có ai cần phải cầu xin cho được tái sinh hay không?

Vả lại, Thánh Linh, và ân tứ nói ngoại ngữ được Thánh Kinh nói đến một cách rõ ràng, còn các hiện tượng “nói tiếng lạ,” “đặt tay té ngã,” “say Thánh Linh,” và “tiếng cười thánh” cùng các hành động lẫn lóc, giãy dụa, gào la, thét, hú, cười sằng sặc, lắc lư hay vật vã thân hình, không tự kiểm chế được trong giờ thờ phượng Chúa thì hoàn toàn không có trong Thánh Kinh.

Anh viết:

- *Vì những người khao khát, họ có tâm tình cầu nguyện nóng cháy với Chúa nên Chúa sẽ không cho phép tà linh nào nhảy vào áp chế khi con cái Chúa khao khát tương giao với Ngài. Điều này có thể nhận thấy những người “tự gây dựng chính mình” bằng cách cầu nguyện tiếng lạ thì đều nhận được sự bình an chứ không phải bất an. (Điều này thì em có trải nghiệm trước đây).*

Tôi trả lời:

Tà linh nhảy vào áp chế một người khi người ấy làm sai Lời Chúa. Chính vì những con dân Chúa thiếu hiểu biết Lời Chúa, đã có Đức Thánh Linh và Thánh Linh của Chúa rồi mà còn đi cầu xin nói tiếng lạ, cho nên, tà linh mới xâm nhập và điều khiển họ. Nếu không thức tỉnh và ăn năn, họ sẽ bị diệt: *“Dân Ta bị diệt vì cơ thiếu sự thông biết. Bởi người bỏ sự thông biết thì Ta cũng bỏ người, đặng người không làm thầy tế lễ cho Ta nữa; bởi người đã quên luật pháp của Thiên Chúa mình, thì Ta cũng sẽ quên con cái người”* (Ô-sê 4:6).

Đó là sự bình an giả tạo trong giai đoạn đầu do Sa-tan mang đến, như sự bình an của những người ngồi thiền hay những người dùng ma túy, thuốc an thần. Sự bình an đó biến mất khi anh đối diện với lẽ thật của Lời Chúa.

Anh viết:

- *Việc tà linh dùng tiếng lạ để gây rối hoàn toàn có thật, nhưng những âm thanh vô nghĩa lúc tương giao trong mối quan hệ ngọt ngào với Đức Chúa Cha cũng có thật, việc tương giao này được điều khiển bởi phần linh chứ không bị hạn chế bởi phần hồn (tâm trí có ý thức).*

Tôi trả lời:

Thánh Kinh không dạy về sự phát ra những âm thanh vô nghĩa. Thánh Kinh luôn luôn dùng chữ "tongue" có nghĩa là "ngôn ngữ." Mỗi chúng ta là một linh hồn hiện diện trong linh thể và xác thể. Chúng ta có thể chọn sống theo linh thể hoặc sống theo xác thể. Kẻ không có Chúa thì bị ham muốn của xác thể điều khiển và bị tà linh điều khiển linh thể. Người thuộc về Chúa thì cai trị cả linh thể và xác thể của mình. Đức Chúa Trời không bao giờ tước quyền tự do của chúng ta, vì thế không có chuyện linh thể cai trị người thuộc về Chúa mà chỉ có chuyện, người thuộc về Chúa chọn sống theo sự nhận thức của linh thể về ý muốn tốt đẹp của Đức Chúa Trời thay vì sống theo những ham muốn của xác thịt nghịch lại ý muốn của Đức Chúa Trời. Tất cả những hiện tượng bị kiểm chế bởi linh thể đều là kết quả của một người đã bị tà linh khống chế trong linh thể và xác thể.

Anh viết:**Nhận định của em:**

- *Cảm giác bình an khi cầu nguyện một mình với Chúa bằng tiếng lạ là trải nghiệm có thật của em.*

Tôi trả lời:

Như đã nói trên đây, đó chỉ là sự bình an giả tạo trong giai đoạn đầu do Sa-tan mang đến, như sự bình an của những người ngồi thiền hay những người dùng ma túy, thuốc an thần. Một người thật lòng tin Chúa nhưng nếu hút cần sa (làm sai) thì vẫn bị sự tác động của cần sa (cảm giác bình an, thoải mái giả tạm).

Anh viết:

- *Em không tin rằng tại đa số Hội Thánh đang nói tiếng lạ là loại tiếng lạ được ban để tương giao, là “tiếng thờ than không nói nên lời,” mà chủ yếu họ dùng nhân linh của họ để “ra về” spiritual hoặc rất nhiều trường hợp bị linh lừa dối.*
- *Vì theo em nghĩ, một người phải thực sự nên thánh, không phạm tội, ao ước tương giao với Chúa nhưng ngôn ngữ không đủ diễn đạt thì trạng thái tiếng lạ tương giao đó vẫn có thể được ban cho. Ngay cả đối với người bình thường của mình, khi giao tiếp với nhau cũng đôi khi “nói” hay “kêu” những âm thanh vô nghĩa.*

Tôi trả lời:

Chúng ta đã được Đức Chúa Jesus Christ ban cho tiếng mới thì không thể nào chúng ta không có đủ ngôn ngữ để tôn vinh Chúa. Sự phát ra những âm thanh vô nghĩa chỉ chứng minh chúng ta không biết kiểm chế chính mình. Làm sao những âm thanh “uu aa ơ lala huhu hòhơ” lại có thể mâu nhiệm và sâu nhiệm hơn: Ha-lê-lu-gia! Hô-sa-na!

Thánh Kinh không bao giờ dạy rằng con dân Chúa có thể phát ra những âm thanh vô nghĩa để thờ phượng Chúa. Trên lý luận, Đức Chúa Trời không thể chấp nhận cho người ta phát ra những âm thanh vô nghĩa để thờ phượng Ngài. Ngay khi một người được ơn nói ngoại ngữ, thì dù cho người đó không hiểu điều mình nói nhưng lời người đó nói ra vẫn có ý nghĩa mà người khác hiểu rằng họ đang nói những lời tôn vinh Đức Chúa Trời. Nếu Thánh Kinh không hề dạy con dân Chúa có thể phát ra những âm thanh vô nghĩa để thờ phượng Chúa thì chúng ta phải tránh xa điều đó: *“Bất cứ việc gì tựa như điều ác, thì phải tránh đi”* (I Tê-sa-lô-ni-ca 5:22).

Anh viết:

- *Em hiểu liên quan đến vấn đề thờ phượng, đôi khi chúng ta “uu aa ơ lala huhu hòhơ” đều không có nghĩa nhưng tâm thần chúng ta đang hướng về Chúa thì tà linh cũng không được phép bén mảng tới gần, và nó cũng có thể hiểu là âm thanh của sự thờ phượng, tương giao hay thờ than, hoặc khi không thể diễn đạt đầy đủ.*

Tôi trả lời:

Làm sao anh biết chắc là anh không nói thần chú của tà linh? Cá nhân tôi đang cầu nguyện đuổi quỷ thì bị quỷ thúc giục phát ra âm thanh lạ vô nghĩa, nên tôi biết là trong lúc chúng ta đang hết lòng hướng về Chúa, Ma Quỷ vẫn cám dỗ và xúi giục chúng ta làm theo ý nó. Ma Quỷ có thể cám dỗ Đức Chúa Jesus Christ thì làm sao chúng ta có thể nói rằng nếu mình hết lòng hướng về Chúa thì tà linh không dám đến gần? Chính vì chúng ta hết lòng đến gần Chúa mà Đức Chúa Trời cho phép tà linh đến gần cám dỗ chúng ta để xem chúng ta có biết dựa vào lẽ thật của Lời Chúa hay là chúng ta dựa vào cảm giác của mình là điều nghịch lại với Thánh Kinh. Thử nghiệm đó chứng minh rằng chúng ta thật hết lòng tin theo Lời Chúa hay chúng ta tin theo cảm giác của xác thịt và lời giả ngụy của các giáo sư giả, tiên tri giả, hoàn toàn không có trong Thánh Kinh.

Anh viết:

- *Những âm thanh “uu aa ơ lala huhu hòhơ” ở một cường độ, độ dài nhất định thì sẽ đến lúc*

nhận được sự thông giải sang ngôn ngữ loài người một cách rõ nghĩa hơn.

Tôi trả lời:

Các nhà ngôn ngữ học đã bỏ ra nhiều thời gian và công sức để nghiên cứu hiện tượng nói tiếng lạ nhiều chục năm trong mọi dân tộc và đã kết luận rằng, tiếng lạ của những người trong các phong trào Ân Tứ và Ngũ Tuần nói không bao giờ là một cấu trúc của ngôn ngữ. Đặc biệt là trong khi họ nói tiếng lạ thì chức năng về ngôn ngữ của bộ óc bị giảm đi mà chức năng về cảm xúc thì gia tăng [1].

Anh viết:

- Đức Chúa Cha tìm kiếm những người thờ phượng bằng “tâm thần” thật sự để tương giao với Ngài.

Tôi trả lời:

Câu này rất là nguy hiểm vì chỉ là một nửa của lẽ thật, mà một nửa của lẽ thật thì không còn là lẽ thật. Lẽ thật là: **"Đức Chúa Trời tìm kiếm những ai thờ phượng Ngài bằng tâm thần và lẽ thật!"**

Anh viết:

Anh giúp em xem nội dung em vừa trình bày như thế nào nhé, vì đây là sự hiểu biết vẫn theo em trong mấy ngày qua, vì thực tế kể cả thời gian gần đây, đôi lúc em rất đau đớn khi cầu nguyện cho vấn đề hôn nhân của em, em dâng những tổn thương mà mối quan hệ này gây ra, đôi lúc nó quá đau đớn khi nói đến những chi tiết đó, thì lúc đó em lại diễn đạt bằng “tiếng lạ” để dâng lên cho Chúa, trạng thái thực sự tan vỡ. Sau đó, thì em lại rất bình an. Tuy nhiên, không chỉ lúc đau khổ mới dùng tiếng lạ cầu nguyện, ngay cả khi mừng vui cũng có thể phát lên những âm thanh vô nghĩa.

Nhưng cũng có khi sự cầu nguyện chưa sâu, mà em lại cố dùng “nhân linh” để phát ra tiếng lạ thì chắc chắn nó không đến từ Thánh Linh mà nó chỉ là sự gượng ép của cá nhân em mà thôi. Em tin rằng, Hội Thánh ngày nay có rất nhiều trường hợp như vậy.

Tôi trả lời:

Anh cần ăn năn xưng tội với Chúa và một lần nữa nhân danh Chúa xua đuổi tà linh nói tiếng lạ ra khỏi thân thể anh. Tôi gọi ý anh:

- Trình dâng nan đề hôn nhân của anh lên Chúa và im lặng chờ đợi. Anh không cần phải đau khổ quặn thắt gì hết nếu anh thật lòng tin rằng Đức Chúa Trời luôn ban điều tốt nhất cho anh và Ngài yêu vợ anh hơn chính anh.
- Dứt khoát chấm dứt việc thảo luận với những người bảo vệ việc nói tiếng lạ. Anh chỉ cần đưa tài liệu cho họ đọc và nghe là hết trách nhiệm. Anh không cần phải nghe họ vì tốn thời gian và công sức một cách vô ích.
- Đem tất cả các sách vở, tài liệu, phim ảnh... của Ân Tứ và Ngũ Tuần ném vào thùng rác. Anh phải bắt đầu một đời sống mới trong Chúa chỉ hoàn toàn dựa trên lẽ thật của Lời Chúa và rao giảng lẽ thật của Lời Chúa.

Trong ân điển của Đức Chúa Jesus Christ.

Huỳnh Christian Timothy
10/12/2012

[1] <http://en.wikipedia.org/wiki/Glossolalia#Linguistics>
http://en.wikipedia.org/wiki/Glossolalia#Scientific_explanations

Hỏi & Đáp: Nói Tiếng Lạ

Hỏi:

Anh Tim Huỳnh kính,

... Bài chia sẻ "**Tiếng Lạ**" của anh, tôi không thoả lòng chút nào cả. Riêng hai bài làm chứng của hai tín hữu, thì tôi có nhận xét như sau: Những người này họ nói tiếng lạ, chỉ là "nhân linh" nói (khác với tiếng lạ của Thánh Linh, theo như những gì tôi nghe họ làm chứng); tiếng lạ của tà linh thì con người không kiểm soát tâm trí mình được, cũng không tỉnh táo nữa.

Gậy của Arôn hoá rắn, gậy của các thuật sĩ Pharaôn cũng hoá rắn, nhưng Rắn của Arôn nuốt chửng rắn của các thuật sĩ...

Ngôn ngữ tiếng lạ; trong đó có ngôn ngữ loài người, ngôn ngữ 'thiên sứ' (I Cor 13); ngôn ngữ tâm linh (I Cor 14:14). Tôi không dám biện luận với anh trong vấn đề này, nhưng những gì tôi nhận được từ Thánh Linh qua ngôn ngữ tiếng lạ, thì tôi kinh nghiệm được điều này, biệt biệt được điều này, phân biệt được điều này. Câu Kinh Thánh anh chứng minh trong II Cor 11:13, nếu đọc thượng văn và hạ văn, thì hoàn toàn không có "ăn nhập" gì với vấn đề "tiếng lạ" cả. Chưa hoàn toàn khách quan lắm.

Ít hàng bày tỏ với anh.

Đáp:

Thưa anh,

Trước hết, xin xác định: tôi là người tin nhận ân tứ nói ngoại ngữ như đã được ghi chép trong Thánh Kinh. Tôi từng kinh nghiệm ơn thông giải ngoại ngữ. Vợ chồng tôi cũng từng bị thúc giục "nói tiếng lạ" trong khi cầu nguyện nhưng vì chúng tôi đã biết trước "tiếng lạ" không đến từ Chúa nên đã lập tức nhân danh Chúa xua đuổi tà linh đang thúc giục mình.

Kể đến, xin trình bày thêm với anh những điều sau đây: Thánh Kinh không hề đề cập đến "tiếng lạ" hay là "ngôn ngữ lạ." Thánh Kinh chỉ đề cập đến "tiếng ngoại quốc" hay là "ngoại ngữ," "tiếng thiên sứ," "sự (tiếng) thiêng liêng," và "tiếng mới."

1. Tiếng mới là tiếng mẹ đẻ đã đổi mới của mỗi người đã được tái sinh. Con người mới nói tiếng mới. Người đã được tái sinh thì ngôn ngữ cũng đổi mới, là ngôn ngữ bày tỏ những đặc tính như liệt kê trong Ga-la-ti 5:32 và Phi-líp 4:8.

2. Tiếng thiên sứ là tiếng của thiên sứ. Thánh Kinh không hề nói loài người được ban cho nói tiếng của thiên sứ. I Cô-rinh-tô 13:1 chỉ là một sự giả định: dầu cho, nếu như, kể cả khi... nghĩa là sự kiện một

người biết nói hết thảy các ngôn ngữ của loài người và thiên sứ là điều không có thực hay không thể được; nhưng dầu cho điều đó có xảy ra thì cũng vô ích, nếu người đó không có tình yêu thương. Tương tự như vậy, câu nói: "Dầu cho tôi có hái được sao trên trời hay múc được trăng trong nước thì cũng không sao hiểu được tình yêu của Thiên Chúa dành cho tôi," không có nghĩa là sự kiện hái sao trên trời hoặc múc trăng trong nước là điều khả dĩ.

3. "Tiếng" thiêng liêng là sự Đức Thánh Linh giải bày Lời Chúa cho con dân Chúa, mà các nhà thần học gọi là "rhema." Tôi kinh nghiệm nghe được "tiếng" này trong tâm thần mỗi khi Đức Thánh Linh giảng dạy Lời Chúa cho tôi về các lẽ thật trong Thánh Kinh. Tương tự như tôi đang ngồi trong giảng đường, nghe giáo sư giảng bài, mặc dầu lúc đó có thể tôi đang lái xe hay đang làm một công việc gì đó. Tôi không thể xác nhận đó là tiếng Việt hay tiếng Anh, là hai ngôn ngữ mà tôi có thể nghe hiểu, tôi chỉ biết rằng, tôi nghe âm thanh giảng dạy rõ ràng, trong sáng, mạch lạc, dồn dập không ngừng... và tôi hiểu thật rõ những điều Đức Thánh Linh bày tỏ. Nhưng khi tôi muốn ghi lại trong các bài giảng, thì tôi lại không có đủ ngôn ngữ để diễn tả điều tôi đã hiểu!

4. **Mục đích** đầu tiên của ơn nói ngoại ngữ như ghi lại trong Công Vụ Các Sứ Đồ là để xác chứng quyền năng đang tuôn đổ trên các môn đồ của Chúa là Thánh Linh; vì họ nói được các thứ ngoại ngữ thông dụng thời bấy giờ mà những người ngoại quốc hiểu được. Mục đích về sau là để gây dựng riêng cho người được ơn. **Nội dung** của lời được nói trong ngoại ngữ là tôn vinh Đức Chúa Trời. Ơn nói ngoại ngữ đó được sự **ấn chứng** của những người chung quanh rằng đó là một ngôn ngữ của loài người mà người khác hiểu được. Ơn nói ngoại ngữ luôn gồm đủ ba phương diện: mục đích, nội dung, ấn chứng. Mục đích được thể hiện qua nội dung và nội dung ấn chứng sự nói ngoại ngữ đó chính thật là ân tứ đến từ Đức Thánh Linh. Nói cách khác, ân tứ nói ngoại ngữ luôn được ấn chứng bởi nội dung của các câu nói còn sự "nói tiếng lạ" thì không thể ấn chứng. Chúng chỉ giống như cách dân ngoại giáo đọc thần chú, một sự lặp ba lặp bập những âm thanh vô nghĩa mà các nhà ngôn ngữ học đã xác quyết không phải là một thứ ngôn ngữ.

5. Một người được ơn nói ngoại ngữ thì cũng chỉ được nói trong buổi nhóm họp của Hội Thánh khi có người thông giải.

6. II Cô-rinh-tô 11:13 là câu tổng quát chỉ chung những kẻ thuộc về ma quỷ mạo danh tôi tớ Chúa để trục lợi con dân Chúa. Câu 12 trước đó nói đến "những sự họ lấy mà khoe mình" bao gồm luôn sự họ "khoe" họ biết "nói tiếng lạ, chữa bệnh, đuổi quỷ." Thánh Kinh cho biết, trong những ngày sau rất những kẻ giả mạo đó sẽ làm ra nhiều dấu kỳ, phép lạ đến nỗi có thể gạt được cả con dân Chúa (Ma-thi-ơ 24:24; Khải Huyền 13:13; đối chiếu Ma-thi-ơ 7:22, 23).

7. Tôi chân thành hoan nghênh những anh chị em nào thật sự được ơn nói ngoại ngữ nhưng tôi cương quyết bác bỏ sự "nói tiếng lạ" là điều mà Chúa đã bày tỏ cho tôi biết nó đến từ Sa-tan và Ngài đã ấn chứng cho vợ chồng tôi trong lần vợ chồng tôi bị thúc giục "nói tiếng lạ" trong khi cầu nguyện trừ quỷ.

Trong văn phạm Hy-lạp, từ ngữ "nói các thứ tiếng" được kết hợp bởi động từ "nói" (*λαλέω*G2980) và danh từ "tiếng" với hình thức số nhiều (*γλωσσαις*G1100), và luôn có nghĩa rộng là "nói các thứ ngôn ngữ của loài người," nghĩa hẹp là "nói tiếng ngoại quốc." Khi cần diễn tả một cách chi tiết thì sẽ kèm theo tính từ, như tính từ "mới" (*καινός* G2537) hoặc tính từ "khác" (*ἕτερος* G2087)

Dưới đây là bảng đối chiếu Việt – Hy-lạp các danh từ liên quan đến "tiếng." Các câu Thánh Kinh được trích từ Bản Hiệụ Đính 2011 Phan Khôi:

<http://pk2011.thanhkinhvietngu.net/bible>

1) **Nói** (*λαλέω*G2980) **các thứ tiếng** (*γλωσσαις*G1100) **mới** (*καινός* G2537)

- Mác 16:17 *"Vậy những kẻ tin sẽ được các dấu lạ này: lấy danh Ta mà trừ quỷ; dùng những tiếng mới mà nói."*

2) **Nói** (λαλέωG2980) **các thứ tiếng** (γλωσσαςG1100) **khác** (ἕτερος G2087)

- Công Vụ Các Sứ Đò 2:4 "Hết thấy đều được đầy đầy Thánh Linh, khởi sự nói các ngoại ngữ khác, theo như Đức Thánh Linh cho mình nói."

3) **Nói** (λαλέωG2980) **các thứ tiếng/các ngôn ngữ/các ngoại ngữ/các tiếng ngoại quốc**

(γλωσσαςG1100)

- Công Vụ Các Sứ Đò 10:46 "Vì các tín đồ nghe họ nói các ngoại ngữ và tôn vinh Đức Chúa Trời."
- Công Vụ Các Sứ Đò 19:6 "Sau khi Phao-lô đã đặt tay lên, thì có Đức Thánh Linh giáng trên chúng, cho nói các ngoại ngữ và lời tiên tri."
- I Cô-rinh-tô 12:30 "Cả thầy đều được ơn chữa bệnh sao? Cả thầy đều nói các ngoại ngữ sao? Cả thầy đều thông giải sao?"
- I Cô-rinh-tô 13:8 "Tình yêu thương chẳng hề hư mất bao giờ. Các lời tiên tri sẽ hết, sự ban cho nói các ngoại ngữ sẽ thôi, sự thông biết hầu bị bỏ."
- I Cô-rinh-tô 14:2 "Vì người nào nói ngoại ngữ, thì không phải nói với người ta, bèn là với Đức Chúa Trời, bởi chẳng có ai hiểu (ấy là trong tâm thần mà người kia nói lời mầu nhiệm)."
- I Cô-rinh-tô 14:4 "Kẻ nói ngoại ngữ, tự gây dựng lấy mình; song kẻ nói tiên tri, gây dựng cho Hội thánh."
- I Cô-rinh-tô 14:5 "Tôi ước ao anh em đều nói các ngoại ngữ cả, song tôi còn ước ao hơn nữa là anh em nói tiên tri. Người nói tiên tri là trọng hơn kẻ nói các ngoại ngữ mà không giải nghĩa để cho Hội thánh được gây dựng."
- I Cô-rinh-tô 14:13 "Bởi đó, kẻ nói ngoại ngữ, hãy cầu nguyện để được thông giải tiếng ấy."
- I Cô-rinh-tô 14:18 "Tôi tạ ơn Đức Chúa Trời, vì đã được ơn nói các ngoại ngữ nhiều hơn hết thầy anh em."
- I Cô-rinh-tô 14:21 "Trong luật pháp có chép rằng: Chúa phán: Ta sẽ bởi các ngoại ngữ và môi miệng những người ngoại quốc mà phán cho dân nầy; dầu vậy họ cũng chẳng nghe Ta."
- I Cô-rinh-tô 14:23 "Vậy thì cả Hội Thánh nhóm lại một nơi, nếu ai nấy đều nói các ngoại ngữ, mà có kẻ tầm thường hoặc người chẳng tin vào nghe, họ há chẳng nói anh em là điên cuồng sao?"
- I Cô-rinh-tô 14:26 "Hỡi anh em, nên nói thế nào? Khi anh em nhóm lại với nhau, trong anh em, ai có bài ca, hoặc bài giảng dạy, hoặc lời tỏ sự kín nhiệm, hoặc nói các ngoại ngữ, hoặc thông giải chẳng? Hãy làm hết thầy cho được gây dựng."
- I Cô-rinh-tô 14:27 "Ví bằng có người nói ngoại ngữ, chỉ nên hai hoặc ba người là cùng; mỗi người phải nói theo lượt mình, và phải có một người thông giải."
- I Cô-rinh-tô 14:39 "Ấy vậy, hỡi anh em, hãy trông mong ơn nói tiên tri, và đừng ngăn trở chi về điều nói các ngoại ngữ."

4) **Nói** (λαλέωG2980) **tiếng** (γλῶσσαG1100) **thiên liêng** (πνευματικόςG4152), được hiểu ngầm trong câu Thánh Kinh dưới đây và được dịch diễn nghĩa trong Bản Dịch Phan Khôi. Nguyên ngữ Hy-lạp không có nhóm chữ "nói tiếng thiên liêng" hoặc "tiếng thiên liêng."

- I Cô-rinh-tô 2:13 "Chúng ta nói về ơn đó, không cậy lời nói mà sự khôn ngoan của loài người đã dạy đâu, song cậy sự khôn ngoan mà Thánh Linh đã dạy, dùng sự thiên liêng để giải bày sự thiên liêng."

5) **Nói** (λαλέωG2980) **tiếng** (γλῶσσαG1100) **thiên sứ** (ἄγγελοςG32). Thánh Kinh không hề dạy rằng loài người được ban cho nói tiếng của thiên sứ nhưng dạy rằng:

- I Cô-rinh-tô 13:1 "Dầu tôi nói được các thứ tiếng loài người và thiên sứ, nếu không có tình yêu

thương, thì tôi chỉ như đồng kêu lên hay là chập chỏa vang tiếng.”

6) **Nói** (λαλέω G2980) **tiếng** (γλωσσα G1100) **lạ** (ξένος G3581). Không hề được dùng trong Thánh Kinh. Hiện tượng "nói tiếng lạ" chỉ có trong các ngoại giáo thờ lạy tà thần. Từ ngữ "lạ" (ξένος G3581) chỉ được Thánh Kinh dùng để gọi:

- khách lạ/người lạ (Ma-thi-ơ 25:35, 38, 43, 44; 27:7; Công Vụ Các Sứ Đồ 17:21; Ê-phê-sô 2:12, 19; Hê-bơ-rơ 11:13; III Giăng 1:5)
- thần lạ (Công Vụ Các Sứ Đồ 17:8)
- giáo lý lạ (Hê-bơ-rơ 13:9)
- điều lạ/vật lạ/việc lạ/chuyện lạ (I Phi-e-rơ 4:12)

Thân mến trong Đấng Christ.

Huỳnh Christian Timothy
22/09/2011. Hiệu Đính Lần Thứ Nhất 17/12/2012

Hỏi & Đáp: Tiếng Mới và Tiếng Lạ

Hỏi:

Mặc dù con đi Nhà thờ từ còn rất nhỏ nhưng con không thật sự hiểu rõ Kinh Thánh và chưa thật sự tìm hiểu kỹ. Và gần đây, con được biết nhiều sự thật mà trước đây con không biết và hiện tại, con và chị của con cùng nhau học hỏi về Lời Chúa thông qua Kinh thánh để biết về Lễ thật một cách trọn vẹn hơn.

Chị con có gửi cho con một vài trang web của chú như linh bên dưới và con chưa hiểu rõ lắm: <http://timhieutinlanh.net/node/474>

Trang web trên có một bạn hỏi về tiếng mới: Con chưa hiểu về câu nguyện tiếng mới và nói tiếng mới. Ngày xưa, các môn đồ nhận được, hôm nay chúng ta có nhận được không ạ?

Con không hiểu rõ lắm về sự khác biệt giữa việc nói tiếng mới hoặc nói tiếng lạ. Nhưng con cũng có thắc mắc giống như bạn MT đã hỏi câu hỏi trên rằng: Các môn đồ của Chúa ngày xưa đều nhận được thông qua các câu trong Kinh Thánh đã ghi rõ lại như sau:

Công vụ các sứ đồ 1:4-5: "Trong khi họp mặt, Ngài căn dặn họ: Các con đừng ra khỏi thành Giê-ru-sa-lem, nhưng phải chờ đợi điều Cha đã hứa, là điều các con đã nghe Ta nói. Vì Giăng đã làm báp-tem bằng nước nhưng ít ngày nữa, các con sẽ nhận báp-tem bằng Đức Thánh Linh".

Đây là chỉ dẫn của Chúa với các môn đồ của Ngài rằng phải ở lại thành Giê-ru-sa-lem. Và họ đã ở lại thành.

Công vụ các sứ đồ 2: Chúa Thánh Linh Giáng Lâm.

Công vụ 2:4: "Tất cả đều đầy dẫy Thánh Linh, bắt đầu nói các ngôn ngữ khác nhau theo như Thánh Linh cho họ nói"

Công vụ 2:15:16: "Những anh em này không say rượu như quý vị tưởng đâu, vì bây giờ mới chín giờ sáng. Nhưng đây chính là điều Chúa đã phán qua nhà tiên tri Giô-ên..."

Họ đã nhận lãnh Thánh Linh thông qua việc nói tiếng lạ theo như Thánh Linh cho họ nói, có một vài người tưởng họ say rượu, nhưng thật sự họ vẫn rất tỉnh táo. Sau khi các môn đồ của Ngài ở lại thành Giê-ru-sa-lem, họ đã nhận lãnh Thánh Linh thông qua việc nói tiếng lạ.

Công vụ các sứ đồ 10: Cột-nây

Công vụ 10:44-47: "...Phê-rơ đang nói, Thánh Linh đã giáng xuống trên tất cả những người nghe sứ điệp ấy. Các tín hữu Do Thái tháp tùng Phê-rơ đều kinh ngạc vì ân tứ Thánh Linh cũng đổ xuống trên người ngoại quốc nữa, vì họ cũng nghe những người ấy nói các tiếng lạ và ca tụng Đức Chúa Trời. Lúc ấy, Phê-rơ tuyên bố: "Những người này đã tiếp nhận Thánh Linh cũng như chúng ta. Thế thì còn ai dám ngăn họ chịu phép báp-tem bằng nước nữa.""

Không những các môn đồ của Ngài mà còn nhiều người khác cũng nhận lãnh Thánh Linh thông qua việc nói tiếng lạ.

Và theo câu trả lời của chú thì việc nói tiếng lạ là:

Ngày nay phong trào nói tiếng lạ tràn lan khắp nơi trên thế giới chỉ là sự giả mạo của Satan mà thôi. Sự nói tiếng lạ ngày hôm nay thật sự là "nói tiếng lạ" vì không ai hiểu biết các thứ tiếng đó trong khi những thứ tiếng mà Đức Thánh Linh ban cho các sứ đồ và môn đồ ngày xưa là những ngôn ngữ của các dân tộc trên thế giới, có người hiểu được. Nhìn vào nếp sống đạo của những người nói tiếng lạ đó chúng ta cũng nhận biết được họ trĩu đầy bông trái của xác thịt: tham lam, kiêu ngạo, dễ nóng giận, dối trá, tà dâm... mà không hề có một chút nào bông trái của Thánh Linh.

Con có một vài câu hỏi liên quan đến các vấn đề đã đề cập bên trên như sau:

1. Tại sao việc nói tiếng lạ như các môn đồ của Chúa ngày xưa không còn nữa?

2. Theo các câu Kinh Thánh trên, các môn đồ của Chúa và nhiều người khác nữa đều nhận lãnh Thánh Linh thông qua việc nói tiếng lạ. Vậy bây giờ làm sao con biết được rằng con đã nhận lãnh Thánh Linh hay chưa?

Mong nhận được sự trả lời của chú Tim.

Nguyên ân điển của Chúa ở cùng chú.

Con cảm ơn chú.

Đáp:

Cảm tạ Chúa. Chú rất vui được quen biết con và có cơ hội giúp con tìm hiểu Lời Chúa. Chú lần lượt giải đáp các thắc mắc của con như sau:

1. Tiếng mới và ơn nói ngoại ngữ hoàn toàn khác nhau. Tiếng mới là ngôn ngữ yêu thương, tôn kính Chúa của người đã được tái sinh. Sau khi chúng ta được tái sinh thì mọi sự (đức tin, sự nhận thức, cách suy nghĩ, nếp sống) đều trở nên mới, vì thế ngay cả tiếng nói của chúng ta cũng trở nên mới. *"Bởi vì do sự đầy dẫy trong lòng mà miệng mới nói ra"* (Ma-thi-ơ 12:34; Lu-ca 6:45), cho nên, khi tấm lòng đã đổi mới thì ngôn ngữ cũng đổi mới:

II Cô-rinh-tô 5:17 *"Vậy, nếu ai ở trong Đấng Christ, thì nấy là người dựng nên mới; những sự cũ đã qua đi, nầy mọi sự đều trở nên mới."*

Mác 16:17 *"Vậy những kẻ tin sẽ được các dấu lạ nầy: lấy danh Ta mà trừ quỷ; dùng những tiếng mới mà nói."*

Sự đổi mới trong cách nói của chúng ta chứng minh chúng ta đã được đổi mới trong Đấng Christ. Trong nguyên ngữ Hy-lạp của Mác 16:17 là *"dùng những tiếng mới mà nói"* có nghĩa là (1) một người dù thuộc về dân tộc nào, nói loại ngôn ngữ nào, một khi đã được tái sinh thì sẽ đổi mới cách nói, tiếng nói; (2) dù cho một người có biết nhiều ngôn ngữ, một khi đã được tái sinh thì sẽ đổi mới cách nói trong mọi ngôn ngữ mà mình nói ra.

Nếu cho rằng "tiếng mới" là thứ tiếng lạ lấp bắp vô nghĩa của những người Ân Tứ và Ngũ Tuần thì Phong Trào "nói tiếng lạ" chỉ mới xuất hiện khoảng 100 năm nay, như vậy, không lẽ suốt 1800 năm trước đó, hàng triệu người tử Đạo mà không hề biết nói "tiếng lạ" là những người chưa tái sinh, chưa được đầy dẫy Thánh Linh hay sao? Con hãy đọc thêm các bài sau đây:

- I Cô-rinh-tô 12: <http://www.timhieutinlanh.net/?p=380>
- Tín Đồ Đấng Christ Không Nói "Tiếng Lạ:" <http://www.timhieutinlanh.net/?p=404>

2. Sự kiện các môn đồ của Chúa nói ngoại ngữ sau khi được đầy dẫy Thánh Linh là để công bố: Từ nay, Tin Lành sẽ được rao giảng cho muôn dân, chứ không còn giới hạn trong vòng người Do-thái, và để ấn chứng cho sự Đức Thánh Linh đã giáng lâm, ở cùng Hội Thánh y như lời hứa của Đức Chúa Jesus Christ. Sự kiện đó không bao giờ được lập lại. Thiên Chúa chỉ dựng nên loài người là A-đam và ban sự sống cho loài người chỉ có một lần mà thôi, từ đó, qua A-đam mà muôn người được sinh ra và đương nhiên có sự sống. Cũng vậy, Đức Chúa Jesus Christ đã lập nên Hội Thánh và ban Đức Thánh Linh cùng Thánh Linh cho Hội Thánh chỉ có một lần mà thôi, từ đó, qua Hội Thánh mà mọi thánh đồ (người thật lòng tin nhận Chúa và sống theo Lời Chúa) được sinh ra và đương nhiên có Đức Thánh Linh cùng Thánh Linh.

3. Thánh Linh, tức là năng lực từ Thiên Chúa, đã được Đức Thánh Linh ban cho Hội Thánh nhưng chỉ có những ai hết lòng sống cho Chúa thì mới được đầy dẫy Thánh Linh. Những ai vẫn còn yêu mến thế gian và những sự thuộc về thế gian hoặc lo lắng về đời này hoặc ngại khổ vì danh Chúa thì không được đầy dẫy Thánh Linh; và cuối cùng thì đức tin của họ sẽ chết.

4. Ân tứ nói ngoại ngữ được ban cho nhiều tín đồ trong Hội Thánh ban đầu để "tự gây dựng lấy mình" (I Cô-rinh-tô 14:4), vì lúc bấy giờ chưa có Thánh Kinh Tân Ước để giúp họ hiểu biết sâu nhiệm trong đức tin; ngay cả Thánh Kinh Cựu Ước cũng rất là hạn chế, không phải ai cũng có sẵn một cuốn trong

tay. Những tín đồ thờ ban đầu chưa có Tân Ước, chưa có sự tin chắc vào lễ Đạo cứu rỗi nên Chúa đã dùng ơn nói ngoại ngữ để giúp họ biết chắc là họ đã được cứu rỗi và đã nhận được Đức Thánh Linh cùng Thánh Linh. Ngày nay, Thánh Kinh toàn bộ Cựu Ước và Tân Ước đã đầy dẫy khắp nơi trong hàng ngàn ngôn ngữ khác nhau để gây dựng đức tin của con dân Chúa, thì ân tứ nói ngoại ngữ không cần thiết nữa. Đức Chúa Trời không muốn chúng ta chạy theo dấu lạ mà bỏ qua Lời Ngài. Chính Thánh Kinh đã khẳng định:

"Trong luật pháp có chép rằng: Chúa phán: Ta sẽ nhờ những người nói ngoại ngữ, và môi miệng người ngoại quốc mà phán cho dân này; dầu vậy họ cũng chẳng nghe Ta. Thế thì, các thứ tiếng là một dấu, chẳng cho người tin Chúa, song cho người chẳng tin; còn như lời tiên tri là một dấu, chẳng phải cho người không tin, song cho người tin Chúa." (I Cô-rinh-tô 14:21-22)

Thế thì, sao chúng ta lại tìm kiếm dấu hiệu chỉ dành riêng cho người chẳng tin? Trong vòng 100 năm nay Sa-tan đã dùng hiện tượng "nói tiếng lạ" giả làm ân tứ nói ngoại ngữ để lường gạt gần một tỉ người mang danh là con dân Chúa trong mọi giáo hội, kể cả Công Giáo. Nếu cho rằng "nói tiếng lạ" là biểu hiện của sự đầy dẫy Thánh Linh thì tại sao những người Công Giáo thờ hình tượng và bà Ma-ri cũng "đầy dẫy Thánh Linh?" Tuy nhiên, nói như thế không có nghĩa là ân tứ nói ngoại ngữ và ân tứ thông dịch ngoại ngữ không còn được ban cho trong Hội Thánh. Đức Thánh Linh sẽ tùy ý Ngài mà ban cho các ơn khi có nhu cầu. Tất cả ân tứ được ban cho để gây dựng Hội Thánh cách chung hay cách cá nhân đều còn lại với Hội Thánh cho đến khi Hội Thánh được Đức Chúa Jesus Christ cất ra khỏi thế gian. Dầu vậy, trong thời đại nạn Đức Thánh Linh cũng vẫn ban một số ơn cho các thánh đồ, tùy theo nhu cầu.

5. Thánh Kinh không bao giờ nói rằng ân tứ nói ngoại ngữ là dấu hiệu của một người được đầy dẫy Thánh Linh. Trong suốt Cựu Ước không hề ghi lại trường hợp những người đầy dẫy Thánh Linh thì nói ngoại ngữ, mà chỉ nói là họ "nói tiên tri." Bởi vì các thánh đồ thời Cựu Ước là những người đã tin chắc vào Thiên Chúa, cho nên, họ không cần ơn nói ngoại ngữ để "tự gây dựng chính mình" mà họ được Đức Thánh Linh ban cho ơn "nói tiên tri" để gây dựng dân sự của Chúa: *"Kẻ nói ngoại ngữ, tự gây dựng lấy mình; song kẻ nói tiên tri, gây dựng cho Hội Thánh"* (I Cô-rinh-tô 4:14). Trong Tân Ước, Giảng Báp-tít đầy dẫy Thánh Linh từ trong lòng mẹ nhưng không có chỗ nào trong Thánh Kinh nói rằng ông thể hiện ơn nói ngoại ngữ. Chính Đức Chúa Jesus Christ là Đấng được Đức Chúa Cha ban cho Thánh Linh không chừng mực (nghĩa là vô giới hạn) nhưng Thánh Kinh không hề nói rằng Ngài nói ngoại ngữ như một ân tứ đến từ Đức Thánh Linh. Sứ Đồ Phao-lô là người được ơn nói nhiều ngoại ngữ nhưng trong I Cô-rinh-tô 14 ông bài bác việc tìm kiếm, chạy theo và lạm dụng ân tứ nói ngoại ngữ. Đó là nói về ân tứ nói ngoại ngữ đến từ Đức Thánh Linh, còn ngày nay hiện tượng "nói tiếng lạ" trong các Phong Trào Ân Tứ và Ngũ Tuần hoàn toàn là sự giả mạo của Sa-tan.

6. Chắc là con đã nhận thấy có biết bao người "nói tiếng lạ" nhưng nếp sống của họ như là những kẻ thù nghịch thập tự giá. Vì thế, đó không phải là dấu hiệu của người được đầy dẫy Thánh Linh, ngược lại, đó là dấu hiệu của người đã bị tà linh xâm nhập. Thánh Kinh dạy, Đức Thánh Linh là ấn chứng cho sự chúng ta đã được cứu và trái của Thánh Linh là dấu hiệu chúng ta đã nhận được Đức Thánh Linh (Ga-la-ti 5:22). Con nhận biết chính mình con và người khác đã ở trong sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời, đã ở trong Đấng Christ, đã nhận lãnh Đức Thánh Linh cùng Thánh Linh là nhờ con nhìn thấy: *"lòng yêu thương, sự vui mừng, bình an, nhịn nhục, nhơn từ, hiền lành, trung tín, mềm mại, tiết độ"* trong nếp sống của con và họ, thể hiện qua những *"lời lành giúp ơn cho và có ích lợi cho kẻ nghe đến"* (Ê-phê-sô 4:29) của ngôn ngữ mới trong Chúa.

7. Nếu con đã từng bị những người nói tiếng lạ đặt tay, cầu nguyện cho con biết nói "tiếng lạ" và "đầy dẫy tà linh" mà họ gọi là "báp-tem bằng Thánh Linh" thì con hãy hạ mình trước Chúa, xin Ngài dùng lễ thật của Lời Hằng Sống, giúp con nhận ra mưu kế của Sa-tan. Sau đó, con cầu nguyện xin Chúa tha thứ cho con vì đã không đối chiếu những lời giảng dạy của loài người với Thánh Kinh. Nếu con đã biết "nói tiếng lạ" thì con hãy cầu xin Chúa cất điều đó ra khỏi con. Rồi, con mạnh mẽ, trong danh của Đức Chúa Jesus Christ truyền lệnh cho các tà linh đến từ phong trào nói tiếng lạ và đặt tay té ngã ra khỏi thân thể con. Con nói lớn tiếng: **Trong danh của Đức Chúa Jesus Christ, ta truyền cho tất cả tà linh đến từ phong trào nói tiếng lạ và đặt tay té ngã phải lập tức ra khỏi thân thể ta! A-men!**

Con nghe, xem thêm các lời chứng trong links dưới đây:

- Tôi Từ Bỏ Nói "Tiếng Lạ:" <http://www.timhieutinlanh.net/?p=405>
- Một Hiện Tượng Nói "Tiếng Lạ:" <http://www.timhieutinlanh.net/?p=3619>
- Thoát Khỏi Tà Linh: <http://www.youtube.com/watch?v=iKzJKMvHkd0>
- Thoát Khỏi Tà Linh Nói "Tiếng Lạ:" <http://www.youtube.com/watch?v=DFMitcv6Cys>

Con đọc bài **Ý Nghĩa các Phép Báp-tem Trong Thánh Kinh** tại đây để hiểu rõ ý nghĩa của sự kiện tín đồ được báp-tem bằng Thánh Linh: <http://timhieuthanhkinh.net/?p=80>

Chú cầu xin Đức Thánh Linh soi sáng tâm thần con để con nhận biết lẽ thật từ chính nơi Lời Chúa mà đánh tan mọi sự biện luận nào của loài người nghịch lại Lời Chúa.

Thân mến trong Đức Chúa Jesus Christ.

Huỳnh Christian Timothy

Hỏi & Đáp: Hiện Tượng “Đặt Tay Té Ngã”

Hỏi

Vào ngày kỷ niệm lễ Ngũ Tuần gần đây nhất (2007) vào cuối giờ thờ phượng, ông mục sư P.Đ.N có mời gọi các tín đồ tiến lên phía trên để được ông đặt tay cầu nguyện (đẩy dẫy Thánh Linh), có hai ba người lên để được cầu nguyện. Khi được đặt tay cầu nguyện, ông mục sư có cầm micro và cầu nguyện bằng tiếng lạ, đa phần những người được đặt tay đều té ngã... Theo phân tích của Huỳnh Christian Timothy, việc làm của ông là sai với Thánh Kinh, và sai với Thánh Kinh thì có kẻ hở để Satan chen vào, suy ra những việc làm ra từ đây đều đến từ ma quỷ.

Về phần mục sư này, tôi cũng biết về ông hơi nhiều: càng ngày ông càng ít nóng tính, ông dâng hiến 6/10, ông hay giúp đỡ người nghèo, theo cách nhìn của tôi thì ông là một người rất tốt, lộ ra bông trái của Thánh Linh (nhưng tôi không biết về thời gian cầu nguyện của ông). Điều này có gì trái ngược với phân tích của Huỳnh Christian Timothy trong tinlanhbiengiao.net hay không?

Đáp

Như bạn đã biết, trong Thánh Kinh không hề có ghi lại một trường hợp nào một người được người khác đặt tay cầu nguyện, hoặc được đẩy dẫy Thánh Linh, thì té ngã. Dưới đây là những trường hợp được báp-tem bằng Thánh Linh và đẩy dẫy Thánh Linh mà Thánh Kinh ghi chép rõ ràng:

- **Trường hợp 1:** Các môn đồ, bao gồm các sứ đồ, khoảng 120 người, vâng lời Chúa, chờ đợi tại Giê-ru-sa-lem để được báp-tem bằng Thánh Linh (Công Vụ 1:4-5). Khi Đức Thánh Linh giáng lâm, Ngài đổ đầy Thánh Linh trên họ, họ được đẩy dẫy Thánh Linh và khởi nói các thứ tiếng ngoại quốc theo như sự ban cho của Đức Thánh Linh (Công Vụ 2:4). **Không một người nào bị té ngã. Không một người nào xin được nói tiếng lạ. Không một người nào tập nói tiếng lạ. Không một ai đặt tay trên họ!**
- **Trường hợp 2:** Những người Sa-ma-ri từ bỏ phép thuật của thuật sĩ Si-môn, và tin nhận Đấng Christ (Công Vụ 8:4-25). Đây là một trường hợp đặc biệt. Dân Sa-ma-ri vốn là một sắc dân lai chủng giữa dân I-sơ-ra-ên và các dân tộc khác. Người I-sơ-ra-ên chính gốc khinh rẻ và không giao tiếp với dân Sa-ma-ri (Giăng 4:9). Sau khi Hội Thánh bị Sau-lơ bách hại nặng nề, dẫn đến sự tuấn đạo của Ê-tiên thì các môn đồ (ngoại trừ các sứ đồ) đều phải lánh nạn khỏi thành Giê-ru-sa-lem (Công Vụ Các Sứ Đồ 8:1). Phi-líp là một trong những môn đồ lánh nạn, và ông đã đi đến thành Sa-ma-ri. Có lẽ, vì dân Sa-ma-ri vốn có dòng máu I-sơ-ra-ên, và trước đó cũng đã có cả làng tin nhận Đấng Christ, cho nên, Phi-líp tự nhiên rao giảng về Chúa cho họ. Cũng có lẽ, Phi-líp ghi nhớ lời Chúa dạy là hãy rao giảng về Chúa khắp Giê-ru-sa-lem, cả xứ Giu-đê, xứ Sa-ma-ri... (Công Vụ Các Sứ Đồ 1:8) cho nên ông chọn đến Sa-ma-ri.

Kết quả truyền giáo của Phi-líp rất là độc đáo. Đức Thánh Linh qua Phi-líp đã thi hành nhiều phép lạ, đánh bại sự tôn thờ của người Sa-ma-ri đối với tà thuật của Si-môn, (họ tin rằng quyền phép của Si-môn đến từ Đức Chúa Trời – Công Vụ Các Sứ Đồ 8:10), và bắt phục luôn cả Si-môn, khiến Si-môn cùng với dân thành Sa-ma-ri tin nhận Đấng Christ và chịu phép báp-tem.

Điều lạ lùng ở đây là, mặc dù dân Sa-ma-ri đã tin nhận Chúa, đã chịu lễ báp-tem, nhưng Đức Thánh Linh vẫn chưa giáng trên họ (Công Vụ Các Sứ Đồ 8:16). Khi nghe tin những người Sa-ma-ri đã tin nhận Chúa thì các sứ đồ tại thành Giê-ru-sa-lem cử Phi-e-rơ và Giăng, là hai nhân vật mà sau này Phao-lô xác nhận rằng là cột trụ của Hội Thánh (Ga-la-ti 2:9), đến để cầu nguyện cho những môn đồ người Sa-ma-ri được nhận lãnh Thánh Linh.

Lý do sự nhận lãnh Đức Thánh Linh và được báp-tem trong Thánh Linh bị trì hoãn đối với những người Sa-ma-ri có thể được trình bày như sau:

a) Chúa muốn những sứ đồ, cột trụ của Hội Thánh, đại diện cho Hội Thánh, đích thân và công khai tìm đến tiếp nhận những người Sa-ma-ri vào trong Hội Thánh, từ đó xóa đi hàng rào ngăn cách lâu đời giữa dân I-sơ-ra-ên và dân Sa-ma-ri.

b) Đức Thánh Linh giáng xuống trên các môn đồ Sa-ma-ri trước sự hiện diện và đặt tay của các sứ đồ cột trụ trong Hội Thánh khiến cho không một ai trong Hội Thánh có thể chống đối việc hội nhập những người Sa-ma-ri vào trong Hội Thánh.

Nhận xét: Chính Phi-líp là một nhà truyền giáo đầy ơn của Chúa, qua Phi-líp, Đức Thánh Linh đã làm nhiều phép lạ để thu phục thuật sĩ Si-môn cùng dân thành Sa-ma-ri, thì không có lý do gì Phi-líp không thể đặt tay cầu nguyện cho những người Sa-ma-ri nhận lãnh Đức Thánh Linh và Thánh Linh, như sau này Phao-lô đã làm đối với các môn đồ tại thành Ê-phê-sô. Nếu Phi-líp không có tư cách để đặt tay cầu nguyện cho những người Sa-ma-ri thì e rằng ngày nay chẳng có một mục sư Ân Tứ hay Ngũ Tuần nào có tư cách, vì trong lịch sử 100 năm của các phong trào Ân Tứ và Ngũ Tuần chưa hề có người nào được đầy ơn và làm ra các phép lạ như Phi-líp, người được chính Thánh Kinh làm chứng là đầy dẫy Thánh Linh. Vậy, hai lý do nêu ra trên đây là khả dĩ. Trường hợp tại Sa-ma-ri là một biệt lệ. **Trong trường hợp này cũng không có sự té ngã nào.**

- **Trường hợp 3:** Gia đình Cọt-nây (Công Vụ Các Sứ Đồ 10). Trong khi Phi-e-rơ đang giảng Đạo thì gia đình Cọt-nây được báp-tem bằng Thánh Linh, mặc dù họ chưa nhân danh Ba Ngôi Thiên Chúa để làm báp-tem bằng nước, và cũng chưa xưng nhận ra miệng đức tin của mình. Đây là trường hợp biệt lệ thứ nhì, là một "phép lạ" để bắt phục các sứ đồ và những tín đồ gốc Do-thái, rằng Tin Lành cũng được ban cho dân ngoại, rằng phép cắt bì không là điều kiện để được cứu rỗi, rằng ngay cả phép báp-tem bằng nước cũng không phải là điều kiện để được cứu rỗi (ngày nay có tà thuyết "tái sinh bởi phép báp-tem"). Gia-đình Cọt-nây đã tin Chúa từ trước khi Phi-e-rơ đến giảng (Công Vụ Các Sứ Đồ 10:2). Vì vậy, điều kiện duy nhất để nhận sự cứu rỗi, được nhận lãnh Đức Thánh Linh, được báp-tem bằng Thánh Linh là tin nhận Chúa và kính sợ, vâng phục Ngài. **Không một ai đặt tay trên gia đình Cọt-nây, không một ai trong gia đình Cọt-nây té ngã khi được báp-tem bằng Thánh Linh, không một ai trong gia đình Cọt-nây nài xin nhận lãnh Đức Thánh Linh, không một ai trong gia đình Cọt-nây cầu xin được nói tiếng lạ.**
- **Trường hợp 4:** Một số môn đồ tại thành Ê-phê-sô (Công Vụ Các Sứ Đồ 19:1-7). Khi Phao-lô gặp khoảng 12 người tin Chúa tại thành Ê-phê-sô, có lẽ ông nhận biết họ chưa được báp-tem bằng Thánh Linh, cho nên, ông hỏi họ: "*Từ khi anh em tin, có lãnh được Thánh Linh chẳng?*" và những người đó thưa rằng: "*Chúng tôi cũng chưa nghe có Thánh Linh nào!*" (Công Vụ Các Sứ Đồ 19:2).

Nhận xét: Phao-lô không hỏi "Từ khi anh em tin, có cầu xin cho được nhận lãnh Thánh Linh chưa?" Phao-lô cũng không hỏi "Anh em có muốn nhận lãnh Thánh Linh hay không?" Phao-lô cũng không hỏi "Từ khi anh em tin, có sứ đồ nào đặt tay trên anh em chưa?". Nhưng Phao-lô hỏi: "*Từ khi anh em tin, có lãnh được Thánh Linh chẳng?*" Khi nghe họ trả lời rằng chưa hề nghe nói đến Thánh Linh thì Phao-lô biết ngay họ chưa được báp-tem bằng Thánh Linh, cho nên, ông hỏi tiếp: "*Vậy thì anh em đã chịu phép báp-tem nào?*" Các môn đồ trả lời: "*Phép báp-tem của Giăng.*" Phao-lô liền giải thích phép báp-tem của Giăng dạy chỉ là phép báp-tem ăn năn tội, và ngay sau đó họ bằng lòng làm báp-tem trở lại theo mệnh lệnh của Đức Chúa Jesus Christ, nghĩa là phép báp-tem nhân danh Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh, là phép báp-tem ăn năn tội, phép báp-tem vào trong sự sống lại và sự sống đời đời của Đấng Christ, và phép báp-tem vào trong quyền phép của Đức Thánh Linh. Câu 6: "*Sau khi Phao-lô đặt tay lên, thì có Đức Thánh Linh giáng trên họ...*" cũng có thể hàm ý Phao-lô là người làm báp-tem cho họ, và như vậy, không phải vì Phao-lô đặt tay mà họ được đầy dẫy Thánh Linh, nhưng vì họ

vừa nhận lãnh lễ báp-tem trong danh Thiên Chúa Ba Ngôi, tức vừa được báp-tem bằng Thánh Linh. **Trong trường hợp này cũng không có sự té ngã, sự cầu xin.**

Việc tôi tớ Chúa cầu nguyện, đặt tay khiến cho con dân Chúa được nhận lãnh Đức Thánh Linh và được báp-tem bằng Thánh Linh là một thực tế xảy ra trong Hội Thánh lúc ban đầu trong hai trường hợp đặc biệt đã nêu trên, (2) và (4). Ngày nay, Hội Thánh của Chúa đã lớn mạnh, Đạo Chúa đã vững, nguyên tắc nhận lãnh Đức Thánh Linh là ăn năn tội, chịu lễ báp-tem trong danh Thiên Chúa Ba Ngôi; nguyên tắc để được đầy dẫy Thánh Linh là "đừng say rượu" (đừng để cho sự ham mến thế gian điều khiển lòng mình). Khi một người không còn yêu mến thế gian và những sự thuộc về thế gian thì đương nhiên chỉ còn lại sự hết lòng yêu kính Chúa và yêu thương tội nhân. Một người như vậy không thể không đầy dẫy Thánh Linh.

Nhận lãnh Đức Thánh Linh là được Đức Thánh Linh ngự vào lòng, ấn chứng cho sự cứu chuộc. Báp-tem bằng Thánh Linh là được dầm thấm, đổ đầy trong năng lực và quyền quép của Đức Thánh Linh. Năng lực và quyền phép của Đức Thánh Linh được gọi là Thánh Linh, khác với Đức Thánh Linh là thân vị của Thiên Chúa Ngôi Thánh Linh.

Bông trái của Đức Thánh Linh không phải là hành vi đạo đức bên ngoài của một người. Dâng hiến 6/10 cũng không phải là biểu hiệu của sự đầy dẫy Thánh Linh, lại càng không phải là bông trái của Đức Thánh Linh (nhưng làm sao bạn biết là ông dâng 6/10?) Nhiều người không hề tin nhận Chúa, không hề có Đức Thánh Linh trong lòng nhưng đời sống đạo đức trong xã hội đáng làm gương cho con dân Chúa.

Bông trái của Đức Thánh Linh là **hành vi đạo đức bên ngoài đúng theo Lời Chúa**, phát xuất từ sự biến đổi bên trong bởi Đức Thánh Linh. Một người có Đức Thánh Linh thì không thể rao giảng nghịch lại lẽ thật của Thánh Kinh. Một người được đầy dẫy Thánh Linh thì không còn yêu mến thế gian và những sự thuộc về thế gian.

Huỳnh Christian Timothy

03/09/2007

Hiệu Đính Lần Thứ Nhất 14/12/2012

Hỏi & Đáp: Ước Mơ, Giác Mơ, và Khải Tượng

Hỏi

Khi học về cuộc đời của Giô-sép ở trong chương trình học Thánh Kinh vào tối thứ sáu hàng tuần, khi học đến đoạn Chúa cho phép Giô-sép nằm mơ thì bà mục sư P.Đ.N. hỏi:

- Anh em có thường hay nằm mơ không?
- Anh em thường có những giấc mơ cho Chúa không?

Và bà đồng nhất ước mơ với Khải tượng.

Theo tôi thì giấc mơ, sự ước mơ và Khải tượng khác nhau. Chúa cho phép những giấc mơ xảy ra khi chúng ta ngủ (không phải Khải tượng), nó không đến từ ý chí của bản thân. Ước mơ là điều mong ước ra từ ý chí của chúng ta. Khải tượng cũng như giấc mơ, không đến từ ý chí của bản thân, nhưng được Chúa xác quyết rõ ràng. Do đó, không thể nào đồng nhất ước mơ với Khải tượng được. Mà Chúa thì làm gì cần chúng ta mơ ước, lên kế hoạch cho Ngài?

Tôi thắc mắc điều này vì:

- Không chắc điều mình nghĩ là đúng, mà hỏi những người xung quanh (tư gia) thì chỉ nhận được những câu trả lời cổ súy cho quan điểm của bà mục sư trên.
- Những năm gần đây, quan điểm đó được các diễn giả giảng dạy rất nhiều trong các buổi học, buổi nhóm của thanh niên trong Hội Thánh. Và những ngày này, tôi thường thấy nhiều người đưa ra những mơ ước thật lớn theo ý chí của họ, rồi cầu nguyện Chúa ban sức cho họ để hoàn thành mơ ước đó.

Đáp

Đúng như bạn phân tích, ước mơ, giấc mơ, và Khải tượng là ba điều hoàn toàn khác biệt nhau. Ước mơ cũng không phải là ý chí.

1. Ước mơ (wish): là điều mình muốn mà biết rằng không thực tế hoặc rất khó hoàn thành vì mình không có năng lực hoặc không đủ phương tiện để đạt đến. Ước mơ khác với "dự tính" là sự tính toán, sắp xếp những điều mình sẽ thực hiện theo ý muốn và năng lực của mình. Một người bị tật nguyền có thể ước mơ được chạy nhảy như một người khỏe mạnh. Một người không có kỹ năng âm nhạc có thể mơ ước được trở thành một nhạc sĩ hoặc ca sĩ. Trong Thánh Kinh có ghi lại điều ước mơ của Phao-lô: "*Tôi nói thật trong Đấng Christ, tôi không nói dối, lương tâm tôi làm chứng cho tôi bởi Đức Chúa Trời: tôi buồn bực lắm, lòng tôi hằng đau đớn. Bởi tôi ước ao có thể chính mình bị dứt bỏ, lìa khỏi Đấng Christ, vì anh em bà con tôi theo phần xác, tức dân Y-sơ-a-ên, là dân được những sự làm con nuôi, sự vinh hiển, lời giao ước, luật pháp, sự thờ phượng và lời hứa; là dân sanh hạ bởi các tổ phụ, và theo phần xác, bởi dân ấy sanh ra Đấng Christ, là Đấng trên hết mọi sự, tức là Đức Chúa Trời đáng ngợi khen đời đời. Amen*" (Rô-ma 9:1-5).

2. Ý chí (will): là điều mình muốn và quyết tâm dốc đổ mọi năng lực, phương tiện để đạt đến. Thánh Kinh tiếng Anh dùng chữ "will", Thánh Kinh tiếng Việt dùng chữ "ý," "ý muốn." Một người không có Chúa thì ý chí của họ bị điều động bởi xác thịt và lý trí. Ê-phê-sô 2:1-3 nói rõ về điều này. Thánh Kinh Việt Ngữ Bản Dịch Truyền Thống dịch "ý chí" trong câu 3 thành "sự ham mê:" "*Còn anh em đã chết vì lầm lỗi và tội ác mình, đều là những sự anh em xưa đã học đời, theo thói quen đời này, vâng phục vua cầm quyền chốn không trung tức là thần hiện đương hành động trong các con bạn nghịch. Chúng ta hết thảy cũng đều ở trong số ấy, trước kia sống theo tư dục xác thịt mình, làm trọn các **sự ham mê** của xác thịt và ý tưởng chúng ta, tự nhiên làm con của sự thạnh nộ, cũng như mọi người khác.*"

Một người được tái sinh trong Đấng Christ thì sẽ dâng mình cho Chúa, đầu phục thánh ý của

Ngài, và không còn sinh hoạt theo ý chí của riêng mình nữa, mà hoà nhập ý chí của mình với thánh ý của Thiên Chúa: *“Vậy, hỡi anh em, tôi lấy sự thương xót của Đức Chúa Trời khuyên anh em dâng thân thể mình làm của lễ sống và thánh, đẹp lòng Đức Chúa Trời, ấy là sự thờ phượng phải lễ của anh em. Đừng làm theo đời này, nhưng hãy biến hóa bởi sự đổi mới của tâm thần mình, để thử cho biết ý muốn tốt lành, đẹp lòng và trọn vẹn của Đức Chúa Trời là thể nào”* (Rô-ma 12:1-2). *“Vì ấy chính Đức Chúa Trời cảm động lòng anh em vừa muốn vừa làm theo ý tốt Ngài”* (Phi-líp 2:13).

Suốt cuộc đời của Đức Chúa Jesus trong xác thịt, Ngài không sống theo ý chí của Ngài mà sống theo thánh ý của Đức Chúa Cha: *“Ta không thể tự mình làm nổi việc gì; Ta xét đoán theo điều Ta nghe, và sự xét đoán Ta là công bình, vì Ta chẳng tìm ý muốn của Ta, nhưng tìm ý muốn của Đấng đã sai Ta”* (Giăng 5:30). *“Vì Ta từ trên trời xuống, chẳng phải để làm theo ý Ta, nhưng làm theo ý Đấng đã sai Ta đến”* (Giăng 6:38).

Đời sống người tín đồ không phải đi theo ý chí riêng tư của mình, yêu cầu Chúa chấp nhận và ban phước cho ý riêng của mình, nhưng phải là: *“Làm theo ý muốn của Cha chúng ta ở trên trời”* để *“Ý Cha được nên”* (Ma-thi-ơ 6:10). Vì không phải chỉ tin Chúa là được vào thiên đàng, nhưng phải chứng minh đức tin của mình qua sự vâng phục, làm theo Thánh Ý của Thiên Chúa, tức là trung tín cho đến chết: *“Chẳng phải hề những kẻ nói cùng Ta rằng: Lạy Chúa, lạy Chúa, thì đều được vào nước thiên đàng đâu; nhưng chỉ kẻ làm theo ý muốn của Cha Ta ở trên trời mà thôi”* (Ma-thi-ơ 7:21).

3. Giác mơ (dream): hay chiêm bao có thể là sinh hoạt tâm lý hoặc sinh hoạt tâm linh. Giác mơ liên quan đến tâm lý là giác mơ dựa trên các chi tiết hàng ngày trong đời sống, không liên quan gì đến thế giới thần linh. Giác mơ liên quan đến tâm linh có thể là một sự tiếp nhận thông tin đến từ Thiên Chúa, như đã được ghi chép rất nhiều trong Thánh Kinh, hoặc là một sự tiếp nhận thông tin đến từ Sa-tan và các tà linh khác. Thánh Kinh không ghi lại trường hợp nào giác mơ đến từ Sa-tan hoặc tà linh nhưng trong dân gian thì hiện tượng này xảy ra rất nhiều. Nhiều người nằm mơ:

- Thấy người chết hiện về trong giấc mơ đòi hỏi cúng bái.
- Thấy người thân hiện về báo cho biết là người ấy đã bị chết.
- Thấy các thần tượng sai bảo làm việc này, việc nọ...

4. Khải tượng (vision): là những điều nhìn thấy trong tâm linh vào lúc tỉnh táo, không phải lúc ngủ mê như giấc mơ. Khải tượng có thể đến từ Thiên Chúa hoặc từ Sa-tan và các tà thần. Trong Thánh Kinh ghi lại rất nhiều các khải tượng đến từ Thiên Chúa, đặc biệt, nguyên cả sách Khải Huyền ghi chép những khải tượng đến từ Đấng Christ về lịch sử của loài người trong những ngày sau rốt. Thánh Kinh cũng ghi lại một trường hợp khải tượng đến từ tà thần, đó là việc bà bóng ở Ên-đô-rơ cầu vong tiên tri Sa-mu-ên và thấy hình dạng một thần linh (spirit) từ dưới đất hiện lên giống như Sa-mu-ên (I Sa-mu-ên 28).

Chúng ta biết Thiên Chúa ra lệnh tiêu diệt đồng bóng và các thầy tà thuật. Chúng ta biết Thiên Chúa đã từ bỏ vua Sau-lơ, không còn phán với ông nữa. Ngay khi Sa-mu-ên lúc còn sống cũng đã tuyệt giao với Sau-lơ. Như vậy, không thể nào một bà bóng có thể ra lệnh triệu tập tiên tri của Thiên Chúa như bà vẫn thường triệu tập các tà linh. Không thể nào Thiên Chúa dùng phương pháp cầu vong mà chính Ngài lên án để đối thoại với Sau-lơ. Việc bà bóng và Sau-lơ gọi tà linh bằng danh Sa-mu-ên và việc tà linh tự nhận là Sa-mu-ên không xác chứng đó chính là Sa-mu-ên. Việc tà linh nói với Sau-lơ những lời giống như Sa-mu-ên đã nhân danh Chúa nói trước đó không có gì lạ, vì tà linh chỉ lập lại những gì đã nghe Sa-mu-ên nói. Việc tà linh tiên tri về cái chết của Sau-lơ và Giô-na-than trong cuộc giao-tranh sẽ xảy ra ngày hôm sau cũng không có gì lạ. Trong thời của Gióp, Sa-tan có thể giết hết 10 đứa con của Gióp, có thể giết các tôi tớ của Gióp, có thể tạo ra chiến tranh (với sự cho phép của Thiên Chúa), thì trong sự cho phép của Thiên Chúa và trong chương trình của Ngài, Sa-tan vẫn có thể giết Sau-lơ và Giô-na-than, đồng thời nói trước về ý đồ của nó.

Ngày nay, Thiên Chúa vẫn dùng giấc mơ và khái tượng để thông tin cho loài người. Thánh Kinh khẳng định như vậy: *"Đức Chúa Trời phán: Trong những ngày sau rốt, Ta sẽ đổ Thần Ta khắp trên mọi xác-thịt; con trai và con gái các người đều sẽ nói lời tiên tri, bọn trai trẻ sẽ thấy điềm lạ, và các người già cả sẽ có chiêm bao"* (Công Vụ 2:17). Những ngày sau rốt trong lời tiên tri này kéo dài từ khi Đấng Christ hoàn thành công cuộc cứu chuộc nhân loại cho đến khi Ngài tái lâm, tiêu diệt AntiChrist và nhốt Sa-tan vào vực sâu.

Các giấc mơ và khái tượng ngày nay chỉ có tính cách nâng đỡ đời sống đức tin của riêng một người chứ không có tính cách phổ quát cho cả Hội Thánh như khi Thánh Kinh chưa hoàn tất. Những khái tượng Thiên Chúa muốn cho toàn thể nhân loại biết, thậm chí khái tượng về tận thế và trời mới, đất mới đã được hoàn tất và ghi lại trong Thánh Kinh. Ngày nay, người nào cho rằng mình nhận được những khái tượng về tận thế, về thiên đàng, về hoả ngục mà "Chúa" (thật ra là Sa-tan mạo nhận) bảo họ phải công bố ra cho mọi người khác biết là người ấy có ý nói Thánh Kinh cần phải được viết thêm! Dĩ nhiên, do sự nhân từ, thương xót của Thiên Chúa, Ngài vẫn có thể cho một người thấy những khái tượng về tận thế, về thiên đàng, về hoả ngục... nhưng những khái tượng này chỉ dành riêng cho người nhận khái tượng để nâng đỡ đức tin hoặc chức vụ của chính người ấy.

Những hình thức khái tượng đến từ tà linh là:

- Khái tượng của những người hành thiên.
- Khái tượng về sự hiện ra của bà Ma-ri.
- Khái tượng về hoả ngục, thiên đàng của bà Mary K. Baxter.
- Khái tượng về hoả ngục, thiên đàng của ông Daniel Ekechukwu
- Các khái tượng của những người Ân Tứ và Ngũ Tuần, như trường hợp khái tượng thấy California bị động đất của ông Nguyễn Việt Ánh.

Có những nhóm Ân Tứ và Ngũ Tuần thường họp nhau lại "cầu nguyện trong tiếng lạ" hết giờ này sang giờ khác và sau đó ngồi kể cho nhau nghe những "khái tượng" họ được nhìn thấy trong khi "cầu nguyện." Trong mỗi buổi "cầu nguyện" như vậy, một người có thể thấy hàng chục "khái tượng..." Có điều gì đó sai trái trong sinh hoạt này. Chúa dạy chúng ta hãy đi khắp thế gian để giảng Tin Lành. Chúa không dạy chúng ta tụm nhau lại một chỗ, thành lập những nhóm cá biệt để "cầu nguyện tiếng lạ" và "nhận lãnh khái tượng." Sự giảng giải Lời Chúa của những người này có vấn đề.

Những ai đang sinh hoạt trong các phong trào Ân Tứ và Ngũ Tuần cần phải thật lòng hạ mình trước mặt Chúa xin Chúa thương xót giải phóng mình khỏi sự ràng buộc của tà thần. Tinh thần kiêu ngạo, tinh thần chạy theo dấu kỳ phép lạ, và tà linh nói tiếng lạ... đến từ Sa-tan, mạo nhận là ân tứ của Đức Thánh Linh, đang cầm giữ những người này trong bóng tối và sự chết! Một người đang bị ảnh hưởng của Ân Tứ và Ngũ Tuần chỉ cần chân thành hướng lòng về Thiên Chúa Ba Ngôi, thưa với Chúa, đại khái: "Lạy Chúa, nếu những sự nói tiếng lạ, chữa bệnh, trừ quỷ, nói tiếng tri, thấy khái tượng... trong con là ân tứ của Đức Thánh Linh thì con cảm tạ Chúa và xin Chúa ấn chứng cho con. Nếu những quyền phép này đến từ Sa-tan và các tà thần của nó mà xưa nay con đã bị lờ mờ gạt, thì xin Chúa cứu lấy con, giải phóng con khỏi các quyền lực tối tăm này và phục hồi cho con những ân tứ thật sự đến từ Đức Thánh Linh." Tiếp liền theo đó là nhân danh Đức Chúa Jesus Christ để xua đuổi các tà linh ra khỏi thân thể mình.

Chúng ta không thể đồng nhất ước mơ với khái tượng. Ước mơ đến từ chúng ta và khó thể hiện thực. Khái tượng đến từ Thiên Chúa hoặc tà linh. Chúng ta cũng không thể đưa ra ý chí của mình cho Thiên Chúa đóng dấu chấp thuận, mà chúng ta phải sống và làm theo thánh ý của Cha chúng ta ở trên trời. Người thật sự ở trong Chúa sẽ nghe được tiếng gọi của Chúa, sẽ biết được Chúa ban cho mình những ân tứ gì, và sẽ hết lòng, hết sức làm theo tiếng gọi của Ngài. Đức Chúa Jesus phán: *"Chiên Ta nghe tiếng Ta!"* Chiên thật của Chúa đương nhiên nghe tiếng Chúa, không cần phải cầu xin cho được nghe tiếng Chúa! Điều duy nhất con dân Chúa cần cầu xin đó là: cầu xin Chúa ban cho sự khôn ngoan và được kết quả trong sự hầu việc Chúa của mình.

Huỳnh Christian Timothy
03/09/2007. Hiệu Đỉnh Lần Thứ Nhất 14/12/2012

Ý Nghĩa Các Phép Báp-tem Trong Thánh Kinh

Từ ngữ **báp-tem** trong nguyên ngữ Hy-lạp (Greek) của Thánh Kinh là: βαπτίζω được chuyển ngữ thành **baptizō** với ký hiệu phát âm *bap-tid'-zo* và được dịch thành **baptism** trong Anh ngữ. Từ ngữ báp-tem chỉ được dùng trong phần Tân Ước của Thánh Kinh với tổng số 80 lần bao gồm các hình thức danh từ và động từ. Nguyên nghĩa của báp-tem là ngâm, nhúng hoàn toàn một vật vào trong một chất lỏng. Trong văn hóa Hy-lạp: Ngành nhuộm dùng từ ngữ báp-tem chỉ việc nhúng một khúc vải vào trong chậu thuốc nhuộm để thay đổi màu sắc của khúc vải. Ngành y dùng từ ngữ báp-tem để chỉ việc nhúng, ngâm tay hay chân vào trong một dung dịch thuốc để chữa bệnh. Trong các nghi thức tôn giáo, từ ngữ báp-tem được dùng để chỉ việc trảm mình trong nước, thanh tẩy thân thể, dọn mình ra mắt thần linh. Tuy nhiên, khi được dùng trong Thánh Kinh, từ ngữ báp-tem mang lấy những ý nghĩa riêng biệt, độc đáo.

Chữ "phép" với ý nghĩa: "nghi thức, phương cách," được dùng kèm với từ ngữ báp-tem trong Thánh Kinh Việt ngữ như là một danh từ ghép giúp phân biệt hình thức danh từ và động từ của từ ngữ báp-tem (phép báp-tem = danh từ; báp-tem = động từ). Đây không phải là sự "thêm" vào Lời Chúa mà là sự ứng dụng mẹo luật văn phạm Việt ngữ trong khi dịch. Trong phạm vi bài này, chúng ta hãy cùng nhau tìm hiểu ý nghĩa các phép báp-tem được đề cập trong Thánh Kinh.

Thánh Kinh đề cập bảy loại phép báp-tem:

- Phép báp-tem trong đám mây và trong biển của dân Y-sơ-ra-ên.
- Phép báp-tem ăn năn tội của dân Y-sơ-ra-ên còn gọi là phép báp-tem của Giăng Báp-tít.
- Phép báp-tem nhận chức vụ của Đức Chúa Jesus.
- Phép báp-tem vào trong sự thương khó của Đấng Christ.
- Phép báp-tem bằng Thánh Linh trong buổi đầu thành lập Hội Thánh.
- Phép báp-tem bằng nước và Thánh Linh trong Danh Thiên Chúa Ba Ngôi của môn đồ Đấng Christ.
- Phép báp-tem bằng lửa dành cho những người ở ngoài Đấng Christ.

1. Phép báp-tem trong đám mây và trong biển của dân Y-sơ-ra-ên

"Và, hỡi anh em, tôi chẳng muốn cho anh em không biết tổ phụ chúng ta đều đã ở dưới đám mây, đi ngang qua biển, chịu Môi-se làm phép báp-tem trong đám mây và dưới biển, ăn một thứ ăn thiêng liêng; và uống một thứ uống thiêng liêng; vì họ uống nơi một hòn đá thiêng liêng theo mình và đá ấy tức là Đấng Christ."

Theo nguyên ngữ Hy-lạp, mệnh đề: *"chịu Môi-se làm phép báp-tem trong đám mây và dưới biển"* cần phải dịch là: "chịu báp-tem trong đám mây và trong biển **vào trong** Môi-se;" Nghĩa là: Dân Y-sơ-ra-ên được nhúng trong mây và trong biển để **trở nên một** với Môi-se.

Quan hệ giữa Môi-se với dân Y-sơ-ra-ên là hình bóng cho quan hệ giữa Đấng Christ và những người tin nhận Ngài. Phép báp-tem trong mây và trong biển của dân Y-sơ-ra-ên là hình bóng cho phép báp-tem trong Thánh Linh và trong nước của tín đồ Đấng Christ:

- Môi-se là hình bóng của Đấng Christ. Dân Y-sơ-ra-ên là hình bóng của những người tin nhận Đấng Christ. Xứ Ai-cập là hình bóng của thế gian tội lỗi. Pha-ra-ôn là hình bóng của Sa-tan thống trị thế gian. Môi-se giải phóng dân Y-sơ-ra-ên ra khỏi đời nô lệ của xứ Ai-cập và tay Pha-ra-ôn là hình bóng Đấng Christ giải phóng những ai tin nhận Ngài ra khỏi đời nô-lệ của tội lỗi và quyền lực của Sa-tan.
- Đi dưới đám mây (Dân Số Ký 10:34) là hình bóng của sự được báp-tem bằng Thánh Linh: Một đời sống mới đầy đầy ân điển và quyền năng của Đức Chúa Trời. Đi ngang qua biển là hình bóng của sự được báp-tem bằng nước (I Phi-e-rơ 3:20-21): Một đời sống cũ đã hoàn toàn chết đi và được phục sinh.

- Dân Y-sơ-ra-ên ăn thức ăn thiêng liêng và uống thức uống thiêng liêng là hình bóng tín đồ Đấng Christ nhận lãnh thân thể và huyết của Đấng Christ trong đời sống mới. Thân thể Đấng Christ là Lời Hằng Sống của Đức Chúa Trời vì Đấng Christ chính là Ngôi Lời. Huyết của Đấng Christ là sự sống đời đời của Đức Chúa Trời vì Đấng Christ chính là sự sống lại và sự sống (Giăng 11:25).
- Dân Y-sơ-ra-ên được báp-tem vào trong Môi-se để trở nên một với Môi-se là thủ lãnh Đức Chúa Trời đã lập nên cho họ và họ vâng phục các điều răn của Đức Chúa Trời do Môi-se truyền cho họ. Tín đồ Đấng Christ được báp-tem vào trong Đấng Christ để trở nên một với Ngài và vâng phục các điều răn của Ngài (Ê-phê-sô 5:23-24).

Thánh Kinh đề cập đến điều răn của Đấng Christ như sau:

"Ta ban cho các người một điều răn mới, nghĩa là các người phải yêu nhau; như Ta đã yêu các người thế nào, thì các người cũng hãy yêu nhau thế ấy." (Giăng 13:34)

"Nếu các người yêu mến Ta, thì giữ gìn các điều răn Ta." (Giăng 14:15)

"Ai có các điều răn của Ta và vâng giữ lấy, ấy là kẻ yêu mến Ta; người nào yêu mến Ta sẽ được Cha Ta yêu lại, Ta cũng sẽ yêu người, và tỏ cho người biết Ta." (Giăng 14:21)

"Nếu các người vâng giữ các điều răn của Ta, thì sẽ ở trong sự yêu thương Ta, cũng như chính Ta đã vâng giữ các điều răn của Cha Ta, và cứ ở trong sự yêu thương Ngài." (Giăng 15:10)

"Điều răn của Ta đây này: Các người hãy yêu nhau, cũng như Ta đã yêu các người." (Giăng 15:12)

"Ta truyền cho các người những điều răn đó, để các người yêu mến lẫn nhau vậy." (Giăng 15:17)

2. Phép báp-tem ăn năn tội của dân Y-sơ-ra-ên còn gọi là phép báp-tem của Giăng Báp-tít

"Giăng bèn dạo qua hết thảy miền lân cận sông Giô-đanh, giảng dạy phép báp-tem về sự ăn năn để được tha tội." (Lu-ca 3:3)

"Trước khi Đức Chúa Jêsus chưa đến, Giăng đã giảng dạy phép báp-tem về sự ăn năn cho cả dân Y-sơ-ra-ên." (Công-Vụ Các Sứ Đồ 13:24)

"Phao-lô bèn nói rằng: Giăng đã làm phép báp-tem về sự ăn năn tội, mà truyền dân phải tin Đấng sẽ đến sau mình, nghĩa là tin Đức Chúa Jêsus." (Công Vụ Các Sứ Đồ 19:4)

Phép báp-tem mà những người Y-sơ-ra-ên nghe lời rao giảng của Giăng Báp-tít, thật lòng ăn năn tội, đến cùng ông và các môn đồ của ông để chịu dưới sông Giô-đanh là sự thanh tẩy thân thể trong dòng nước để thể hiện sự quyết tâm muốn được thanh tẩy tâm lòng và đời sống tội lỗi. Phép báp-tem này chuẩn bị tâm lòng của những người biết ăn năn tội, muốn nhận được sự cứu rỗi sẽ đến từ Đấng Christ. Sự thanh tẩy bên trong chỉ có thể được thực hiện bởi quyền năng của Đức Chúa Trời sau khi một người ăn năn tội và tin nhận sự chết chuộc tội của Đấng Christ.

Tất cả những người chịu phép báp-tem ăn năn tội của Giăng Báp-tít đều phải tin nhận sự cứu rỗi trong Đấng Christ thì mới nhận được sự tha tội và làm cho sạch tội rồi sau đó là nhận Thánh Linh, tức quyền năng và sự sống của Đức Chúa Trời:

"Chúng nghe bấy nhiêu lời, trong lòng cảm động, bèn hỏi Phi-e-rơ và các sứ đồ khác rằng: Hỡi anh em, chúng ta phải làm chi? Phi-e-rơ trả lời rằng: Hãy hối cải, ai nấy phải nhơn danh Đức Chúa Jêsus chịu phép báp-tem, để được tha tội mình, rồi sẽ được lãnh sự ban cho Thánh Linh. Vì lời hứa thuộc về các người, con cái các người, và thuộc về hết thảy mọi người ở xa, tức là bao nhiêu người mà Chúa là Đức Chúa Trời chúng ta sẽ gọi." (Công Vụ Các Sứ Đồ 2:37-39)

Công Vụ Các Sứ Đồ 19:1-7 ghi lại câu chuyện các tín đồ tại thành Ê-phê-sô từng chịu phép báp-tem của Giăng Báp-tít đã chịu phép báp-tem lần nữa trong danh Đấng Christ.

3. Phép báp-tem nhận chức vụ của Đức Chúa Jêsus

"Khi ấy, Đức Chúa Jêsus từ xứ Ga-li-lê đến cùng Giăng tại sông Giô-đanh, đặng chịu người làm phép báp-tem. Song Giăng từ chối mà rằng: 'Chính tôi cần phải chịu Ngài làm phép báp-tem, mà Ngài lại trở đến cùng tôi sao!' Đức Chúa Jêsus đáp rằng: 'Bây giờ cứ làm đi, vì chúng ta nên làm cho trọn mọi việc công bình như vậy.' Giăng bèn vâng lời Ngài. Vừa khi chịu phép báp-tem rồi, Đức Chúa Jêsus ra khỏi nước; bỗng chúc các tầng trời mở ra, Ngài thấy Đức Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự xuống như chim bồ câu, đậu trên Ngài. Tức thì có tiếng từ trên trời phán rằng: 'Đây là Con yêu dấu của Ta, đẹp lòng Ta mọi đàng.'" (Ma-thi-ơ 3:13-17)

Trong khi Giăng Báp-tít đang làm phép báp-tem ăn năn tội cho dân Y-sơ-ra-ên thì Đức Chúa Jesus đến cùng ông để được ông làm báp-tem. Điều này khiến cho Giăng Báp-tít ngỡ ngàng, vì ông nhận thức Đức Chúa Jesus là Đấng Cứu Thế đã được hứa trong Thánh Kinh. Ngài là Đấng vô tội và là Đấng phải chịu hy sinh như một chiên con dùng làm sinh tế dâng lên Đức Chúa Trời để cất tội lỗi của thế gian (Giăng 1:29). Tuy nhiên, Đức Chúa Jesus yêu cầu Giăng Báp-tít cứ làm báp-tem cho Ngài và dạy rằng đó là một việc công bình nên làm. Chính lời phán của Đức Chúa Jesus cho chúng ta biết phép báp-tem Ngài chịu bởi Giăng Báp-tít không phải là phép báp-tem ăn năn tội mà là phép báp-tem của sự công bình. Điều đó có nghĩa gì?

Hình ảnh Đức Chúa Jesus trầm mình dưới dòng nước của sông Giô-đanh tiêu biểu cho sự Ngài chết thay cho tội lỗi của toàn thể nhân loại dưới cơn thịnh nộ của Đức Chúa Cha. Đức Thánh Linh nhắc cho chúng ta nhớ sự tương quan giữa phép báp-tem bằng nước trong Đấng Christ và sự Đức Chúa Trời đoán phạt thế gian tội lỗi trong cơn nước lụt (I Phi-e-rơ 3:20, 21).

Hình ảnh Đức Chúa Jesus ra khỏi nước tiêu biểu cho sự phục sinh vinh hiển sau khi chết của Ngài. Sự chết không có quyền trên Ngài. Ngài đắc thắng và cầm quyền trên sự chết (Khải Huyền 1:18).

Hình ảnh Đức Thánh Linh lấy hình chim bồ câu giáng đậu trên Đức Chúa Jesus tiêu biểu cho sự Đức Chúa Cha ban cho thần quyền tức Thánh Linh vô giới hạn (Giăng 3:34) trên Con Người xác thịt Jesus để Ngài thi hành công vụ của đấng tiên tri, thầy tế lễ, và nhà vua; là ẩn chứng Ngài là Đấng được xức dầu, tức Đấng Mê-si-a, tức Đấng Christ đã được hứa trong Thánh Kinh.

(Mê-si-a là tiếng Hê-bơ-rơ, Christ là tiếng Hy-lạp, cả hai đều có nghĩa: "Đấng được xức dầu," nghĩa là được Đức Chúa Trời kêu gọi, biệt riêng, ban cho Thánh Linh để thi hành sứ mạng cho Đức Chúa Trời. Đức Chúa Jesus được xức dầu để: (1) "giải bày Cha chúng ta" (Giăng 1:18) tức làm tiên tri, (2) dâng chính mình Ngài làm của lễ chuộc tội cho chúng ta (Hê-bơ-rơ 9:11-12) tức làm thầy tế lễ thượng phẩm, và (3) làm Vua trên muôn vua, Chúa trên muôn Chúa (Khải Huyền 17:14; 19:16) để cai trị cơ nghiệp của Đức Chúa Trời).

Vì thế, phép báp-tem Đức Chúa Jesus chịu tại sông Giô-đanh là phép báp-tem vào trong chức vụ, vào trong thần quyền. Phép báp-tem đó không phải chỉ là phép báp-tem bằng nước mà còn là phép-báp-tem bằng Thánh Linh mà Đức Chúa Cha đã làm trên con người xác thịt Jesus để Ngài trở thành "Đấng Christ." Một người phải có đầy đủ thần quyền thì mới có thể thi hành chức vụ Đức Chúa Trời giao phó. Trọng điểm trong các chức vụ của Đức Chúa Jesus là sự dâng mạng sống mình làm của lễ chuộc tội cho toàn thể nhân loại, nhờ đó nhân loại được Đức Chúa Trời tha tội. Sự hy sinh của Đức Chúa Jesus khiến những ai tin nhận sự chết chuộc tội của Ngài được tha tội là một sự công bình (thỏa mãn sự đòi hỏi của luật pháp Đức Chúa Trời) cần phải làm để nhân loại được cứu rỗi. Công bình vì tội lỗi bị đoán phạt. Công bình vì Đức Chúa Jesus đã gánh thay hình phạt cho nhân loại thì bất kỳ ai tin nhận sự chết thay của Ngài đều nhận được sự công bố sạch tội trước mặt Đức Chúa Trời.

4. Phép báp-tem vào trong sự thương khó của Đấng Christ

"Bây giờ, Gia-cơ và Giăng, hai con trai Xê-bê-đê, đến gần Ngài mà thưa rằng: Lạy Thầy, chúng tôi muốn Thầy làm thành điều chúng tôi sẽ xin. Ngài hỏi rằng: Các người muốn Ta làm chi cho? Thưa rằng: Khi Thầy được vinh hiển, xin cho chúng tôi một đũa ngồi bên hữu, một đũa bên tả. Nhưng Đức Chúa Jesus phán rằng: Các người không biết điều mình xin. Các người có uống chén Ta uống, và chịu được phép báp-tem Ta chịu chăng? Thưa rằng: Được. Đức Chúa Jesus phán rằng: Các người sẽ uống chén Ta uống, và sẽ chịu phép báp-tem Ta chịu; nhưng chỉ như ngồi bên hữu và bên tả Ta thì không phải tự Ta cho được: ấy là thuộc về người nào mà điều đó đã dành cho." (Mác 10:35-40)

"Có một phép báp-tem mà Ta phải chịu, Ta đau đớn biết bao cho đến chừng nào phép ấy được hoàn thành!" (Lu-ca 12:50)

Chén mà Đức Chúa Jesus uống là chén thịnh nộ của Đức Chúa Trời giáng xuống trên nhân loại tội lỗi (Giăng 18:11; Ê-sai 53:10; Thi Thiên 75:8), nói cách khác, Ngài tiếp nhận sự đoán phạt của Đức Chúa Trời thay cho nhân loại. Phép báp-tem đi kèm theo chén thịnh nộ đó là phép báp-tem vào trong sự thương khó, sự chết. Thánh Kinh dùng hình ảnh của lửa và nước để gọi những sự đau thương, hoạn nạn (Thi Thiên 66:12; 69:1-2). Đức Chúa Jesus gọi sự kiện Ngài bước vào sự thương khó, sự chết trong tư cách là một tội nhân thay cho tất cả tội nhân bằng từ ngữ báp-tem, tức là bị nhúng chìm hoàn toàn vào trong tội lỗi và hậu quả của tội lỗi.

Đức Chúa Jesus đã vì nhân loại mà chịu khổ và chịu chết. Đức Chúa Trời muốn và kêu gọi chúng ta cũng sẵn lòng chịu khổ, chịu chết vì Đức Chúa Jesus và Đức Chúa Trời đã ban ơn cho chúng ta để chúng ta có thể làm được điều đó: *"Ngài hơn Đấng Christ, ban ơn cho anh em, không những tin Đấng Christ mà thôi, lại phải chịu khổ vì Ngài nữa, là phải chịu cùng một cuộc chiến tranh như anh em đã thấy ở nơi tôi và hiện nay còn nghe nói có nơi tôi"* (Phi-líp 1:29-30). Không một tin đồn chân thật nào của Đấng Christ mà không chịu khổ vì Ngài. Sự chịu khổ đó được Phao-lô dùng chính đời sống đi theo Chúa và hầu việc Chúa của ông để minh họa cho các thánh đồ tại Phi-líp và khích lệ Ti-mô-thê (II Ti-mô-thê 2:3). Sự chịu khổ đó được Phao-lô nhắc nhở cho các thánh đồ tại thành Lít-tơ, thành Y-cô-ni và thành An-ti-ốt (Công Vụ Các Sứ Đồ 14:22). Sự chịu khổ đó được chính Đức Chúa Jesus Christ mời gọi những ai muốn theo Ngài: *"Đọa, Ngài phải cùng mọi người rằng: Nếu ai muốn theo Ta, phải tự bỏ mình đi, mỗi ngày vác thập tự giá mình mà theo Ta"* (Lu-ca 9:23). Sự chịu khổ đó là nguồn của sự phước hạnh và khen thưởng thiên thượng (Ma-thi-ơ 5:11-12; I Phi-e-rơ 4:13).

5. Phép báp-tem bằng Thánh Linh trong buổi đầu thành lập Hội Thánh

"Về phần ta, ta lấy nước mà làm phép báp-tem cho các người ăn năn; song Đấng đến sau ta có quyền phép hơn ta, ta không đáng xách giày Ngài. Ấy là Đấng sẽ làm phép báp-tem cho các người bằng Thánh Linh và bằng lửa." (Ma-thi-ơ 3:11)

"Ta làm phép báp-tem cho các người bằng nước; nhưng Ngài sẽ làm phép báp-tem cho các người bằng Thánh-Linh." (Mác 1:8)

"... Giăng cất tiếng nói cùng mọi người rằng: Phần ta làm phép báp-tem cho các người bằng nước; song có một Đấng quyền phép hơn ta sẽ đến, ta không đáng mở dây giày Ngài. Chính Ngài sẽ làm phép báp-tem cho các người bằng Thánh Linh và bằng lửa." (Lu-ca 3:16)

"Về phần ta, ta vốn không biết Ngài; nhưng Đấng sai ta làm phép báp-tem bằng nước có phán cùng ta rằng: Đấng mà người sẽ thấy Đức Thánh Linh ngự xuống đậu lên trên, ấy là Đấng làm phép báp-tem bằng Thánh Linh." (Giăng 1:33)

"Vì chưng Giăng đã làm phép báp-tem bằng nước, nhưng trong ít ngày, các người sẽ chịu phép báp-tem bằng Thánh Linh." (Công Vụ Các Sứ Đồ 1:5)

"Ta bèn nhớ lại lời Chúa đã truyền rằng: Giăng đã làm phép báp-tem bằng nước; nhưng các người sẽ chịu phép báp-tem bằng Thánh Linh." (Công Vụ Các Sứ Đồ 11:16)

Trước hết, chúng ta cần phân biệt hai danh từ: **Đức Thánh Linh** và **Thánh Linh**. Đức Thánh Linh là một thân vị trong ba thân vị của Thiên Chúa. Thánh Linh là sự sống và quyền năng của Thiên Chúa được thể hiện và ban cho bởi Đức Thánh Linh. Chúng ta có Đức Thánh Linh là Thiên Chúa ngự trong thân thể mình và chúng ta được đầy dẫy Thánh Linh, tức đầy dẫy sự sống và quyền năng của Thiên Chúa. Trong nguyên ngữ Hy-lạp của Thánh Kinh, danh từ Thánh Linh đi một mình được dùng để chỉ về sự sống và quyền năng của Thiên Chúa; danh từ Thánh Linh có mạo từ đi kèm được dùng để chỉ về Đức Thánh Linh, Ngôi Ba Thiên Chúa. Trong Thánh Kinh Việt ngữ, nhiều chỗ hai danh từ Đức Thánh Linh và Thánh Linh bị dùng lẫn lộn làm cho câu văn bị tối nghĩa. Thí dụ:

Ma-thi-ơ 3:16 *"Vừa khi chịu phép báp-tem rồi, Đức Chúa Jê-sus ra khỏi nước; bỗng chúc các tầng trời mở ra, Ngài thấy Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự xuống như chim bồ câu, đậu trên Ngài."* Trong nguyên ngữ là *"Ngài thấy Đức Thánh Linh..."*

Ê-phê-sô 5:18 *"Đừng say rượu, vì rượu xui cho lương tâm; nhưng phải **đầy dẫy Đức Thánh Linh.**"*
Trong nguyên ngữ là "**đầy dẫy Thánh Linh.**"

Như vậy, Đức Chúa Jesus là Đấng làm báp-tem bằng **Thánh Linh** chứ không phải làm báp-tem bằng **Đức Thánh Linh** cho những ai tin nhận Ngài. Một người chỉ có thể có Đức Thánh Linh và đầy dẫy Thánh linh chứ không thể đầy dẫy Đức Thánh Linh.

Phép báp-tem bằng nước mà Giăng Báp-tít làm cho dân Y-sơ-ra-ên là để cho họ thể hiện lòng ăn năn. Phép báp-tem bằng Thánh Linh do Đấng Christ làm cho những người tin nhận Ngài là để cho họ nhận lãnh quyền năng của Thiên Chúa, (tức sự ban cho Thánh Linh, tức "được Đức Chúa Trời xúc dầu"). Thánh Kinh khẳng định, chính Đấng Christ làm báp-tem bằng Thánh Linh cho tín đồ của Ngài. Người được báp-tem bằng Thánh Linh thì được Đức Thánh Linh giáng trên và ngự trong thân thể mình (Công Vụ Các Sứ Đồ 1:8; 8:16; 10:44; 11:15; 19:6; I Cô-rinh-tô 6:19; Ga-la-ti 4:6).

Kế tiếp, chúng ta cần nhận thức rằng: Phép báp-tem bằng Thánh Linh được Đấng Christ làm chung cho cả Hội Thánh không phải làm riêng cho từng cá nhân (Công Vụ Các Sứ Đồ 2:1-10). Kể từ đó, hề bất kỳ ai tin nhận Đấng Christ thì liền được kết hợp vào trong Hội Thánh của Chúa. Một khi đã được kết hợp vào trong Hội Thánh của Chúa thì đương nhiên ở trong thân thể của Đấng Christ, đương nhiên được nhúng vào trong Thánh Linh của Chúa, đương nhiên được Đức Thánh Linh ngự vào trong thân thể mà không cần phải cầu xin Chúa làm báp-tem bằng Thánh Linh. Sự kiện Đấng Christ làm báp-tem bằng Thánh Linh cho Hội Thánh được Thánh Kinh ghi lại trong Công Vụ Các Sứ Đồ 2:1-10. Hội Thánh được thành lập khi Đức Thánh Linh giáng lâm, ngự vào lòng những người tin nhận Đấng Christ. Hội Thánh được thành lập từ trong dân Y-sơ-ra-ên. Hội Thánh được Đấng Christ báp-tem bằng Thánh Linh một cách tập thể trong ngày được thành lập. Kể từ đó trở đi, bất cứ ai tin nhận Đấng Christ, nhân danh Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh để chịu báp-tem thì liền được tiếp nhận Đức Thánh Linh và Thánh Linh. Tuy nhiên, Thánh Kinh cũng ghi lại những trường hợp đặc biệt sau đây:

a) Trường hợp những tín đồ không chịu phép báp-tem trong danh Đức Thánh Linh:

- Những tín đồ tại thành Sa-ma-ri (Công Vụ Các Sứ Đồ 8:14-17). Những người này không nhận phép báp-tem trong Danh Đức Thánh Linh cho nên Phi-e-rơ và Giăng đã từ thành Giê-ru-sa-lem đến, cầu nguyện cho họ được nhận lãnh Thánh Linh: *"Các sứ đồ vẫn ở tại thành Giê-ru-sa-lem, nghe tin xứ Sa-ma-ri đã nhận lấy đạo Đức Chúa Trời, bèn sai Phi-e-rơ và Giăng đến đó. Hai người tới nơi, cầu nguyện cho các môn đồ mới, để cho được nhận lấy Thánh Linh, vì Thánh Linh chưa giáng xuống trên một ai trong bọn đó; họ **chỉ nhơn danh Đức Chúa Jê-sus mà chịu phép báp-tem thôi.** Phi-e-rơ và Giăng bèn đặt tay trên các môn đồ, thì đều được nhận lấy Thánh Linh."*

Đây là một điểm quan trọng chúng ta cần ghi nhớ: Khi một người đã thật lòng tin nhận Chúa thì chúng ta phải lập tức làm phép báp-tem trong danh Ba Ngôi Thiên Chúa cho người ấy để họ được nhận lãnh Thánh Linh của Chúa. Mệnh lệnh của Đức Chúa Jesus truyền cho chúng ta được ghi rõ trong Ma-thi-ơ 28:18-20 là: (1) *Hãy đi dạy dỗ muôn dân* (2) *Hãy nhân danh Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh mà làm phép báp-tem cho họ* (3) *và dạy họ giữ hết cả mọi điều mà Ta đã truyền cho các người.* Ngài không bảo chúng ta "dạy giáo lý căn bản và khảo hạch xong mới làm báp-tem cho tân tín hữu."

- Những tín đồ tại thành Ê-phê-sô (Công Vụ Các Sứ Đồ 19:1-7). Khoảng 12 tín đồ tại thành Ê-phê-sô dầu đã tin nhận Đấng Christ nhưng chưa hề nghe biết gì về việc nhận lãnh Thánh Linh. Họ chỉ mới chịu phép báp-tem ăn năn tội của Giăng Báp-tít. Sau khi được Sứ Đồ Phao-lô giảng giải, họ đã làm báp-tem trở lại trong danh Đấng Christ và sau khi Phao-lô đặt tay cho họ thì họ được nhận lãnh Thánh Linh: *"Trong khi A-bô-lô ở thành Cô-rinh-tô, Phao-lô đã đi khắp những miền trên, rồi xuống thành Ê-phê-sô, gặp một vài môn đồ ở đó. Người hỏi rằng: Từ khi anh em tin, có lãnh được Thánh Linh chăng! Trả lời rằng: Chúng ta cũng chưa nghe có Thánh Linh nào. Người lại hỏi: Vậy thì anh em đã chịu phép báp-tem nào? Trả lời rằng: Phép báp-tem của Giăng. Phao-lô bèn nói rằng: Giăng đã làm phép báp-tem về sự ăn năn tội, mà truyền dân phải tin Đấng sẽ*

đến sau mình, nghĩa là tin Đức Chúa Jêsus. Chúng nghe bấy nhiêu lời, bèn chịu phép báp-tem như danh Đức Chúa Jêsus. Sau khi Phao-lô đã đặt tay lên, thì có Đức Thánh Linh giáng trên chúng, cho nói tiếng ngoại quốc và lời tiên tri. Cọng hết thấy độ mười hai người."

b) Trường hợp những tín đồ gốc dân ngoại (Công Vụ Các Sứ Đồ 10:44-48): Những tín đồ gốc dân ngoại được Đấng Christ báp-tem bằng Thánh Linh trước khi họ chịu báp-tem bằng nước, để chứng minh với các tín đồ gốc I-sơ-ra-ên rằng, người ngoại chỉ cần chân thành ăn năn tội, tin nhận Đấng Christ thì được ban cho quyền phép trở nên con cái của Đức Chúa Trời và lãnh nhận Thánh Linh của Ngài y như người I-sơ-ra-ên. Hành động duy nhất tín đồ người ngoại cần phải làm sau khi tin nhận Chúa để được Chúa tiếp nhận vào trong Hội Thánh của Ngài là vâng lời Ngài, chịu phép báp-tem (Mác 16:16) trong danh Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh rồi học đạo, (tức học những điều Chúa đã truyền, được ghi lại trong Thánh Kinh).

Sự đặt tay của các sứ đồ trên các tân tín hữu tại Sa-ma-ri và Ê-phê-sô không phải là hành động "làm báp-tem bằng Thánh Linh" vì chỉ có Đấng Christ là Đấng làm báp-tem bằng Thánh Linh. Sự đặt tay đó thể hiện cho sự tiếp nhận, diu dắt các tân tín hữu vào trong Hội Thánh của Đấng Christ một cách trọn vẹn. Sự đặt tay đó thể hiện sự thông công giữa các sứ đồ và các tân tín hữu. Trong sự thông công đó, họ trở nên một trong Đấng Christ và nhờ đó các tân tín hữu nhận được Đức Thánh Linh cùng Thánh Linh của Ngài. Nói cách khác, các tân tín hữu được kết nối vào Hội Thánh thì sự sống và năng lực của Hội Thánh tuôn chảy qua họ.

Ngày hôm nay, chúng ta có thể tin rằng không còn trường hợp có người thật lòng ăn năn tội, tin nhận Đấng Christ mà không biết đến việc nhận chịu phép báp-tem trong danh Ba Ngôi Thiên Chúa, để rồi phải nhờ ai đó đặt tay cầu nguyện cho để được báp-tem bằng Thánh Linh và đầy dẫy Thánh Linh. Tất cả những hành động được gọi là "tìm kiếm sự báp-tem bằng Thánh Linh," nhờ ai đó "đặt tay" để được "đầy dẫy Thánh Linh" là những trò lường gạt thuộc linh đến từ Sa-tan.

Đầy dẫy Thánh Linh là một mệnh lệnh (Ê-phê-sô 5:18). Đức Thánh Linh ra lệnh cho chúng ta không được say rượu và hãy đầy dẫy Thánh Linh của Ngài. Ngài ra lệnh cho chúng ta đầy dẫy Thánh Linh của Ngài vì Ngài đã bước vào đời sống của chúng ta, ngự trong thân thể của chúng ta (I Cô-rinh-tô 6:19), ban cho chúng ta các ân tứ và năng lực của Đức Chúa Trời tùy theo ý Ngài – không phải tùy theo ý chúng ta (I Cô-rinh-tô 12:11). Phần của chúng ta là mở lòng ra đón nhận cho thật đầy dẫy chứ chúng ta không cần phải van xin, nài nỉ, kêu gào hoặc tìm kiếm. Chúng ta chỉ có thể đầy dẫy Thánh Linh của Chúa khi chúng ta không còn "*yêu mến thế gian và những sự thuộc về thế gian*" (I Giăng 2:15). Một tấm lòng "*yêu mến thế gian và những sự thuộc về thế gian*" là một tấm lòng đang say men của cuộc đời không thể nào đầy dẫy Thánh Linh của Chúa.

Trong Thánh Kinh chỉ có một lần duy nhất Đức Chúa Jesus dạy các môn đồ của Ngài rằng: "*Vậy nếu các ngươi là người xấu, còn biết cho con cái mình vật tốt thay, huống chi Cha các ngươi ở trên trời lại chẳng ban Thánh Linh cho người xin Ngài*" (Lu-ca 11:13)! Đây là trước khi Đức Thánh Linh giáng lâm, các môn đồ cần có quyền năng của Đức Thánh Linh để sống đạo và giảng đạo thì có thể cầu xin. Nhưng sau khi Đức Thánh Linh đã giáng lâm, Thánh Linh đã được ban cho Hội Thánh và ngự trong thân thể của người tin Chúa thì người tin Chúa không cần phải tìm kiếm hay cầu xin nữa, mà chỉ cần mở lòng ra đón nhận một cách đầy dẫy. Thánh Kinh khẳng định:

- Lời hứa của Đấng Christ về việc Đức Chúa Trời sẽ ban Đức Thánh Linh và Thánh Linh cho những ai tin nhận Đấng Christ:
"Kẻ nào tin Ta thì sông nước hằng sống sẽ chảy từ lòng mình, y như Kinh Thánh đã chép vậy. Ngài phán điều đó chỉ về Đức Thánh Linh mà người nào tin Ngài sẽ nhận lấy; bởi bấy giờ Thánh Linh chưa ban xuống, vì Đức Chúa Jesus chưa được vinh hiển." (Giăng 7:38-39)
- Lời chứng của Đức Thánh Linh qua Sứ Đồ Phao-lô cho thấy lời hứa của Đấng Christ đã được thực hiện:
"Vì chung chúng ta hoặc người Giu-đa, hoặc người Gô-réc, hoặc tôi mọi, hoặc tự chủ, đều đã

chịu phép báp-tem chung một Thánh Linh để hiệp làm một thân; và chúng tôi đều đã chịu uống chung một Thánh Linh nữa." (I Cô-rinh-tô 12:13)

6. Phép báp-tem bằng nước và Thánh Linh trong Danh Đức Chúa Trời Ba Ngôi

Ngày hôm nay Hội Thánh của Chúa đã được vững lập, Lời của Chúa đã được đúc kết trong Thánh Kinh. Sinh hoạt của Hội Thánh Đấng Christ chỉ gồm tóm lại trong lệnh truyền sau đây của Đấng Christ (những điều gì không nằm trong mệnh lệnh sau đây không thuộc về sinh hoạt của Hội Thánh):

"Đức Chúa Jêsus đến gần, phán cùng môn đồ như vậy: Hết cả quyền phép ở trên trời và dưới đất đã giao cho Ta. Vậy, hãy đi dạy dỗ muôn dân, hãy nhơn danh Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh mà làm phép báp-tem cho họ, và dạy họ giữ hết cả mọi điều mà Ta đã truyền cho các ngươi. Và nầy, ta thường ở cùng các ngươi luôn cho đến tận thế." (Ma-thi-ơ 28:18-20)

Đó là: (1) Giảng Đạo. (2) Làm báp-tem cho người tin nhận Chúa trong danh Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh. (3) Dạy cho người tin nhận Chúa vâng giữ tất cả những điều Chúa đã truyền cho chúng ta, (tức là dạy cho họ sống đạo và giảng đạo theo Thánh Kinh, trong đó bao gồm sự tìm kiếm Chúa, suy ngẫm Lời Chúa, thờ phượng Chúa, tôn vinh Chúa, giúp người, làm điều lành, rao giảng sự chết của Chúa cho tới lúc Ngài đến, và trung tín với Chúa cho đến chết.)

Ngoài phép báp-tem do chính Đức Chúa Jesus Christ phán truyền Hội Thánh không thể tin nhận một phép báp-tem nào khác. Về sau, Đức Thánh Linh đã lập lại và nhấn mạnh qua Sứ Đồ Phao-lô: *"Chỉ có một Chúa, một đức tin, một phép báp-tem"* (Ê-phê-sô 4:5). Nếu chúng ta tìm kiếm hoặc chạy theo một phép báp-tem nào khác với phép báp-tem mà Đức Chúa Jesus đã truyền thì chúng ta đã có hơn một phép báp-tem, có hơn một đức tin, và đương nhiên có hơn một Chúa, cho dù, phép báp-tem đó có được ngụy trang bằng danh xưng "phép báp-tem bằng Thánh Linh!" Tôi nhắc lại: Thánh Kinh không hề dạy chúng ta tìm kiếm "phép báp-tem bằng Thánh Linh." Thánh Kinh khẳng định "chỉ có một phép báp-tem" và đó chính là phép báp-tem nhân danh Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh do Đấng Christ truyền dạy.

Trong danh Đức Cha, người chịu phép báp-tem xác nhận mình là tội nhân vì vi phạm tiêu chuẩn của Ngài và xứng đáng nhận lãnh sự đoán phạt của Ngài (Rô-ma 3:23; 5:12). Đây là phương diện tín đồ ăn năn tội trong phép báp-tem do Đấng Christ truyền, tương đương và thay thế phép báp-tem ăn năn tội của Giảng Báp-tít.

Trong danh Đức Con, người chịu phép báp-tem tuyên xưng đức tin của mình nơi sự cứu rỗi trong Đấng Christ. Người bằng lòng để cho con người cũ tội lỗi của mình bị đóng đinh trên thập tự giá với Đấng Christ (Rô-ma 6:6) và tin rằng mình được đồng phục sinh với Đấng Christ thành một tạo vật mới (Rô-ma 6:5; I Cô-rinh-tô 5:17). Đây là phương diện tín đồ chịu báp-tem vào trong sự thương khó và sự chết của Đấng Christ; đồng thời cũng là phương diện tín đồ được báp-tem vào trong chính Đấng Christ, vào trong sự sống lại với Ngài và vào trong sự vinh hiển của Ngài.

Trong danh Đức Thánh Linh, người chịu phép báp-tem tiếp nhận Đức Thánh Linh vào trong thân thể mình, thờ phượng Ngài (Giăng 7:38-39; I Cô-rinh-tô 6:19) và nhận lãnh các ân tứ của Ngài để xây dựng Hội Thánh (I Cô-rinh-tô 12:4-13). Đây là phương diện tín đồ nhận lãnh phép báp-tem bằng Thánh Linh.

Thật không có một phép báp-tem nào khác dành cho những ai tin nhận Đấng Christ ngoài phép báp-tem nhân danh Đức Cha, Đức Con, và Đức Thánh Linh với tất cả những ý nghĩa được trình bày trên đây.

7. Phép báp-tem bằng lửa

"Về phần ta, ta lấy nước mà làm phép báp-tem cho các ngươi ăn năn; song Đấng đến sau ta có quyền phép hơn ta, ta không đáng xách giày Ngài. Ấy là Đấng sẽ làm phép báp-tem cho các ngươi bằng Thánh Linh và bằng lửa." (Ma-thi-ơ 3:11)

"... Giảng cất tiếng nói cùng mọi người rằng: Phần ta làm phép báp-tem cho các ngươi bằng nước; song có một Đấng quyền phép hơn ta sẽ đến, ta không đáng mở dây giày Ngài. Chính Ngài sẽ làm

phép báp-tem cho các người bằng Thánh Linh và bằng lửa." (Lu-ca 3:16)

Phép báp-tem bằng lửa là một đề tài tranh cãi giữa các nhà thần học. Một số cho rằng phép báp-tem bằng lửa là sự thánh hóa đời sống của người tin Chúa. Một số khác cho rằng tín đồ của Chúa được thánh hóa bởi lễ thật của Lời Chúa (Giăng 17:17) còn phép báp-tem bằng lửa dành cho những ai không tin nhận Chúa. Làm thế nào để chúng ta có thể nhận biết sự dẫn giải nào là đúng? Cách duy nhất là chúng ta phải tìm hiểu ý nghĩa của một câu nói trong bối cảnh của toàn câu chuyện và chúng ta phải để cho Thánh Kinh giải thích Thánh Kinh.

Bối cảnh của câu chuyện là: Trong khi Giăng Báp-tít đang rao giảng về sự ăn năn tội và làm phép báp-tem về sự ăn năn tội cho những người Y-sơ-ra-ên bên bờ sông Giô-đanh thì có *"nhiều người dòng Pha-ri-si và Sa-đu-xê đến chịu phép báp-tem"* (Ma-thi-ơ 3:7).

Người Pha-ri-si là những người Y-sơ-ra-ên thuộc về hàng ngũ lãnh đạo tôn giáo tức là các thầy thông giáo: dạy luật và giảng luật, sao chép Thánh Kinh, và các thầy tế lễ thời bấy giờ. Phái Pha-ri-si phát sinh trong khoảng thời gian 165 năm trước khi Đức Chúa Jesus giáng sinh. Danh xưng Pha-ri-si có nghĩa là "phân rẽ" và có lẽ những người này có ý nói rằng họ tự phân rẽ ra khỏi các sự ô uế, tội lỗi, và thế gian để biệt riêng mình thi hành các việc thánh như: sao chép Thánh Kinh, giảng giải Thánh Kinh, và tế lễ Đức Chúa Trời. Buổi ban đầu những người Pha-ri-si rất có thành ý, họ sẵn sàng chấp nhận cái chết chứ không dung nạp hay thỏa hiệp với các nền văn hóa thế tục; nhưng cho đến thời của Đức Chúa Jesus thì sự tham danh, tham lợi đã biến họ thành những kẻ giả hình (Ma-thi-ơ 23). Một đặc điểm khác nữa của người Pha-ri-si là họ áp đặt những luật lệ không có trong Thánh Kinh lên dân sự. Những luật lệ này phát xuất từ sự suy diễn Thánh Kinh theo ý riêng của họ mà Đức Chúa Jesus gọi là *"truyền khẩu"* của loài người (Ma-thi-ơ 15:3, 6; Mác 7:8, 9, 13) và được Phao-lô nhắc lại trong Cô-lô-se 2:8.

Người Sa-đu-xê là những thầy tế lễ thuộc dòng Xa-đốc (I Các Vua 2:35) và những ai có cảm tình với dòng Xa-đốc. Không ai biết rõ từ ngữ Sa-đu-xê có nghĩa gì. Giám Mục Epithnius (310-403) cho rằng từ ngữ Sa-đu-xê ra từ chữ "sadiq" của tiếng Hê-bơ-ơ và có nghĩa là "công chính." Phái Sa-đu-xê xuất hiện trước phái Pha-ri-si khoảng 60 năm. Đặc điểm của người Sa-đu-xê là không tin có sự sống lại và đời sau (Ma-thi-ơ 22:23; Công Vụ Các Sứ Đồ 23:8). Người Sa-đu-xê không chấp nhận các luật lệ do người Pha-ri-si lập ra. Người Sa-đu-xê chỉ chấp nhận những luật lệ có ghi chép trong Thánh Kinh mà thôi. Đức Chúa Jesus lên án người Sa-đu-xê chung với người Pha-ri-si là *"dòng dõi hung ác, gian dâm"* (Ma-thi-ơ 16:4).

Giăng Báp-tít mở đầu câu chuyện bằng cách gọi những người Pha-ri-si và Sa-đu-xê đang có mặt trong đám đông, nghe ông giảng là *"dòng dõi rắn lục"* (c. 7) rồi ông tiếp nhận những người bày tỏ lòng ăn năn bằng cách làm báp-tem cho họ và khuyên: *"Vậy, các người hãy kết quả xứng đáng với sự ăn năn"* (c.5). Kế tiếp, Giăng Báp-tít cảnh cáo: *"Bây giờ cái búa đã để kề rễ cây; vậy rễ cây nào không sanh trái tốt, (nghĩa là không kết quả xứng đáng với sự ăn năn, nghĩa là không dứt khoát từ bỏ nếp sống tội lỗi để sống một nếp sống thánh khiết đẹp lòng Chúa,) thì sẽ phải đốn và chụm"* (c. 10).

Sau khi (1) gọi đích danh tình trạng tội lỗi của họ, (2) tiếp nhận sự ăn năn của họ, (3) khuyên họ kết quả xứng đáng với sự ăn năn, và (4) cảnh cáo họ hậu quả của sự không kết quả xứng đáng, Giăng Báp-tít bèn giới thiệu Đấng Christ và những gì Đấng Christ sẽ làm cho họ (bao gồm những người kết quả và những người không kết quả): *"Về phần ta, ta lấy nước mà làm phép báp-tem cho các người ăn năn; song Đấng đến sau ta có quyền phép hơn ta, ta không đáng xách giày Ngài. Ấy là Đấng sẽ làm phép báp-tem cho các người bằng Thánh Linh và bằng lửa"* (c.11).

Theo văn cảnh và văn mạch chúng ta thấy: Đức Chúa Jesus sẽ làm báp-tem bằng Thánh Linh cho những cây *"sanh trái tốt"* là những người *"kết quả xứng đáng với sự ăn năn"* và báp-tem bằng lửa cho những cây *"không sanh trái tốt."* Giăng Báp-tít giải thích ý nghĩa của báp-tem bằng Thánh Linh và báp-tem bằng lửa trong câu kế tiếp: *"Tay Ngài cầm nia mà dè thật sạch sân lúa mình và Ngài sẽ chừa lúa vào kho, còn rơm rạ thì đốt trong lửa chẳng hề tắt"* (c. 12). Báp-tem bằng Thánh Linh là báp-tem vào trong Hội Thánh, vào trong chính Đấng Christ như lúa được gom vào kho. Báp-tem bằng lửa là bị loại trừ bị thiêu đốt trong *"lửa chẳng hề tắt"* của hỏa ngục. Chính Đức Chúa Jesus xác định những kẻ chối

bỏ Ngài sẽ bị "muối bằng lửa" (Mác 9:49). Hình ảnh báp-tem bằng lửa và muối bằng lửa hoàn toàn giống nhau, là hình ảnh của sự bị đoán phạt! Sô-đôm và Gô-mô-rơ đã từng bị báp-tem bằng lửa (Sáng Thế Ký 19:24-25). Trời cũ và đất cũ này một ngày kia sẽ bị báp-tem bằng lửa (II Phi-e-rơ 3:7, 10-12).

Người thật lòng tin nhận Đấng Christ, từ bỏ tội, lập tức được báp-tem bằng Thánh Linh vào trong Đấng Christ ngay trong đời này. Người không chịu từ bỏ tội dù tin hay không tin Đấng Christ sẽ bị báp-tem bằng lửa hoặc muối bằng lửa chẳng hề tắt trong đời sau.

Thánh Kinh nói đến việc con dân Chúa được báp-tem bằng Thánh Linh nhưng không **một chỗ nào nói con dân Chúa bị báp-tem bằng lửa**. Trong ngày Đức Thánh Linh giáng lâm khoảng 120 môn đồ của Chúa được báp-tem bằng Thánh Linh nhưng không một chỗ nào đề cập đến việc các môn đồ của Chúa nhận báp-tem bằng lửa. Nhiều người chỉ ra Công Vụ Các Sứ Đồ 2:3 để cho rằng các môn đồ của Chúa đã được báp-tem bằng lửa cùng lúc với báp-tem bằng Thánh Linh. Tuy nhiên, Thánh Kinh nói rõ là: "*lưỡi rời rạc từng cái một, như lưỡi bằng lửa, hiện ra, đậu trên mỗi người.*" Lý luận này không đứng vững vì hai lý do sau đây. Thứ nhất là: trạng từ "như" cho thấy các lưỡi đó không phải "bằng" lửa. Thứ nhì là: "*lưỡi rời rạc từng cái một... đậu trên mỗi người*" khác với mỗi người bị nhúng chìm (báp-tem) vào trong lửa!

Ngoài ra, Công Vụ Các Sứ Đồ 1:5 chỉ nói đến lời phán dặn của Đức Chúa Jesus Christ cho các môn đồ về sự họ sẽ nhận được sự báp-tem bằng Thánh Linh, không hề nói đến họ sẽ nhận sự báp-tem bằng lửa:

"Vì chúng Giăng đã làm phép báp-tem bằng nước, nhưng trong ít ngày, các ngươi sẽ chịu phép báp-tem bằng Thánh Linh."

Ý tưởng Đấng Christ làm báp-tem bằng lửa cho những ai tin nhận Ngài là sự diễn giải lời giảng của Giăng Báp-tít ngoài văn cảnh và văn mạch của bài giảng, đồng thời nghịch lại với lẽ thật của Lời Chúa được trình bày rõ ràng như trong Mác 9:4; Khải Huyền 20:9-15; 21:8. Bị ném vào trong "hồ lửa" là hình ảnh sinh động nhất của từ ngữ "báp-tem bằng lửa!"

Huỳnh Christian Timothy

17/10/2009. Hiệu Đính 17/12/2012

Sự Sống Đời Đời và Sự Chết Đời Đời

Dẫn Nhập

Sự sống đời đời hoặc sự chết đời đời là điều chắc chắn sẽ đến với mỗi một ai được sinh ra làm người. Đó là sự khẳng định của Thánh Kinh. Dĩ nhiên, đối với những người vô thần hoặc những người không tin Thánh Kinh thì những gì Thánh Kinh nói đều là vô nghĩa đối với họ. Chỉ có những ai tin rằng phải có một Đấng Tạo Hóa tạo ra muôn loài vạn vật với một mục đích, và Ngài đang tể trị trên muôn loài vạn vật theo chương trình và ý định của Ngài, thì họ mới có thể tin được Thánh Kinh và những gì Thánh Kinh bày tỏ về Đấng Tạo Hóa có một và thật.

Theo Thánh Kinh, Đấng Tạo Hóa tự bày tỏ tên của Ngài trong tiếng Hê-bơ-rơ, được ký tự là YHWH, được dịch sang Hán Việt là “Đấng Tự Hữu Hằng Hữu,” có nghĩa là “Đấng Tự Có và Có Mãi Mãi.” Thánh Kinh còn gọi Ngài là “Chúa Ở Trên Trời,” mà Thánh Kinh Việt Ngữ dịch là “Thiên Chúa” hoặc “Đức Chúa Trời.” Từ trong tiềm thức, dân tộc Việt Nam đã nhận biết về Đấng Tạo Hóa và gọi Ngài là “Ông Trời.” Người Việt còn lập một bàn thờ đơn sơ trước nhà để thờ Ngài, gọi là “Bàn Ông Thiên,” với ý nghĩa “Bàn Thờ Ông Trời.”

Vào khoảng năm 1911, các giáo lý chân chính về Thiên Chúa được chính thức truyền vào Việt Nam qua các giáo sĩ của Hội Truyền Giáo Phúc Âm Liên Hiệp (Christian and Missionary Alliance), tiếp theo đó, toàn bộ Thánh Kinh được dịch sang tiếng Việt, giúp cho nhiều người Việt Nam được biết rõ về Thiên Chúa và sự cứu rỗi của Ngài dành cho nhân loại. Từ đó đến nay, có rất nhiều người đã tin nhận Thiên Chúa cùng sự cứu rỗi của Ngài, như đã được bày tỏ trong Thánh Kinh và được rao giảng bởi Hội Thánh của Ngài. Đời sống của những người tin được biến đổi cách lạ lùng, và họ kinh nghiệm được sự tương giao mật thiết với Đấng Tạo Hóa. Những người đó tin chắc rằng, họ sẽ nhận được sự sống đời đời nếu họ trung tín, vâng phục Thiên Chúa, sống theo ý muốn của Ngài cho đến khi ra khỏi thân thể xác thịt hiện tại.

Ngược lại với sự sống đời đời là sự chết đời đời. Những ai không có sự sống đời đời thì chỉ có sự chết đời đời chờ đón họ. Tuy nhiên, sự sống đời đời là gì? Sự chết đời đời là gì? Làm thế nào để có được sự sống đời đời và thoát khỏi sự chết đời đời? Mọi câu trả lời đều đã có sẵn trong Thánh Kinh mà chúng tôi sẽ tổng hợp để trình bày cách chi tiết trong bài viết này.

Thực Hữu, Tự Hữu, và Hằng Hữu

Trước hết, chúng ta hãy cùng nhau phân biệt sự thực hữu, sự tự hữu, và sự hằng hữu. Những từ ngữ này đều là tiếng Hán Việt. Chữ “hữu” nghĩa là “có,” trái ngược với “không.” Vậy, “thực hữu” là “có thật;” “tự hữu” là “tự có,” và “hằng hữu” là có mãi mãi.

1. Thực hữu: Khi chúng ta nói một ai đó, một vật nào đó thực hữu là chúng ta nói ai đó có thật, vật nào đó có thật và gọi đó là một thực thể, tức là một hình thể có thật. Chỉ có hai cách duy nhất để thực

hữu là tự hữu hoặc được sáng tạo. Tự hữu là tự có, tự xuất hiện còn sáng tạo là được tạo ra bởi một thực thể khác.

2. Tự hữu: Chỉ có thể có một thực thể tự hữu và thực thể đó sáng tạo ra muôn loài vạn vật khác. Như đã nói trong phần mở đầu, Thánh Kinh gọi thực thể ấy là Thiên Chúa và là Đấng Tạo Hóa. Chính Ngài tự xưng mình là “Đấng Tự Có và Có Mãi Mãi.” Đó là tên gọi của Ngài. Thánh Kinh Việt Ngữ Bản Dịch Truyền Thống, phiên âm tên ấy thành “Giê-hô-va.”

3. Hằng hữu: Bất cứ một thực thể nào cũng sẽ có đến mãi mãi. Thiên Chúa là Đấng Tự Có và Có Mãi Mãi, cho nên, đương nhiên là Ngài có mãi mãi. Tất cả muôn loài vạn vật do Thiên Chúa dựng nên, từ các thiên sứ cho đến loài người, từ các loài súc vật cho đến các côn trùng, từ muôn vàn tinh tú vĩ đại trong vũ trụ bao la cho đến những hạt cát bé tí nơi bờ biển... đều có đến đời đời vì được chính Đấng Đời Đời dựng nên. Ngay chính lời phán của Thiên Chúa cũng còn đến đời đời, nói chi đến những việc và những vật do Ngài làm ra.

- Thánh Kinh cho biết, Lời Chúa còn đến đời đời: “*Cỏ khô, hoa rụng; nhưng **Lời của Thiên Chúa chúng ta còn mãi đời đời***” (Ê-sai 42:9)! “*Nhưng **Lời Chúa còn lại đời đời**. Và lời đó là Tin Lành đã giảng ra cho anh em*” (I Phi-e-rơ 1:25).
- Thánh Kinh cho biết, mọi việc Thiên Chúa làm nên còn đến đời đời: “*Ta biết rằng **mọi việc Thiên Chúa làm nên còn có đời đời**: người ta chẳng thêm gì được, cũng không bớt chi đáng; Thiên Chúa làm như thế, để loài người kính sợ trước mặt Ngài*” (Truyền Đạo 3:14).
- Thánh Kinh cho biết trái đất còn đến đời đời: “*Ngài xây đền thánh Ngài giống như nơi rất cao, khác nào **trái đất mà Ngài đã sáng lập đời đời***” (Thi Thiên 78:69).
- Thánh Kinh cho biết muôn loài thọ tạo còn đến đời đời: “*Ha-lê-lu-gia! Từ các tầng trời hãy tôn vinh Đức Giê-hô-va! Hãy tôn vinh Ngài trong nơi cao cả! Hỡi hết thảy các thiên sứ Ngài, hãy tôn vinh Ngài! Hỡi cả cơ binh Ngài, hãy tôn vinh Ngài! Hỡi mặt trời, mặt trăng, hãy tôn vinh Ngài! Hỡi hết thảy ngôi sao sáng, hãy tôn vinh Ngài! Hỡi trời của các tầng trời, hỡi nước trên các tầng trời, hãy tôn vinh Ngài! Cả thảy khá tôn vinh danh Đức Giê-hô-va; **Vì Ngài ra lệnh, thảy bèn được sáng tạo. Ngài lập cho vững các vật ấy đến đời đời vô cùng; Cũng đã định mạng, sẽ không có ai vi phạm mạng ấy***” (Thi Thiên 148:1-6).

Sự Hằng Hữu của Loài Người

Trong cái nhìn của loài người, chúng ta thấy mọi vật dường như bị suy thoái và tan rã, nhưng chính khoa học cũng đã chứng minh rằng vật chất luôn tồn tại. Những gì chúng ta kinh nghiệm chỉ là sự biến đổi trạng thái của mọi vật. Giả sử, chúng ta đem một thân thể xác thịt đi thiêu đốt thành tro bụi thì tất cả các nguyên tố hóa học (được Thánh Kinh gọi chung là bụi của đất) hợp thành thân thể đó chỉ bị sức nóng cao làm cho phân tán, trở về trạng thái nguyên thủy của chúng.

Thánh Kinh cho biết, một ngày kia, tất cả thân thể xác thịt của loài người đều được phục sinh. Những ai tin nhận và vâng phục Thiên Chúa thì sẽ được phục sinh trong sự vinh quang và khi đó thân thể vật chất sẽ trở thành siêu vật chất, nghĩa là vẫn là vật chất nhưng vượt qua mọi định luật hiện tại đang chi phối thế giới vật chất. Nói cách khác, thân thể vật chất hiện tại của chúng ta vì phạm tội mà thiếu mất sự vinh quang của Thiên Chúa nên bị hao mòn, già yếu, bệnh tật rồi chết, đồng thời không tể trị được các định luật vật lý, cho nên, bị các định luật ấy giới hạn. Khi được phục sinh trong vinh quang, thân thể vật chất của chúng ta sẽ trở nên trọn vẹn và đầy đủ năng lực như thân thể của A-đam khi được Thiên Chúa sáng tạo, chưa phạm tội, điều khiển được các định luật vật lý, tiêu biểu bởi thân thể phục sinh của Đức Chúa Jesus Christ.

Những ai không tin nhận và vâng phục Thiên Chúa thì thân thể vật chất của họ cũng được phục sinh nhưng để chịu hình phạt đời đời trong hỏa ngục. Thân thể được phục sinh của những người trong hỏa ngục cũng sẽ là một thân thể vật chất siêu vật chất để có thể chịu đốt đời đời bởi lửa của hỏa ngục. Theo Thánh Kinh, lửa trong hỏa ngục là chất lưu huỳnh (sulphur) bốc cháy (Khải Huyền 19:20; 21:8,

Thánh Kinh Việt Ngữ bản Dịch Truyền Thống dịch nhằm thành diêm sinh, là chất kali nitrat). Lưu huỳnh là hóa chất chính để làm diêm quẹt, và là một nguyên tố cần thiết cho mọi sự sống. Điều mĩa mai là chính nguyên tố cần thiết cho mọi sự sống đó lại làm khổ những kẻ bị giam trong chúng.

Nếu thân thể vật chất mà Thánh Kinh gọi là nhà tạm của chúng ta hằng hữu thì hướng gì là linh hồn, tức bản ngã, tức thân vị thật của chúng ta. Qua đó, chúng ta thấy rõ, cả thân thể vật chất xác thịt và linh hồn đều còn lại đời đời. Như vậy, sự chết đời đời có nghĩa gì?

Sự Chết và Sự Chết Đời Đời

Trước khi tìm hiểu ý nghĩa của sự chết đời đời thì chúng ta phải tìm hiểu ý nghĩa của từ ngữ “chết” được dùng trong Thánh Kinh. Sự chết được nói đến trong Thánh Kinh bao gồm sự chết của thân thể vật chất là xác thịt và sự chết của thân thể thiêng liêng là tâm thần, cùng với sự chết của chính linh hồn. Sự chết có hai giai đoạn, Thánh Kinh gọi là sự chết thứ nhất, có tính tạm thời, và sự chết thứ hai, có tính đời đời. Ý nghĩa chính xác của “sự chết” là sự phân rã. Thí dụ, khi chúng ta nói, quan hệ tình cảm của tôi với người ấy đã chết hẳn, là chúng ta muốn nói chúng ta và người ấy đã bị phân rã hoàn toàn về phương diện tình cảm.

1. Sự chết thứ nhất: xảy ra khi loài người phạm tội và lưu truyền trong dòng dõi loài người cho đến khi tội lỗi và sự chết bị tiêu diệt. Khi sự chết thứ nhất xảy ra thì:

a) Về mặt thuộc linh: Thân thể thiêng liêng là tâm thần và chính linh hồn bị phân rã với Thiên Chúa, khiến người chết không còn nhận biết thêm về Thiên Chúa, bị chấm dứt ân sủng được tương giao với Thiên Chúa, và không còn có thể thờ phượng Thiên Chúa: *“Còn anh em đã chết vì làm lỗi và tội ác mình, đều là những sự anh em xưa đã học đời, theo thói quen đời này, vâng phục vua cầm quyền chốn không trung tức là thần hiện đương hành động trong các con bạn nghịch. Chúng ta hết thấy cũng đều ở trong số ấy, trước kia sống theo tư dục xác thịt mình, làm trọn các sự ham mê của xác thịt và ý tưởng chúng ta, tự nhiên làm con của sự thạnh nộ, cũng như mọi người khác”* (Ê-phê-sô 2:1-3).

Tâm thần chết không còn được tương giao với Thiên Chúa mà chỉ còn có thể tương giao với Ma Quỷ và bị Ma Quỷ kiểm chế, khiến cho phải sợ hãi và thờ phượng Ma Quỷ qua các thần tượng.

Linh hồn chết không thể yêu thương được ai khác hơn là chỉ yêu thương chính mình, cho đến một lúc cũng sẽ trở nên thù ghét chính mình và tìm cách tự hủy diệt mình.

b) Về mặt thuộc thể: Thân thể vật chất xác thịt trở nên già yếu, hao mòn, bệnh tật theo thời gian, rồi cuối cùng bị phân rã với tâm thần và linh hồn, còn gọi là sự chết của thân thể xác thịt. Thánh Kinh đã cho chúng ta biết, khi sự chết của thân thể xác thịt xảy ra thì:

- Xác thịt trở về cùng bụi đất: *“vì người là bụi, người sẽ trở về bụi”* (Sáng Thế Ký 3:19). *“Hơi thở tắt đi, loài người bèn trở về bụi đất mình”* (Thi Thiên 146:4). *“và bụi tro trở vào đất y như nguyên cũ”* (Truyền Đạo 12:7).
- Tâm thần trở về cùng Thiên Chúa là Đấng đã ban nó: *“và tâm thần trở về nơi Thiên Chúa, là Đấng đã ban nó”* (Truyền Đạo 12:7).
- Người tin nhận và vâng phục Chúa được vào thiên đàng, ở bên cạnh Đức Chúa Jesus Christ, chờ ngày thân thể xác thịt được sống lại để nhận sự sống đời đời: *“Tôi bị ép giữa hai bề muốn đi ở với Đấng Christ, là điều rất tốt hơn; nhưng tôi cứ ở trong xác thịt, ấy là sự cần hơn cho anh em”* (Phi-líp 1:23). *“Khi Ngài tháo dấu ấn thứ năm, tôi thấy dưới bàn thờ có linh hồn những kẻ đã bị giết vì Lời của Đức Chúa Trời và vì chúng có mà họ đã giữ lấy”* (Khải Huyền 6:5). *“Như trong A-đam mọi người đều chết, thì cũng một lẽ ấy, trong Đấng Christ mọi người đều sẽ sống lại, nhưng mỗi người theo thứ tự riêng của mình: Đấng Christ là trái đầu mùa; rồi tới ngày Đấng Christ đến, những kẻ thuộc về Ngài sẽ sống lại”* (I Cô-rinh-tô 15:22-23). Xem thêm I Cô-rinh-tô 15:50-54 và I Tê-sa-lô-ni-ca 4:13-17.
- Người không tin nhận và vâng phục Chúa phải vào trong âm phủ, chờ ngày thân thể xác thịt

được sống lại, chịu sự phán xét chung cuộc, rồi nhận sự chết đời đời: “Rồi, tôi thấy một ngai trắng, lớn và Đấng ngự trên ngai. Đất và trời trốn khỏi mặt Ngài, chẳng còn thấy chỗ của chúng nữa. Tôi thấy những kẻ chết, nhỏ lẫn lớn, đứng trước Đấng Chúa Trời. Có những sách mở ra. Lại có một sách khác là Sách Sự Sống được mở ra. Những kẻ chết bị phán xét tùy theo những việc họ đã làm và đã được ghi lại trong những sách ấy. Biển đã giao lại những kẻ chết trong nó. Sự chết và âm phủ cũng đã giao lại những kẻ chết trong chúng. Mỗi người bị phán xét tùy theo những việc họ đã làm. Sự chết và âm phủ bị ném vào hồ lửa. Hồ lửa là sự chết thứ hai. Bất cứ kẻ nào không tìm thấy được chép trong Sách Sự Sống thì bị ném vào hồ lửa.” (Khải Huyền 20:11-15). Xem thêm Lu-ca 16-19-31.

2. Sự chết thứ nhì: còn gọi là sự chết đời đời, chỉ xảy ra cho những người không thuộc về Chúa. Thánh Kinh định nghĩa sự chết thứ nhì là linh hồn ở trong thân thể xác thịt đã phục sinh, bị nhốt trong hồ lửa, chịu khổ đời đời. “Họ sẽ bị hình phạt hư mất đời đời, xa cách mặt Chúa và sự vinh quang của quyền phép Ngài” (II Tê-sa-lô-ni-ca 1:9). Vì họ bị đời đời xa cách mặt Chúa nên họ sẽ không được ban cho thân thể thiêng liêng là tâm thần, là phương tiện để tương giao với Thiên Chúa và nhận biết Thiên Chúa ngày càng hơn, vì không cần thiết. Khải Huyền 21:8 chép: “Còn những kẻ hèn nhát, không tin, đáng gớm ghiếc; những kẻ giết người; những đĩ đực; những kẻ phù phép; những kẻ thờ thần tượng và tất cả những kẻ nói dối sẽ có phần của chúng trong hồ đốt với lửa và lưu hoàng. Đó là sự chết thứ hai.”

Như vậy, chúng ta thấy Thánh Kinh cho biết sự chết đời đời chỉ là sự bị phân rẽ khỏi Thiên Chúa và tình yêu của Ngài cho đến mãi mãi chứ không bao giờ có nghĩa là linh hồn bị tiêu diệt thành hư không, chẳng còn ý thức và cảm xúc. Nếu linh hồn bị tiêu diệt thành hư không hoặc không còn ý thức và cảm xúc thì sao lại gọi là “sẽ bị đau khổ cả ngày lẫn đêm cho đến đời đời” (Khải Huyền 20:10)?

Sự Sống và Sự Sống Đời Đời

Dù không ai có thể hiểu biết đầy đủ về sự sống và định nghĩa sự sống, nhưng ai nấy cũng ý thức rằng mình đang sống. Chúng ta có thể phân biệt về sự sống của loài người như sau:

- Xác thịt sống: linh hồn và tâm thần ở trong xác thịt.
- Tâm thần sống: linh hồn ở trong tâm thần và tâm thần giúp linh hồn tương giao với Thiên Chúa, nhận biết Thiên Chúa ngày càng hơn; luật pháp và điều răn của Thiên Chúa được ghi chép trong tâm thần; năng lực của Đức Thánh Linh tuôn đổ trong tâm thần, giúp cho linh hồn có những quyết định đúng theo thánh ý của Thiên Chúa và có năng lực làm tròn những việc lành mà Đức Chúa Trời đã sắm sẵn cho linh hồn.
- Linh hồn sống: linh hồn nhận biết Thiên Chúa và vâng phục Thiên Chúa.
- Sự sống đời đời: linh hồn đã được tái sinh ở trong một tâm thần đã được tái sinh và ở trong một xác thịt đã được phục sinh hoặc đã được biến hóa, mãi mãi ở trong trạng thái và địa vị nhận biết Thiên Chúa và hạnh phúc bên Ngài. Sự nhận biết Thiên Chúa cứ tăng tiến mãi, không ngừng nghỉ, cho đến đời đời.

Nhiều Cơ-đốc nhân khi được hỏi sự sống đời đời là gì thì trả lời rằng: Sự sống đời đời là mãi mãi được vui sống trong tình yêu của Thiên Chúa. Câu trả lời đó đúng với sự dạy dỗ của Thánh Kinh. Tuy nhiên, ý nghĩa sâu nhiệm của sự sống đời được chính Đức Chúa Jesus Christ trình bày như sau: “Vả, sự sống đời đời là để họ nhìn biết Ngài, tức là Chúa Trời có một và thật, cùng Jesus Christ, là Đấng Ngài đã sai đến” (Giăng 17:3).

Từ ngữ được dịch là “nhìn biết” trên đây, trong nguyên tác Hy-lạp là “γινώσκω,” G1097, phiên âm quốc tế /ginōskō/, phiên âm tiếng Việt [ghê-nôt-s-cô], được dùng trong thì hiện tại, có nghĩa là: một sự hiểu biết sâu nhiệm và thường trực, không phải chỉ bởi tri thức mà còn bằng cảm xúc trong một mối quan hệ vô cùng thân thiết như vợ chồng “biết” nhau: “song không hề **ăn ở với** (trong nguyên tác là **biết đến**) cho đến khi người sanh một trai, thì đặt tên là Jesus” (Ma-thi-ơ 1:25). “Ma-ri bèn thưa rằng: Tôi chẳng hề **nhận biết** người nam nào, thì làm sao có được sự đó?” (Lu-ca 1:34).

Sự sống đời đời, vì thế, không chỉ đơn thuần là sự hằng hữu trong bình an và hạnh phúc mà còn là sự vui thỏa lạ lùng trong sự tương giao với Thiên Chúa và hiểu biết Thiên Chúa cách sâu nhiệm, ngày càng hơn, cho đến mãi mãi.

Sự sống đời đời khác với sự hằng hữu. Loài vật chất vô tri vẫn hằng hữu nhưng không có sự sống đời. Những ai không tin nhận và vâng phục Thiên Chúa thì sẽ hằng hữu và chịu khổ mãi mãi trong hỏa ngục cùng với Ma Quỷ và tay sai của nó. Họ còn đến đời đời nhưng không gọi là sống đời đời mà gọi là chết đời đời, vì chết là bị phân rã, và chết đời đời là mãi mãi bị phân rã khỏi Đức Chúa Trời.

Kết Luận

Vì chỉ có một trong hai kết cuộc cho mỗi một người được thực hữu làm người trong thế gian này, đó là được sống đời đời hoặc bị chết đời đời, cho nên, mỗi người phải khôn ngoan chọn lựa cho chính mình. Nếu bạn không làm gì hết, bạn đương nhiên sẽ nhận lấy sự chết đời đời, vì *“mọi người đều đã phạm tội, thiếu hụt sự vinh quang của Đức Chúa Trời”* và *“công giá của tội lỗi là sự chết”* (Rô-ma 3:23; 6:23). Nếu bạn thật lòng ăn năn tội, hết lòng từ bỏ tội, tin nhận chỉ một mình sự chết chuộc tội của Đức Chúa Jesus Christ chứ không dựa vào một công đức nào khác, và trung tín sống theo Lời Chúa là Thánh Kinh, thì bạn sẽ đương nhiên nhận được sự sống đời đời.

Nếu bạn chưa có sự sống đời đời, bạn hãy quyết định ngay trong lúc này. Vì một khi bạn tắt hơi, lìa khỏi thân xác này, thì bạn sẽ không còn cơ hội để tin nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời nữa. Không ai biết được mình có còn sống sau hơi thở đang thở hay không! Thánh Kinh kêu gọi bạn: *“Kìa, hiện nay là thì thuận tiện; kìa, hiện nay là ngày cứu rỗi”* (II Cô-rinh-tô 6:2). Đức Chúa Jesus Christ hứa với bạn: *“kẻ đến với Ta, thì Ta không bỏ ra ngoài đâu”* (Giăng 6:37). *“Ta là sự sống lại và sự sống; ai tin nơi Ta thì sẽ sống, mặc dầu đã chết rồi”* (Giăng 11:25).

Sau khi đã quyết định, bạn hãy chân thành thưa với Chúa vài lời tương tự như sau: ***“Kính lạy Thiên Chúa Hằng Hữu, là Cha của con ở trên trời. Hôm nay, con xin ăn năn từ bỏ tội và tin nhận sự chết chuộc tội của Đức Chúa Jesus Christ trên thập tự giá. Xin Cha tiếp nhận con và dạy cho con được hiểu biết Lời Ngài. Con cầu nguyện trong danh của Đức Chúa Jesus Christ. A-men!”***

Nếu bạn không biết cách phát âm danh từ “Jesus Christ” thì bạn có thể phát âm là “Giê-xu Ki-tô” hoặc “Giê-xu Cơ-đốc.” “A-men” có nghĩa là thật như vậy. Bạn có thể email cho tôi để được hướng dẫn thêm về nếp sống mới trong Chúa và ghé thăm website www.timhieutinlanh.net để đọc và nghe các tài liệu giúp bạn hiểu biết Lời Chúa là Thánh Kinh. Chúc mừng bạn đã đến với sự sống đời đời trong Đức Chúa Jesus Christ. Bạn hãy loan báo tin tức tốt lành về sự sống đời đời cho những ai chưa biết đến.

Huỳnh Christian Timothy
15/12/2012

Ghi Chú

[1] Đọc và nghe các bài giảng về “Loài Người” tại đây:
<http://thanhoc.timhieutinlanh.net/taxonomy/term/70>
<http://timhieutinlanh.net/node/1034>

Sống Đạo Là Gì?

Dẫn Nhập

Sống Đạo là thể hiện đức tin qua hành động trong cuộc sống mỗi ngày, tức là sống đúng theo ý Chúa đã được bày tỏ qua Lời Chúa. Đạo tức là ý Chúa đã được truyền cho chúng ta và ghi chép lại trong Thánh Kinh. Sống Đạo bao gồm ba phương diện: (1) tiếp tục chịu sự thánh hóa bởi Đức Thánh Linh; (2) hết lòng làm tròn những điều Chúa giao phó; và (3) trung tín với Chúa cho đến chết.

Tiếp Tục Chịu Sự Thánh Hóa Bởi Đức Thánh Linh

Khi chúng ta thật lòng ăn năn tội và tin nhận sự cứu rỗi của Đức Chúa Trời ban cho chúng ta trong Đức Chúa Jesus Christ thì lập tức: (1) Chúng ta được Đức Chúa Trời xưng là công chính, nghĩa là chúng ta không còn phải gánh trách nhiệm về mọi tội lỗi của mình. (2) Chúng ta được Đức Chúa Jesus Christ dùng máu Ngài rửa sạch tội của chúng ta. (3) Chúng ta được Đức Thánh Linh tái sinh và ban cho Thánh Linh của Đức Chúa Trời, tức là được dựng nên mới trong Đức Chúa Jesus Christ.

Con người được dựng nên mới đó, tức là linh hồn được sống lại trong một tâm thần mới vẫn còn sống trong thân thể xác thịt cũ, cho nên, chúng ta cần phải tiếp tục được thánh hóa. Sự thánh hóa do Đức Thánh Linh chủ động và chúng ta phải hết lòng tiếp nhận.

Đức Thánh Linh thánh hóa chúng ta bằng cách:

1. Ban Thánh Linh của Ngài cho chúng ta để chúng ta trở nên giống như Đức Chúa Trời trong bản chất, tức là giống như Đức Chúa Trời trong sự công bình và thánh sạch của lẽ thật (Ê-phê-sô 4:24); giống như Đấng Christ trong mọi việc làm, tức là làm như Đấng Christ đã làm (I Giăng 2:6).
2. Dùng lẽ thật của Lời Chúa thánh hóa chúng ta (Giăng 17:17) bằng cách dẫn chúng ta vào trong mọi lẽ thật của Lời Chúa (Giăng 16:13), tức là ban sự khôn ngoan thông sáng cho chúng ta để chúng ta có

thể hiểu rõ Lời Chúa và ban các ân tứ cho chúng ta để chúng ta có năng lực sống và giúp các anh chị em khác cũng sống đúng theo Lời Chúa.

Sự thánh hóa xảy ra mỗi ngày trong từng khoảnh khắc của đời sống chúng ta. Bản phận của chúng ta là sốt sắng và sẵn lòng tiếp nhận sự thánh hóa của Đức Thánh Linh.

Hết Lòng Làm Tròn Những Điều Chúa Giao Phó

Chúng ta được Đức Thánh Linh thánh hóa để trở nên giống như Đức Chúa Trời về bản chất và giống như Đấng Christ trong mọi hành động. Mỗi hành động của chúng ta là sự thể hiện bản chất thánh khiết Chúa ban cho chúng ta. Mỗi hành động của chúng ta kể từ sau khi được dựng nên mới phải là những việc lành mà Đức Chúa Trời đã sắm sẵn cho chúng ta:

“Vì chúng ta là việc Ngài làm ra, đã được dựng nên trong Đấng Christ Jesus để làm những việc lành mà Đức Chúa Trời đã sắm sẵn trước cho chúng ta làm theo” (Ê-phê-sô 2:10).

Bởi vì:

“... chẳng có người nào trong chúng ta vì chính mình mà sống, cũng chẳng có người nào trong chúng ta vì chính mình mà chết; vì nếu chúng ta sống, là sống cho Chúa, và nếu chúng ta chết, là chết cho Chúa. Vậy nên chúng ta hoặc sống hoặc chết, đều thuộc về Chúa cả” (Rô-ma 14:7-8).

Ngay cả những tâm tư, tình cảm và ước muốn của chúng ta cũng chính là những điều mà Thiên Chúa cảm động chúng ta vừa muốn, vừa làm theo thánh ý tốt lành của Ngài: *“Vì ấy chính Thiên Chúa cảm động lòng anh em vừa muốn vừa làm theo ý tốt Ngài” (Phi-líp 2:13).*

Trong cuộc sống mỗi ngày, chúng ta luôn dọn lòng bằng cách: *“... phàm điều chi chân thật, điều chi đáng tôn, điều chi công bình, điều chi thánh sạch, điều chi đáng yêu chuộng, điều chi có tiếng tốt, điều chi có nhân đức đáng khen,”* thì chúng ta phải nghĩ đến (Phi-líp 4:8). Kế tiếp, chúng ta dùng Lời Chúa làm tiêu chuẩn cho mọi hành động của chúng ta. Chúng ta chỉ có thể làm những việc lành mà Chúa đã sắm sẵn cho chúng ta. Chúng ta không nên làm bất cứ một điều gì theo ý riêng của mình. Mỗi một việc lành Chúa đã sắm sẵn cho chúng ta luôn luôn đáp ứng đủ ba điều kiện sau đây:

1. Đó là việc đem lại ích lợi, nhất là ích lợi cho người khác, tức là việc làm không đem lại thiệt hại cho ai.
2. Đó là việc làm đem lại sự gây dựng, tức là việc làm khiến cho mọi người được vững mạnh trong đức tin.
3. Đó là việc làm tôn vinh Chúa, tức là việc làm thể hiện sự yêu thương, công bình, và thánh khiết của Thiên Chúa.

Thiếu một trong ba điều kiện nêu trên thì không phải là việc lành. Lời Chúa dạy rõ:

“Mọi sự đều có phép làm, nhưng chẳng phải mọi sự đều có ích; mọi sự đều có phép làm, nhưng chẳng phải mọi sự đều làm gương tốt” (I Cô-rinh-tô 10:23).

“Vậy, anh em hoặc ăn, hoặc uống, hay là làm sự chi khác, hãy vì sự vinh quang của Thiên Chúa mà làm” (I Cô-rinh-tô 10:31).

Mặc dù I Cô-rinh-tô 10:23 nói về các thức ăn nhưng I Cô-rinh-tô 10:31 cho phép chúng ta áp dụng sự dạy dỗ của nó vào trong mọi sự. Những việc lành Đức Chúa Trời đã sắm sẵn cho chúng ta, từ sự tôn vinh Chúa, rao truyền danh Chúa cho đến lòng bố thí cũng chính là những cửa lễ chúng ta dâng lên Chúa mỗi ngày:

“Vậy, hãy cậy Đức Chúa Jesus mà hằng dâng tế lễ bằng lời tôn vinh cho Đức Chúa Trời, nghĩa là bông trái của môi miến xưng danh Ngài ra. Chớ quên việc lành và lòng bố thí, và sự tế lễ dường ấy đẹp lòng Đức Chúa Trời” (Ê-phê-sô 5:19-20).

Vì thế, trong mọi việc chúng ta làm, chúng ta phải hết lòng mà làm như làm cho Chúa chứ không phải làm cho loài người:

“Hễ làm việc gì, hãy hết lòng mà làm, như làm cho Chúa, chớ không phải làm cho người ta” (Cô-lô-se

3:23).

Trung Tín Cho Đến Chết

Trung tín cho đến chết chỉ có một ý nghĩa vô cùng đơn giản, đó là: sống theo Lời Chúa dạy cho đến khi chúng ta chết, cho dù là chết bằng cách nào, chết vì lý do gì. Chúng ta có thể chết bất ngờ vì một tai nạn, vì một cơn đột quy. Chúng ta có thể chết vì tuổi già, vì bệnh tật. Chúng ta có thể chết vì bị bách hại đức tin. Trước khi chết, chúng ta có thể phải trải qua những hoạn nạn, thử thách, đau khổ... mà chúng ta phải cậy ơn Chúa để có thể chịu đựng và luôn đứng vững trong đức tin. Bởi vì, ân điển của Chúa là trọn vẹn trong sự yếu đuối của chúng ta:

“Nhưng Chúa phán rằng: Ân điển Ta đủ cho người rồi, vì sức mạnh của Ta nên trọn vẹn trong sự yếu đuối. Vậy, tôi sẽ rất vui lòng khoe mình về sự yếu đuối tôi, hầu cho sức mạnh của Đấng Christ ở trong tôi. Cho nên tôi vì Đấng Christ mà đành chịu trong sự yếu đuối, nhục nhã, túng ngặt, bắt bớ, khốn khó; vì khi tôi yếu đuối, ấy là lúc tôi mạnh mẽ” (II Cô-rinh-tô 12:9-10).

Bởi vì, trong Đức Chúa Jesus Christ chúng ta có thể làm được mọi sự:

“Qua Đấng Christ là Đấng ban thêm sức cho tôi, tôi làm được mọi sự” (Phi-líp 4:13).

Năng Lực Thắng Cám Dỗ và Tội Lỗi

Trong thực tế của nếp sống Đạo điều mà chúng ta phải đối diện mỗi ngày là sự cám dỗ phạm tội. Tội lỗi đầu tiên vào trong thế gian, mở đầu cho tất cả mọi tội lỗi, là qua lời cám dỗ Ma Quỷ dùng để xúi giục tổ phụ của loài người không vâng lời Thiên Chúa. Khi Đức Chúa Jesus nhập thể làm người để thực hiện chương trình cứu rỗi nhân loại ra khỏi quyền lực và hậu quả của tội lỗi thì Ma Quỷ cũng ba lần ra sức cám dỗ Ngài phạm tội. Vì thế, chúng ta có thể tin chắc rằng, hầu hết những sự cám dỗ phạm tội đều do Ma Quỷ chủ động.

Trước hết, chúng ta tránh không đặt mình vào trong môi trường bị cám dỗ. Chúng ta cần xa lánh tất cả những cơ hội, những nơi chốn là nguồn gốc của những sự cám dỗ chúng ta phạm tội. Khi đối diện với cám dỗ thì chúng ta lập tức bỏ chạy, bất kể hậu quả sẽ như thế nào. Mục đích của chúng ta là giữ mình thánh sạch trong mọi nơi, mọi lúc. Nếu sự cám dỗ đã xâm nhập tâm trí của chúng ta thì chúng ta phải lập tức nhân danh Đức Chúa Jesus Christ để xua đuổi nó.

Trong Mác 16:17 ghi lại lời phán của Chúa rằng, hễ ai tin Ngài thì sẽ được ban cho các dấu lạ và một trong các dấu lạ ấy, là lấy danh Ngài mà trừ quỷ. Dùng danh Chúa để trừ quỷ bao gồm việc chúng ta đuổi quỷ ra khỏi những người bị quỷ nhập và đuổi quỷ đang vây quanh chúng ta, tìm cách cám dỗ chúng ta phạm tội. Giả sử chúng ta đang bị cám dỗ phạm tội tà dâm thì chúng ta hãy lớn tiếng nhân danh Chúa để xua đuổi sự cám dỗ ấy. Chúng ta có thể nói: **“Trong danh của Đức Chúa Jesus Christ, ta truyền cho sự cám dỗ phải lui ra khỏi ta ngay lập tức. A-men!”**

Cũng sẽ có những lúc sự cám dỗ quá mạnh mẽ, là lúc chúng ta gặp những cơn quỷ gan lì, cố gắng ra sức chống trả (tham khảo Đa-ni-ên:12-13; Ma-thi-ơ 17:21) thì chúng ta cần phải kêu cầu danh Chúa để được cứu (Rô-ma 10:13). Chúng ta có thể kêu cầu Chúa giải cứu chúng ta, như sau: **“Lạy Đức Chúa Jesus Christ, xin cứu con ra khỏi sự phạm tội tà dâm. A-men!”**

Chúng ta gọi đích danh của từng sự cám dỗ, của từng loại tội khi chúng ta dùng danh Chúa để xua đuổi nó hoặc kêu cầu danh Chúa để xin Chúa giải cứu chúng ta. Chúng ta có thể thay thế hai chữ “tà dâm” trong các thí dụ trên đây bằng bất cứ tên gọi nào khác của những sự cám dỗ và tội lỗi: tham lam, kiêu ngạo, dối trá, ghiền thuốc lá, ghiền rượu, ghiền ma túy, ghiền cờ bạc, nói tục, chửi thề, nóng giận, hỗn láo, bất hiếu, vv...

Kết Luận

Sống Đạo chính là thờ phượng Chúa trong tâm thần và lẽ thật (Giăng 4:24). Trong tâm thần: Mỗi một ý nghĩ, lời nói việc làm của chúng ta đều hướng về Chúa và vì sự vinh quang của Chúa. Trong lẽ thật: Mỗi một ý nghĩ, lời nói việc làm của chúng ta đều đúng theo Lời Chúa, vì Lời Chúa là lẽ thật, là khuôn mẫu cho tất cả mọi sự. Khi chúng ta thờ phượng Chúa trong tâm thần và lẽ thật thì Chúa sẽ ban cho chúng ta năng lực của chính Ngài để chúng ta có thể sống một đời sống dư dật và đắc thắng trong

Đấng Christ, đến nỗi, không một điều gì, kể cả sự chết có thể phân rẽ chúng ta ra khỏi sự yêu thương của Ngài (Rô-ma 8:38-39).

Để có thể sống Đạo một cách trọn vẹn, chúng ta cần dâng thân thể của mình làm của lễ sống và thánh lên cho Chúa:

“Vậy, hỡi anh em, tôi lấy sự thương xót của Đức Chúa Trời khuyên anh em dâng thân thể mình làm của lễ sống và thánh, đẹp lòng Đức Chúa Trời, ấy là sự thờ phượng phải lễ của anh em. Đừng làm theo đời nầy, nhưng hãy biến hóa bởi sự đổi mới của tâm thần mình, để thử cho biết ý muốn tốt lành, đẹp lòng và trọn vẹn của Đức Chúa Trời là thể nào” (Rô-ma 12:1-2).

Trong địa vị và chức vụ thầy tế lễ Đức Chúa Jesus Christ ban cho chúng ta (Khải Huyền 1:6), chúng ta hãy mỗi ngày hai bận, sáng sớm và chiều tối, dâng thân thể của mình làm của lễ sống và thánh lên Đức Chúa Trời (Dân Số Ký 28:3-4). Nhờ đó mà chúng ta sống một nếp sống Đạo dư dật và đắc thắng trong Đức Chúa Jesus Christ.

Huỳnh Christian Timothy
15/07/2012

Kính Mời Quý Bạn Đọc
Ghé Thăm Các Website Sau Đây:

www.timhieutinlanh.net
www.timhieuthanhkinh.net
www.phunu.timhieutinlanh.net
www.thanhoc.timhieutinlanh.net
www.biengiao.timhieutinlanh.net
www.thanhkinhvietngu.net

Và Tham Dự:

Paltalk Chat Room
Tim Hieu Thanh Kinh

Từ 8:00 – 10:00 Giờ Sáng Mỗi Thứ Bảy
Ngày và Giờ Việt Nam
Nick: HuynhTimothy_211254

Paltalk Chat Room
Phat Thanh Tim Hieu Tin Lanh

Phát Thanh 24/24 Mỗi Ngày
Nick: phatthanh_timhieutinlanh



Pastor Huỳnh Christian Timothy và hiền thê Huỳnh Christian Priscilla hiện đang sống tại Hoa Kỳ. Ông bà đang tiến hành phiên dịch Thánh Kinh Việt Ngữ Tân Ước, Bản Dịch Ngôi Lời, là bản dịch thật sát với nguyên ngữ Hy-lạp của Thánh Kinh. Ông bà cũng đang viết các sách chú giải Thánh Kinh Tân Ước và sách "Kỳ Tận Thế." Mỗi sáng thứ bảy, từ 8:00 đến 10:00 giờ (giờ và ngày Việt Nam), ông chia sẻ Lời Chúa trên Internet, qua Paltalk Chat Room, Phòng: Tim Hieu Thanh Kinh. Ông bà cùng phụ trách các websites:

www.kytanthe.net

www.timhieutinlanh.net

www.timhieuthanhkinh.net

www.phunu.timhieutinlanh.net

www.thanhoc.timhieutinlanh.net

www.biengiao.timhieutinlanh.net

<https://www.facebook.com/huynhchristiantimothy>

www.thanhkinhvietngu.net